



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

phát-huy văn-hóa dân-tộc

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

nguyệt - san

xuất-bản mỗi tháng vào ngày 15

năm thứ hai

quyển **14**



đặc biệt :

thể dân ca
với
nguyễn - du

thuần-phong

nhóm đồng-nai xuất-bản

Bộ mới : số 3



Trong tập 14 :

Số trang

3	nguyễn du với thể dân ca	thuần phong ngô văn phát
40	bình minh đen (truyện ngắn)	an cư
49	cường đàm : hàn lâm viện	nhị cường
52	sương mù cuộc đời (truyện ngắn)	nguyên hữu tri
73	hát bội (tiếp theo)	thân văn nguyên văn quý
78	những chuyện đi rừng rợn (ký sự)	an cư
85	tao đàn : đêm khói lửa	trần văn linh
87	phê bình hát bội	thân văn nguyên văn quý
92	nguồn gốc của đạo tam tạng ngũ thường	an cư
97	niềm đau nhức của thời đại	lê duy tâm
106	đổi nghề (truyện ngắn)	minh quân
120	trung quốc triết học sử (phùng hữu lan)	an cư dịch
123	vài cảm tưởng sau khi đọc sách (tiếp theo)	lê thọ xuân
139	sốt đô thị (truyện dài)	long diên
146	bach thoại văn văn phạm	thôi tiêu nhiên

chủ nhiệm kiêm chủ bút : an cư
lồng thơ ký tòa soạn : thôi tiêu nhiên

phát-huy văn-hóa dân-tộc

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

nguyệt - san

xuất-bản mỗi tháng vào ngày 15

năm thứ hai

quyển 14

do chánh-trí mai thọ-truyền
hồ đắc-thăng
tuần-lý huỳnh khắc-dụng
lê thọ-xuân
thuần-phong ngô văn-phát
thân-văn nguyên văn-quí
bửu cầm
tiêu nguyên-tử
vương hồng-sên
lê ngọc-trụ
nguyễn công thiên
trần văn quý
trọng-toàn nguyên văn kiêm
phạm long diên
thôi tiêu nhiên
ô tăng hậu

trần văn linh
việt-thường
minh-quân
nguyễn thanh-liêm
lê duy tâm
tạ quang-phát
lê hữu-mục
nguyễn văn y
huỳnh phú hiệp
sơn nam
nguyễn văn-hầu
nguyễn hữu-tri
kiên-giang hà huy-hà
nguyễn ngọc-huy
võ thành thân
an cư

cùng viết

nhóm đồng-nai xuất-bản

Bộ mới : số 3



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Nhà Hàng

KIM-LONG

51-53, đại lộ Tổng-đốc Phương (CHỢ LỚN)

Điện-thoại : số 37.389

15 NĂM NỔI TIẾNG VỀ THỰC-ĐƠN QUẢNG-BÔNG

- Lãnh tiệc đám cưới
- Phòng sạch-sẽ, rộng-rãi
- Tiếp-đãi lịch-sự, châu-đáo.

Hãy đọc và cổ động

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

nguyệt-san

NGUYỄN DU với Thề Dân Ca

● của Thuần-Phong **NGÔ-VĂN-PHÁT**

DUYÊN KHỞI

Năm 1965, nhiều nước đã cử-hành lễ kỷ-niệm hai trăm năm sinh nhật NGUYỄN-DU. Nước Pháp cũng dành cho nhà Thơ Tiên-Điền một tấm lòng ngưỡng-mộ : trường Đại-học SORBONNE ở Paris, do cơ-quan Séminaire d'Etudes vietnamiennes, dưới sự điều-khiển của Giáo-sư Maurice DURAND, Giám-Đốc Thực-tập Cao-học (Ban 4, Ngữ-học Việt-Nam), đã làm một công-trình đề tưởng-niệm, gọi là PROJET NGUYỄN-DU (Dự-án Nguyễn-Du), trong đó tập-hợp nhiều bài khảo-luận của nhiều học-giả.

Thiên tiểu-luận NGUYỄN-DU ET LA MÉTRIQUE POPULAIRE (Nguyễn-Du với thề dân-ca) nhưn vậy đã chuyển đến DỰ-ÁN, gọi là đề làm dự một phần nhỏ-nhoi trong cuộc kỷ-niệm có tánh-cách quốc-tế ấy.

Trước khi DỰ-ÁN chào đời, Giáo-sư Maurice DURAND đã lìa đời ngày 30 tháng 4 năm 1966, bỏ lại Việt-học, đệ-tử và thân-hữu của mình, không được bỗng thân hoán-thành cuộc ẩn-loát bộ sách đề tưởng-niệm Nguyễn-Du. Giọt nước mắt chưa trào ra trên giấy trắng mực đen đề « khóc người đời xưa », mà Ông đã vội ra người thiên-cổ !

DỰ-ÁN NGUYỄN-DU được Ông khởi công vào mùa xuân năm 1964, mãi đến mùa thu năm 1966, Ông đã qua đời, mới hoàn-thành và do *TRƯỜNG VIỆN-ĐÔNG BẮC-CỔ* xuất bản thành bộ số *LIX* dưới nhan đề :

MÉLANGES SUR NGUYỄN-DU

Nay bộ sách *MÉLANGES SUR NGUYỄN-DU* (Tập-luận về Nguyễn-Du) mới gởi tới đất nước của Nguyễn-Du, thì giáp một năm tròn, kể từ ngày Maurice DURAND vĩnh-biệt chúng ta. Bộ *MÉLANGES* là « nước mắt » của Maurice DURAND và văn-hữu tưởng-niệm Nguyễn-Du, thì thiên tiểu-luận *NGUYỄN-DU VỚI THỂ DÂN-CA* là một ngọn đèn lòng của người còn lại đốt dựng đến kể ra đi.

Sài-gòn, ngày 30-4-1967

Thuần-Phong *NGÔ-VĂN-PHÁT*

Đã có những cuộc khảo-cứu về dân-ca, cổ phân-tách con người trong đời sống tinh-cảm ở giữa một xã-hội phong-kiến và đứng trước thiên-nhiên, khi thì cấp-dưỡng cho con người, khi lại hãm-dọa. Có vài tác-giả đã thử làm nổi bật lên một ít phương-diện cơ-cấu của dân-ca, bằng cách nêu ra những nét đẹp thông-thường nhất của bút-pháp, như là những từ-hoa. Ở dưới đáy những kho tàng văn-chương bao-la ấy, vẫn còn một địa-hạt chưa được biết đến, đó là phần thi-diệu với kỹ-thuật đặc-thù và chuyên-biến mà không được thiên-hạ chú ý đến, dầu cho từ khi dân-ca được đề cao chỉ những bây giờ. Chánh ngay nhơn-dân, là tác-giả nặc-danh đó, cũng dường như không biết được cách kiến-trúc của những câu thơ mà mình ca-hát say-sưa ; bởi vì nhơn-dân chỉ đặt ra câu hát của mình bằng cách tức-hứng, không ngờ có những qui-cử gắt-gao mà xưa nay chưa từng được thi-đàn nào lập thành qui-luật (1).

(1) Từ 1940, một số ít tác-giả đã có thử rút ra những qui-cử đó để theo hình dáng của thi-diệu Trung-Hoa, mà những qui-cử ấy tựu trung không khác lắm với.

Những nhà nho, tuy đã từng ru-dỗ cảm-hứng của mình cùng một nhịp-diệu với nông-dân, cũng không thềm hạ-cổ đến những điều-luật căn-bản ấy, không phải vì sự hiện-diện thượng-xuyên của những điều-luật ấy không được phát lộ dưới con mắt thông-thái của họ, mà vốn bởi vì những điều-luật đó đã phát sanh ra từ thiên-tánh sáng-tạo của giống-nòi và cũng bởi vì những điều-luật ấy tự nó lập thành, trải qua một trường kinh-nghiệm lâu-đài hoàn-toàn của Việt-Nam, biệt-lập đối với thi-phái cổ-diễn Trung-Hoa.

Trong tập biên-khảo *CA-DAO GIẢNG-LUẬN* (1) của chúng tôi, chúng tôi đã từng trình bày tóm-tắt nhiều thể thơ với biến-thể trong cơ-cấu của dân-ca. Nhưng đó chẳng qua là một biểu-đồ khái-lược không thể cho thấy được tất cả phương-diện của một nghệ-thuật tinh-vi.

Để cho hiểu được vấn-đề của chúng ta thảo-luận, phận-sự chúng tôi là rút ra phần kỹ-thuật của dân-ca, ít nữa là dưới khía-cạnh thi-nghệ của *NGUYỄN-DU*, vì khuôn-khổ hạn-định của thiên khảo-luận này không tài nào thích-ứng với một cuộc biên-khảo trọn đủ.

THỂ DÂN-CA

Dân-ca, như tên nó đã chỉ, vốn phát-sanh do nhơn-dân và vì nhơn-dân ; nhơn-dân hát ngày và hát đêm, trong tất cả cảnh-huống của đời mình và ở khắp nơi nơi, từ cái nơi là nơi mới chào đời, cho đến năm mồ là nơi mãn kiếp, trải qua bao nhiêu công-trường rộn-riệp và bao nhiêu cánh đồng thanh-u, dưới mặt trời nồng-nhiệt cũng như dưới vầng trăng đa tình, khi thì độc-chiếc, khi thì song-ca, khi lại hợp-xương, để ru ngủ đứa con trong hơi ấm-nồng của lòng mẹ, để trao-đổi lời nguyện ân-ái mới phát-sanh trong hơi ngáy-ngất của những lúc say-sưa, để vãi bỏ những phiền-muộn vắn-vơ trong cảnh thiên-nhiên man-mác, cuối-cùng để cầu-khẩn thần-quyền cho được mưa thuận

(1) *Bồn Á-Châu*, Sài-Gòn, 1958, tr. 10 và kế-tiếp.

gió hòa. Thứ văn-chương địa-phương đó, vừa là cảm-hứng và thanh-âm, vừa là thi-vị và âm-nhạc, muốn uốn mình hòa theo các nhịp sống ấy, phải được uyển-chuyển điệu-kỳ, một thứ uyển-chuyển chỉ có được trong một thể thơ đã dày kinh-nghiệm trải qua nhiều thế-kỷ.

Thể thơ của dân-ca vốn khác hẳn với thể thơ cổ-diễn Trung-Hoa, nhất là với thể thất-ngôn, là thể thơ có 7 tiếng(1) mỗi câu, đặt theo một hệ-thống điệu và vần riêng biệt. Quả thật vậy, dân-ca Việt-Nam vốn đặt bằng những câu thơ rất khác nhau và liên-kết khéo-léo. Trong đó, người ta thấy câu thơ có ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám tiếng và có khi dài hơn nữa, hỗn-hợp với nhau theo nhiều công-thức khác nhau, mà đây là những công-thức thông-thường hơn hết :

- | | | |
|----|---|---|
| 1) | Cây da cũ, | 3 |
| | Con yếm rũ, | 3 |
| | Cây da tàn, | 3 |
| | Bao nhiêu lá rụng, thương nàng bấy nhiêu. | 8 |
| 2) | Trầu ăn là nghĩa, | 4 |
| | Thuốc xỉa là tình, | 4 |
| | Đội ơn phụ-mẫu sanh mình dễ thương. | 8 |
| 3) | Cá bóng đi tu, | 4 |
| | Cá thu nó khóc, | 4 |
| | Cá lóc nó rầu, | 4 |
| | Phải chi ngoài biển có cầu, | 6 |
| | Anh ra đến đó giải sầu cho em. | 8 |
| 4) | Anh tử cái phận anh, | 5 |
| | Chẳng thà ở lều tranh | 5 |
| | Như Thầy Túng, Thầy Lộ, | 5 |
| | Cũng không ham-mộ | 4 |
| | Như Vương-Khải, Thạch-Sùng, | 5 |
| | Đạo người giữ vẹn, bản cùng sá bao. | 8 |

(1) Xin cho chúng tôi được phép thích dùng tiếng tiếng (terme) hơn tiếng chừn của la-tinh và tiếng văn của Pháp, mà nó khác hẳn, về mặt cấu-tạo.

- | | | |
|----|---------------------------------------|---|
| 5) | Quê càng gia càng tốt, | 5 |
| | Mia càng đốt càng ngon, | 5 |
| | Anh thương em đừng nghĩa vuông tròn | 7 |
| | Mấy sông cũng lội, mấy hòn cũng theo. | 8 |
| 6) | Phải chi anh chưa vợ, | 5 |
| | Hãy còn nợ còn duyên, | 5 |
| | Em cũng cây yêng, | 4 |
| | Như thuyền cây lái ; | 4 |
| | Ai ngờ phận trái | 4 |
| | Như lái nghịch chèo ! | 4 |
| | Thôi anh hãy giữ lấy lèo, | 6 |
| | Đừng ham thả lỏng, hùm-nghèo có khi. | 8 |
| 7) | Minh-quân lương-lễ tao phùng dĩ, | 7 |
| | Tài-tử giai-nhân tế-ngộ nan ; | 7 |
| | Trời xui anh gặp bạn vàng, | 6 |
| | Một lời phải nghĩa ngàn vàng khó mua. | 8 |

Nhưng mà công-thức phổ-biến hơn hết thì gồm một chuỗi thơ sáu và tám tiếng chen kẽ đều đều với nhau :

- | | | |
|--|--|---|
| | Lữnq-lor vừng quế soi thềm, | 6 |
| | Hương đưa bát-ngát càng thêm bận lòng. | 8 |
| | Đao vàng bỏ đầy kim-nhung, | 6 |
| | Biết rằng quân-tử có dùng ta chăng ? | 8 |
| | Đèn tà thấp-thoáng bóng trắng, | 6 |
| | Ai đem người ngọc thung-thắng chốn này ? | 8 |

Khi công-thức ấy rút gọn lại hình-thức đơn-giản hơn hết, thì công-thức hóa thành hình một đôi (một liên) gồm một câu sáu tiếng và một câu tám tiếng :

- | | | |
|--|----------------------------------|---|
| | Nhà Bè nước chảy chia hai, | 6 |
| | Ai về Gia-Định, Đồng-Nai thì về. | 8 |

Theo thuyết tổng-quát thì công-thức ấy vốn làm nền-tảng cho mọi dân-ca. Công-thức ấy thật vững-vàng trong cách cấu-tạo, điệu-dàng trong nếp vận-chuyển và có một

khả-năng diễn-đạt cho đến nỗi những bức đại-diện gất-gao nhứt của thi-phái Trung-Hoa cũng phải chuộng nó hơn là thể-thức cổ-diễn của thơ bát cú, để dùng trong những tác-phẩm đại qui-mô, chẳng hạn như những tiểu-thuyết bằng thơ loại ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH của Nguyễn-Du.

Bởi vậy cho nên một điều lợi-lạc to lớn là đem giải-phẫu thể-thức bình-dân đó, giải-phẫu ngôn-từ đặc-biệt đó của thầy-tổ vô-danh, là bình-dân.

Vậy thì thể thơ của dân-ca rút gọn lại có một đoạn hai câu thơ khác thể với nhau, mà *số tiếng, nhịp-điệu, thanh-điệu* và *vần-điệu* đặt theo những qui-luật đáp ứng với những nhu-cầu của âm-nhạc và trí-huệ.

SỐ TIẾNG

Tiếng, trong thơ Việt-Nam, vốn là tương-dương với vần của Pháp, duy có điều này khác, là mỗi lời Việt đơn-âm, rút ra biệt-lập, đều làm được một tiếng có ý-nghĩa, riêng mình nó diễn ra một tư-tưởng, còn một lời Pháp thì có thể có một hay nhiều vần.

Vậy thì một liên thơ bình-dân gồm hai câu thơ chẵn : câu thứ nhứt sáu tiếng, là câu lục-ngôn, và câu thứ nhì tám tiếng, là câu bát-ngôn. Đối với mỗi câu thơ, số tiếng cứ bất di bất dịch và cách đếm tiếng thật giản-dị không gì bằng : quả thật vậy, cách đếm tiếng không hề làm cho ai sai-lầm, bởi lẽ tiếng Việt không từng biết những hiện-tượng phát-âm riêng biệt cho thi Pháp, là lược-âm, điệp-âm, phân-âm và hiệp-âm.

NHIP-ĐIỆU

Người ta vốn biết là dân-ca để dành hát. Dầu người ta làm thể nào, nó cũng phải đặt mình dưới một kỷ-luật với bài ca và cùng nhắm một mục-dịch, nó phải đáp-ứng lại những qui-luật tổng-quát của âm-vận, như vậy là của âm-nhạc. Trong âm-nhạc, chánh cái nhịp bảo-đảm cho nhịp-điệu, là yếu-tố an-toàn, điều-hòa và vững-chãi ấy.

Trong thi-ca và đặc-biệt hơn nữa trong dân-ca, yếu-tố phân nhịp gọi là chỗ « đầu hơi » (nhịp), nó nhập vào tiếng nào là nơi dừng ý-nghĩa và ngưng giọng nói. Về phương-diện đó, câu thơ đầu là lục-ngôn hay là bát-ngôn, cũng ngắt ra làm nhiều đoạn dài bằng nhau, mỗi đoạn hai tiếng. Đó có thể nói là phân đoạn theo cổ-diễn, bắt-buộc trên bình-diện âm-điệu :

Trông trời, | trông nước, | trông mây, 2+2+2

Trông mưa, | trông gió, | trông ngày | trông đêm. (1)
2+2+2+2

Trong công-thức phân ba 2+2+2 và phân tư 2+2+2+2 đó, nhịp (chỗ đầu hơi) được minh-định rõ-ràng, nó nhập vào tiếng chẵn, nó chỉ ở giữa câu thơ những chỗ ngừng cần-thiết, là những chỗ giọng nói tri-huẩn lại, khi cất lên cao, lúc hạ xuống thấp, để rồi lấy tròn trở lại tiến lên trên đỉnh cao của một hơi ngậm thâm-trầm và đắm-đuối. Chánh tư-tưởng cũng trầm-lặng theo chơn bước vận-hành âm-hưởng đó, thành ra ở đây nhịp đáp-ứng với hai nhu-cầu âm-vận và tâm-lý. Nhưng vì những điệu dân-ca vừa diễn-tả, vừa ôm sát nhiều thứ tình-tứ, nên cách cấu-tạo của câu thơ không thể nào cứ cứng-rắn và bất di bất dịch mà khỏi thiệt-hại cho giá-trị tinh-thần của lời ca. Nhờ cái nhịp có cường-độ và được di-động, nên cách cấu-tạo câu thơ uốn mình theo chiều linh-động của tư-tưởng, theo lượn điệu-dàng của cảm-hứng và theo hơi lai-láng của huyền-nhạc. Trong mối tương-quan ấy, cái nhịp không bị bắt-buộc nữa, nó đã trở nên tùy-nghỉ và nhảy bỏ, bất câu ở chỗ nào mà ý thơ không đòi-hỏi. Chừng đó, nó không còn được mắt thấy nữa, tuy rằng nó vẫn còn tai nghe. Không thiếu gì những tỉ-dụ về những trường-hợp khiếm-khuyết ngoài mặt ấy :

(1) Chúng tôi dịch rất sát nguyên-bản để chúng tôi thử học lấy phần thể-thức.
(Lời chú trong bản Pháp-văn)

*Cổ tay em trắng / như ngà,
Con mắt em liếc / như là dao cau.*

Thay vì phân ba và bốn như cách phân nhịp cô-điền, những câu thơ này lại phân đôi : 4 + 2 và 4 + 4, còn nhịp thì không được mắt thấy, mà vẫn được cảm thấy, khi đọc, và tỏ lộ, khi hát lên. Những nhịp đó có thể nói là bước choàn, vì giọng nói không ngừng tại đó khi đọc, như khi hát vậy : nó lướt qua.

Dưới đây là một trường-hợp, trong đó nhịp bị bỏ trọn và bước choàn rõ-ràng :

- 1) *Thiên cao đã có thánh tri :
Người nhận-nghĩa / chẳng hạn vì bao giờ.*
- 2) *Chi bằng ruộng tốt, rừng xanh,
Vui cha, vui mẹ, vui anh em / nhà.*
- 3) *Cửa phi-nghĩa / có giàu đâu,
Ở chơ ngay thật, giàu sang mới bền.*

Ba nhịp sau này đó quả là đặc-biệt hi-hữu trong dân-ca, nó bị dời chỗ chỉ vì ý-nghĩa mà không vì thỏa-mãn nhu-cầu thi-vị và âm-hưởng nào. Song cũng có những trường-hợp khác, cũng hiếm hoi như vậy, trong đó cách phân nhịp giữa câu thơ sáu tiếng được hợp lý hậu-thuần bằng phép đối-ngẫu giữa hai vế :

*Trên đồng cạn, / dưới đồng sâu,
Chồng bừa, vợ cấy, con trâu đi cấy.*

Phép đối-ngẫu trong nội-bộ câu thơ tám tiếng có khi cũng biện-minh cho vị-tri của nhịp :

*Trước sau một khúc dao ca,
Khi nhàn-hạ, / khi đàn hòa với nhau.*

Trong lối sáu ngân câu thơ chúng tôi đã tra-cứu, có chừng một chục trường-hợp dời nhịp được lọc ra ; tỷ-lệ ấy cho phép kết-luận rằng nhịp lẻ không thích-hợp với điệu-hát, mà nó làm rối nhịp-điệu và diệt-trừ âm-điệu.

Không thấy hoặc là thấy được, dài hay là ngắn, khi nào nhịp phân tại những chỗ quen, tại mấy tiếng chẵn, nó mới tạo được hiệu-năng âm-hưởng.

THANH-ĐIỆU

Câu thơ bình-dân xây-dựng bằng một số tiếng như-định và kết-cấu nhịp-nhàng, là có đủ khả-năng đáp-ứng lại những nhu-cầu chánh-yếu của thi-điệu. Nhưng muốn cho câu thơ có được một sở-năng âm-nhạc to lớn hơn, người ta thêm vào những yếu-tố máy-móc đó và vào nhơn-tố an-toàn đó, một yếu-tố bất ngờ, nó đem lại bên tai một thích-thú không ngừng đổi mới do cách phân-phối những chủ-âm (1) tùy theo nhịp-điệu của câu thơ, tùy theo vận-hành của lời hát.

Những chủ-âm của ta, nội-hữu có sáu, phân ra hai giọng : *giọng yếu* hay là *giọng thấp* (trầm) gồm tất cả những tiếng có dấu huyền (◌) hoặc không có dấu ; *giọng mạnh* hay là *giọng cao* (bổng) gồm tất cả những tiếng có dấu sắc (◌◌), dấu nặng (◌◌◌), dấu hỏi (◌◌◌) và dấu ngã (◌◌◌). Hai giọng đó đối với câu thơ cũng như ngọn sóng và chơn sóng đối với mặt biển. Không có sóng, là không có linh-động, là buồn-tẻ, vô-vị. Câu thơ, nói chung, và câu thơ bình-dân, nói riêng, cũng y như vậy. Bởi vậy tiếng trong câu thơ vốn được sắp-đặt một cách thông-huệ, cũng như dáng đi của một lượn sóng, để hình-thành một lượn âm-ba với những giọng mạnh và giọng yếu chen kẽ đều-đặn với nhau. Đây là biểu-đồ hình-dung lượn âm-ba đó :

Câu lục-ngôn : 1 2 / 3 4 / 5 6
 — B — T — B (2)

Câu bát-ngôn : 1 2 / 3 4 / 5 6 / 7 8
 — B — T — B — B

(1) Chủ-âm của chúng tôi vốn khác biệt với chủ-âm Pháp. Mỗi tiếng Việt đều có một dấu giọng ; không có tiếng nào là không có giọng. Nó viết sao thì đọc vậy, không hề có thay khác máy may. Và lại, âm-lượng của nó không thấy rõ như trong tiếng la-tinh, nên vì vậy mà không gây ảnh-hưởng đến âm-điệu của nó.

(2) Nét ngang chỉ rằng tiếng đó được tự-do ; chữ B chỉ tiếng bình, và chữ T chỉ tiếng trắc.

Đặt lại hai biểu-đồ ấy, người ta sẽ có được khúc-uyển của những giọng uyển-chuyển của một nhạc-cú.

Và, về môn thi-pháp, đó là qui-luật tổng-quát của thanh-điệu, duy có một ngoại-lệ cho tiếng thứ nhì như sau đây :

1) *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,
Đề trâu ăn lúa gọi cha ời ời.*

2) *Có ấy mà lấy anh này,
Chẳng phải đi cấy đi cà nữa đâu.*

Vả lại, cần nên chú ý rằng thanh-điệu bắt buộc đánh vào những tiếng chẵn, nghĩa là nơi nào phân nhịp. Cho nên hai yếu-tố này không thể phân-tách nhau ra, mà hiệp nhau tạo ra hiệu-năng âm-nhạc đến mức tối đa.

VẦN-ĐIỆU

Vần-điệu là một thành-phần của câu thơ cũng quan-
yếu bằng nhịp-điệu, bởi hai chức-vụ của nó : nó phải bảo-
đảm cho câu thơ có âm-hưởng và nhịp-nhàng. Nó đem
đến cho tai nghe những hòa-âm ở cuối câu hay là ở giữa
câu, đồng thời nó liên-kết các câu thơ lại. Tất cả vần nào
cũng là đặt âm bình, chỉ có một ngoại-lệ (1) ; hoặc là nó
đặt ở cuối-cùng, hoặc là nó đặt vào giữa câu thơ, một cách
liên-tục, cho nên các câu thơ được mật-thiết niêm-kết với
nhau bằng một thứ mối nối âm-ngữ sanh-tử !

- 1 *Đêm qua trời sáng trăng rằm,*
- 2 *Anh đi qua cửa em nằm không yên.*
- 3 *Mé anh chẳng phải mé tiền,*
- 4 *Thấy anh lịch-sự có duyên diu-dàng.*
- 5 *Thấy anh, em những mơ-màng,*
- 6 *Tưởng rằng đây đấy phượng-hoàng kết-đôi.*

(1) Trong thơ thất-ngôn hay thơ thất-ngôn bát-ngôn hỗn-hợp, thì gieo vào trắc :

- *Gió mùa thu / mẹ ru / con ngủ,*
Năm canh chầy / thức đủ / về năm.
- *Trắng như bông / lòng không ưa chuộng,*
Đen tựa than hãm / . lòng muốn / dạ thương.

Cần ghi nhận rằng tất cả câu thơ nào cũng đều chấm-
dứt bằng một *cuộc-vận* và câu thơ bát-ngôn lại còn có thêm
một *yêu-vận*, gieo ở tiếng thứ sáu, như vậy, nếu người ta
xét năm câu thơ sau, thì vẫn gieo cặp ba-liên-tiếp :

Câu 2, 3 và 4 : *cuộc-vận—cuộc-vận—yêu-vận*, liền nhau ;

Câu 4, 5 và 6 : *cuộc-vận—cuộc-vận—yêu-vận*, liền nhau.

Nhưng nếu xét riêng-rẽ từ liên một, thì người ta sẽ có
được công-thức bất-di bất-dịch này :

Câu 1 và 2 : *cuộc-vận — yêu-vận — cuộc-vận*

Câu 3 và 4 : *cuộc-vận — yêu-vận — cuộc-vận*

Câu 5 và 6 : *cuộc-vận — yêu-vận — cuộc-vận*

Cũng cần ghi-nhận thoáng qua rằng hệ-thống gieo vần
này chỉ áp-dụng cho thơ lục-bát mà thôi ; những thể thơ
khác vốn có hệ-thống gieo vần khác.

Những qui-luật vừa trình-giải về số tiếng hạn-định,
nhịp-điệu, thanh-điệu và vần-điệu, tỏ ra như là gắt-gao
đối với nhà thơ, nên người ta có quyền tự hỏi sao người
bình-dân, dốt đặt cán mai, lại tức-hứng được thành những
bài hát vô vần đến mức toàn-thiện, khiến những đệ-tử
nghiêm-khắc nhứt của phái Đường-thi cũng phải thán-phục.
Ấy là bởi những qui-luật đó đã được xuất kỳ bất ý đặt ngầm do
lòng cảm-hứng sâu-xa, do những sự vận-hành tự-nhiên của
tâm-hồn bình-dân, mà những qui-luật đó chẳng qua là diễn-
dịch những ba-động một cách trung-thành. Qui-luật đó là
kết-quả của đời sống tình-cảm trong môi-trường xã-hội
và trong khung-cảnh thiên-nhiên, mà nó vốn mang lấy một
ấn-tượng sâu-đậm và hiền-nhiên. Vậy không có chi là
ngạc-nhiên, nếu cô thôn-nữ, ngây-ngất vì thi-vị huê-tinh
của cánh đồng bát-ngát, và ông lái già, say-sưa trên nhịp-
điệu mê-hồn của sóng nước, hát lên mối tương-tư và nỗi
buồn thương nhớ theo một thể thơ mà họ không rõ luật-lệ
thể nào. Cũng không có gì là ngạc-nhiên, nếu ông hoàng

thi-sĩ của chúng ta, Nguyễn-Du, đã gởi mối thương-tâm của mình xuyên qua cuộc đời lưu-lạc đấng-cay của Thúy-Kiều điếm-lệ, phỏ vào ngón đòn kỹ-diệu ấy của âm-nhạc bình-dân.



THỂ DÂN-CA

áp-dụng trong

ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH

Câu thơ thất-ngôn Trung-Hoa đã từng trải qua thử-thách mà không thành-công, ít ra là với VƯƠNG-TƯỜNG và LÂM-TUYỀN KỶ-NGỘ, chẳng phải vì tác-giả thấp-kém đối với công-tác, mà bởi vì thể thơ lẻ đó không thích-hợp với lối kỹ-thuật, vì nó rần-rối thái quá. Đối cùng, các môn-đồ của phái Đường-thi phải nhận chịu chơn-lý đó và đã thâu-nạp thể dân-ca cho những tác-phẩm dài hơi của họ, như là cho tiểu-thuyết. Ngay hồi đầu thế-kỷ XIV, hai tiểu-thuyết khuyết-danh (1) đã chào đời và đã cống-hiến bằng-cớ không chối cãi được về những thành-công của lục-ngôn và bát-ngôn hỗn-hợp. Chánh Nguyễn-Du cũng ý-thức được khả-năng kỹ-diệu của thơ lục-bát và ra công xây-dựng trên cái sườn ấy tòa lâu-đài nguy-nga nhưt của văn-chương chúng ta, ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH.

Không thể cãi-chối được rằng Nguyễn-Du là môn-đồ hảo hạng bậc nhưt của nhơn-dân trong công-tác làm thơ bình-dân, xét trong đường-hướng mà ông nghiêm-khắc tuân-thủ niêm-luật. Trong bộ tiểu-thuyết trên năm ngàn câu thơ của ông, đáng lẽ ông pha trộn nhiều thể thơ bình-dân theo kiểu những bài hát, ở trong đó, vì cầu-kỳ, những câu thơ khác thể với nhau đem pha-phách lẫn nhau để thay đổi giọng-diệu và nhịp-diệu. Nhưng ông đã chọn lấy thể thơ hỗn-thành, là thể sáu tiếng với tám tiếng.

(1) Đây là những tiểu-thuyết: TRÉ CÔC và TRINH-THỦ.

để cho thuận-nhứt, mà còn biết dùng một kỹ-thuật diệu-kỳ để làm cho câu thơ điệu-dàng và linh-dộng.

Vì vậy, số tiếng vẫn không bao giờ đổi thay, nhưng câu thơ bên tai dường như khi dài, khi ngắn, là bởi cách phân nhịp và cách chuyển câu.

Dưới đây là một câu thơ bát-ngôn ngắt hơi bằng hai nhịp phân làm ba chặng, mà tai nghe thì dường như dài hơn là mắt thấy :

Một mình / lặng ngắm bóng nga,
Rộn đường gần / với nỗi xa / bởi bởi. 178 (1)

Trái lại, hai câu thơ khác liên-tiếp với nhau, không có một nhịp nội nào và nhưt là không có nhịp cuối câu, là nhịp thông thường phải ghi chỗ ngừng tại đây ; đọc hai câu đó, người ta có khuynh-hướng muốn cầm hai câu đó như là một vậy :

Nghĩ cho khi gác viết kinh →
Vời khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo. 2368

Còn về vần, qui-luật vẫn được tôn-trọng không hề sai xuyến, ở giữa cũng như ở cuối câu thơ. Có khi có bỏ dấu huyền, có khi không có dấu nào hết, tiếng vần sắp đặt theo những qui-luật âm-thanh riêng biệt của tôn-sư, để góp công tạo ra không-khí cho những tình-tiết của cốt truyện. Nhờ được đời-dào, những vần ấy thông-truyền cho áng thơ một khả-năng âm-nhạc lớn-lao khiến cho những tay dân-ca cũng thần-phục. Tuy vậy, những ai phát-âm những vần cuối không đúng-dẫn, vẫn có thể lượm ra được ít vần dường như là chương tai :

1) Còn nhiều hưởng thụ về lâu, (2)
Duyên xưa đầy-đạn, phúc sau đời-dào 2724

(1) Những thơ dẫn-chiếu của chúng tôi đều trích ở bộ sách TRADUCTION EN FRANÇAIS AVEC NOTES ET COMMENTAIRES DU KIỀU của Nguyễn-văn-Vinh, bìa Vinh-Bảo Hoàoh-Son, Saigòn, 1954.

(2) Trong bản của Nguyễn-văn-Vinh, đây là tiếng « sau », nó điệp với vần lưng của câu kế. Chúng tôi xin đồng ý với Trần-Trọng-Kim và Bùi-Kỷ mà thích chọn tiếng « lâu » hơn.

- 2) *Sấm sanh lễ vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi-han.* 1688

Nội-hữu có năm trường-hợp tương-tợ như vậy, mà bốn là trường-hợp của vần *ang* và *an* (câu thơ 1688 trên đây và những câu 2000, 2458, 2966).

Nhưng vần chẳng qua là một trong ba yếu-tố âm-hưởng, nó không lấy làm quan trọng, bởi nhạc-tánh của câu thơ không bị quá đổi tổn-hại, khi nào vần không được thông. Hai yếu-tố khác, thanh-điệu và nhịp-điệu, quả nhiên đóng góp một phần to lớn hơn vào nhạc-tánh của câu thơ, cho đến đổi một yếu-tố này thay-đổi là thay-đổi luôn yếu-tố kia.

THANH-ĐIỆU

Khúc-tuyển thanh-điệu của câu thơ bình-dân được biểu-thị bằng công-thức :

B T B

Ít có khi nào công-thức ấy đổi thay, mà khi nó đổi thay thì tiếng thứ hai đổi ra giọng trắc :

T T B

Âm-hưởng tức thì bị gãy đổ một cách tự-nhiên, cũng như chánh cái biểu-đồ bị bẻ gãy. Thi-sĩ nào có ý-tứ cũng giữ chừng, không bẻ gãy khúc-tuyển đó, nếu chẳng phải vì một lý-do trọng-đại và nếu chẳng vì lợi-lạc được một hiệu-lực văn-chương tốt hơn. Nguyễn-Du là một trong những thi-sĩ chủ-trị được ngòi bút của mình và không hề làm điều gì mà không có lý-do thích-đáng. Nếu ông tự cho mình thoát luật, thì sự hi-sanh bao giờ cũng được biện-minh bằng một ngón bút-pháp tối-cần, hay bởi một nhu-cầu tâm-lý. Vì vậy mà ông không ngần-ngại trỗi giọng bổng lên ở tiếng thứ hai của câu lục-ngôn, lúc Thúy-Kiều nghe kể thân-phận của nàng Đạm-Tiên bạc-mạng cất tiếng lên thán-oán :

- Đau đôn thay ! / phận đàn-bà :
Lời rằng bạc mạng cũng là lời chung.* 84

Giọng bổng cũng được thích chọn để phát lên một tiếng giận :

- Sao chẳng biết / ý-tứ gì ?
Cho chàng buồn-bã tội thì tại người.* 1862

Trong trường-hợp này cũng như trong trường-hợp kia, tác-giả bày tỏ một sự ta-thán nhiệt-liệt và ông đã làm đúng vì chịu hi-sanh một giọng âm-thanh cho một giọng tâm-tình, bởi như vậy là bắt chước giọng nói của nhơn-vật trong tiểu-thuyết.

Người ta đã thấy ở chương thanh-điệu về tiếng thứ hai của câu lục-ngôn ; nó đã không được một lý-do chánh-đáng nào biện-minh mà còn gây thêm một xuất-luật khác nữa cho tiếng thứ tư của câu thơ bát-ngôn. Ở nơi Nguyễn-Du, trường-hợp xuất-luật đó không phải luôn luôn xảy đến một lượt cho hai tiếng của một câu thơ. Người ta còn tìm được ở nơi ông năm trường-hợp khác của tiếng thứ tư trong câu lục-ngôn :

- 1) *Mặt nhìn mặt / càng thêm tươi,
Bên lời vạn phúc, bên lời hàn-huyên.* 394
- 2) *Càng trông mặt, / càng ngẩn-ngơ,
Ruột tấm đời đoan như tơ rối bời.* 1819

Trong hai tỉ-dụ trên đây, nhịp-điệu bị bẻ gãy tình cờ, vì sự kiện đó, nó báo trước một cảnh-hướng đặc-biệt, một biến-cố bất-ngờ. Trong tỉ-dụ thứ nhất, đó là một cuộc tao-ngộ ngẫu-nhiên, tuy là rất ao-trước, và trong tỉ-dụ thứ nhì, thì là một cuộc trùng-phùng nghịch-cảnh và khốn-nản. Ở tỉ-dụ thứ nhì này, giọng bình rất hạ của tiếng thứ tư dường như cụ-thể-hóa nỗi bi-thương sâu thẳm, mà tiếng thứ nhứt nhồi lại càng tăng-cường thêm lên ; ở tỉ-dụ thứ nhứt kia, nỗi vui mừng tràn-trề cũng ngẫu-nhiên như chánh sự xuất-luật và tiếng « mặt » lặp lại càng nhấn nổi bật lên nỗi lai-láng tình-cảm.

- 3) *Khi gió (1) gác, / khi trăng sân,
 Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nổi thơ ;
 Khi hương sớm, / khi trà trưa,
 Bàn vầy đềm nước, đường tơ họa đàn. 1298*

Trong đoạn này, sự xuất-luật còn lặp lại tiếng thứ nhứt trong hai liên thơ để nhấn nổi lên tánh-cách trường-kỳ của những « cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm ». Ý-kiến trường-kỳ ấy, cùng với cách xuất-luật ấy và cách điệp-ngữ ấy, còn thấy trở lại trong tỉ-dụ sau đây, trong khi lược-thuật những bước lưu-ly khổ-sở của Thúy-Kiều :

- Khi Vô-Tịch, / khi Lâm-Truy,
 Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương. 2292*

Tóm lại, Nguyễn-Du đã tự cho mình xuất-luật như thế chỉ là họa-hoàng mà thôi, những xuất-luật đó bắt buộc phải thêm mãnh-lực diễn-đạt tư-tưởng vào cho nhịp-điệu. Trong mười bảy trường-hợp khác, ông còn cho can-thiệp thêm vào ngón nghệ-thuật đặc-biệt của ông, đó là nghệ-thuật vận-dụng nhịp-điệu và đối-ngẫu, như người ta sẽ thấy sau đây.

NHIP-ĐIỆU

Những tỉ-dụ trước đây về thanh-điệu đã hiển được một ý-niệm, dầu còn mơ-màng, của tài tự-chủ của thi-sĩ trong cách vận-dụng câu thơ bình-dân. Những tỉ-dụ tiếp theo sau đây sẽ xác-nhận bằng cách cụ-thể-hóa biệt-tài đó. Những thành-phần của câu-thơ, đặc-biệt là nhịp, đặt vào tay ông cũng như những phiếm dương-cầm dưới ngón tay của một Beethoven hay một Schubert. Nhịp chẳng những chi-phối sự điều-hòa của tiết-điệu, nó còn ẩn thêm động-lực cho câu thơ, làm cho câu thơ linh-hoạt lên, làm cho câu thơ sống-động dậy. Nó cung-cấp tiết-độ cho câu thơ bình-dân ; mà nó cung-cấp sanh-lực và một linh-hồn cho câu thơ của Nguyễn-Du. Từ yếu-tố an-toàn và âm-nhạc, dưới

(1) Đây lại là một xuất-luật khác về tiếng thứ nhì, vì tiện lợi cho bút-pháp.

ngón bút thần-kỳ của thi-sĩ, nó biến thành yếu-tố bắt ngờ và thâm-mỹ. Bởi vậy nó ngoa-du theo cánh thi-húng của minh-sur và đến đâu nó ngự lại, là nó tạo ra một sanh-điểm : câu thơ dju-dàng, rần-rỏi, nhịp-điệu trầm-lặng vân vân, âm-hưởng lan-tràn bát-ngát. Đó là động-cơ của mọi động-tác và của mọi tư-tưởng. Nó điều-hòa câu chuyện và giải-tỏa cảm-tình. Đó là một cây chìa khóa kỳ-ảo.

Cứ di-động luôn luôn, nên nó phá hủy khúc-tuyển âm-ba của câu thơ bình-dân, biến hình nó và đổi thay nó tùy theo ý muốn của nhà thơ : từ đó một nhịp-điệu mới mẻ nảy ra, khác hẳn với nhịp-điệu cổ-điển.

Khi nó chiếm chỗ ở sau tiếng thứ nhứt để báo trước câu chuyện :

- Rằng : / « Năm Gia-Tĩnh triều Minh, ... » 9*

thường hơn nữa, là để khởi đầu một cuộc đối-thoại :

- Rằng : / « Sao trong tiết Thanh-minh, ... » 59*

để bắt chước lời nói chuyện :

- « Nay / mười bảy mới, mới ra... » 203*

để kêu gọi :

- « Trời ! / làm chi cực bầy Trời !... » 659*

và ít khi vì tiện-lợi cho bút-pháp :

- Nàng / từ lánh gót vườn hoa,
 Đường gần rìng tia, đường xa bụi hồng. 1926
 « ... Biết / Từ là đấng anh-hùng... » 2455*

Có khi nó dời về tiếng thứ năm cho tiện-lợi bút-pháp hay để chuẩn-bị một câu chuyện :

- Chàng về xem ý-từ / nhà 1573*

- Rằng : / « Như hẳn có thể / thì ➡➡
 Trăng hoa, song cũng thị-phi biết điều. » 1448*

Thường hơn hết nó ngự oai-vệ ở ngay giữa câu thơ, tại tiếng thứ ba; nó gây ra một xáo-trộn từ gốc chỉ rẽ, nó làm một cuộc cách-mạng con con: từ chẵn, nó trở nên lẻ và nó hủy bỏ hai chỗ quen của nó ở tiếng thứ hai và tiếng thứ tư: khúc-tuyển âm-ba của câu thơ nhường chỗ cho trực-tuyển của tư-tướng vận-hành hai thì. Ở đây, Nguyễn-Du đã tách khỏi con đường của ca-sĩ bình-dân: vì tiêu-thuyết của ông để dành đọc chứ không phải để hát, ông nắm lại những sáng-kiến của ông và để cho ngòi bút của ông tha-hồ phóng-túg. Rồi đó nhịp-điệu của thơ ông uốn chiều theo những khúc nói của câu chuyện và những khúc quanh của tư-tướng. Nhờ vậy mà mãnh-lực của sự diễn-đạt càng trở nên to lớn hơn.

Như vậy, nhịp giữa chia câu thơ lục-ngôn ra hai vế, với ba tiếng mỗi vế, và làm cho nó ra giọng tự nhiên của lời đối-dáp:

« Còn chi nữa / cánh hoa tàn ? ... » 2585

Về phương-diện này, nó diễn-tả:

một sự thân-oản:

Đau-đón thay ! / Phận đàn-bà ! 83

một sự kêu-gọi:

Ôi ! Kim-Lang ! / Hỡi Kim-Lang ! 755

Nó báo trước một cuộc đối-thoại:

Tiểu-thư rằng: « Ý trong tờ,
Rắp đem mạng bạc xin nhờ cửa không. » 1910

Nó gạch nhấn một ý-kiến quan-trọng:

Mười lăm năm / bấy nhiêu lần,
Lìm gương cho khách hồng quần thử soi. » 2644

Nó thuật lại một sự-kiện:

Sang nhà cha / tới trung-đường. 1673

Như vậy, phân nhịp giữa là xóa bỏ nhịp thứ nhì cố-điển, như người ta vừa mới xem thấy trong những tí-du trước đây và trong tí-dụ này nữa:

Rằng: / « Sao nói lạ lòng thay ?... » 1321

Trong câu thơ bát-ngôn, nhịp cũng di-động như trong câu thơ lục-ngôn và liên-tục chiếm những chỗ:

tiếng thứ nhất để trao đổi một lời nói (1) hay để liệt-kê:

Rằng: / « Tài nên trọng, mà tình nên thương » 1900

Phật-tiền thăm lấp sầu vùi,

Ngày / pho thủ-tự, / đêm / nôi tâm-kinh. 1930

tiếng thứ ba để phúc-đáp hay liệt-kê:

Hỏi quê, rằng: / huyện Lâm-Thanh, cũng gần 626

Được lời như cõi tấm lòng,

Giở kim-thoa / với khăn hồng trao tay. 354

để thâu hút chú-ý của độc-giả:

Giường cao rút ngược dây oan,

Dấu là đá / cũng nát gan, lọ người. 594

tiếng thứ năm để gạch nhấn một chi-tiết và để đối-chiếu với cái nhịp ở tiếng thứ nhất:

Như chàng có vừng tay co,

Mười phần cũng đắp-điểm / cho một vôi. 1348

« Chày sương chưa nện cầu Lam,

Sợ / làn-khân quá, ra / sòm-sở chẳng. » (2) 458

và tiếng thứ bảy để diễn-dịch một nỗi khổ-tâm:

— Những điều trông thấy / mà đau-đón / lòng 4

— Nỗi lòng / càng nghĩ, / càng cay-đắng / lòng. 1870

— Tài-tình / chi lắm / cho trời đất / ghen. 2154

(1) Cũng như câu hát này:

Bây giờ anh bắt tay nàng:

Hỏi: / sao lá ngọc, cành vàng xa nhau ?

(2) X. ở trên, câu 1930.

Có khi, hễ một nhịp dời chỗ, là nó kéo theo nhiều nhịp khác, rồi câu thơ bị cắt ra nhiều đoạn :

Dấu xe ngựa / đã / rêu lò mờ / xanh. 72

Chỗ cắt đoạn, vì nhiều, nên làm ra khổ độc và như vậy diễn-dịch được một cách cụ-thể những nỗi khổ nó giầy xéo tâm-tư của nhơn-vật trong truyện : một môi buồn man-mác lan ra, và người đọc vì ngây-ngất bởi nhịp-điệu lạ-lùng, cũng chia-sẻ với (1).

Ở nơi Nguyễn-Du, sự di-động của nhịp cũng được đẩy xa như trong dân-ca. Nó xóa bỏ dấu-vết của phần cuối câu thơ, bằng cách hoặc là đặt một tiếng liên-tự làm mỗi nỗi (2), hoặc là đặt cả một câu thơ làm mỗi nỗi, hay là bằng cách sắp nhiều câu thơ tiếp nối với nhau, hầu làm ra một đoạn thơ gồm hai liên.

Trong lời trần-tình của Hoạn-Thơ tự bào-chữa mình trước triều-đình của Từ-Hải, nhịp chỉ vừa thấy được, trong lúc tiếng liên-tự « với » liên-kết câu thơ thứ nhứt cùng câu thơ thứ nhì :

*Nghĩ cho khi gác viết kinh →
Vội khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo,
Lòng riêng, riêng cũng kính yêu,
Chồng chung ai dễ ai chiều cho ai ? (3)* 2370

Trong trường-hợp trái-ngược lại thì nhịp cuối chận đứng rõ-rệt câu thơ lục-ngôn và cắt liên thơ làm ra hai câu độc-lập với nhau (4) về ý-nghĩa :

*Nàng rằng : « Nhờ cây uy-linh,
Hãy xin báo-đáp ân-tình cho phu ;*

(1) Chúng tôi đã có lược ra được 4 câu tương-tự như vậy : số 66, 1930, 2612, 3026.

(2) X. ở trên nữa, câu 1448, trong đó tiếng liên-tự « thì » dùng làm mỗi liên-lạc giữa hai câu thơ, tr. 19.

(3) X. thêm những đoạn thơ : 371 — 374, 222f — 2224, 2756 — 2762, 2783 — 2786 và x. ở trên nữa, dân-ca, tr. 10.

(4) X. thêm những câu thơ 977, 2047, 2377.

Báo ân rồi sẽ trả thù. » |

Từ rằng : « Việc ấy để cho mặc nàng. » 2324

Trong tất cả các vị-tri của nhịp có thể chiếm lấy trong câu thơ bát-ngôn, vị-tri lộ-liều hơn hết mà cũng là hảo-hạng hơn hết, ở ngay chính giữa, tại điểm huyết hiểm yếu của câu thơ. Nó ngắt câu thơ ra hai vế, mỗi vế bốn tiếng :

Những điều trông thấy | mà đau-đớn lòng.

Nhưng ở đây nó không tỏ ra nhiều giọng đổi thay bằng như trong câu thơ lục-ngôn. Đây chẳng qua là vì lý-do âm-thanh mà nó tạo ra một chỗ ngưng cho tiếng nói.

Dấu sao, trong hai thể thơ bình-dân (lục-ngôn và bát-ngôn), hai vế đặt đối-diện với nhau tại chỗ nhịp giữa, làm dường-trợng như là những cặp thơ Trung-Hoa, những câu đối-liên và nhứt là cái thể đưng-đối trong tổ-chức vật-chất trong đời sống nhơn-dân. Trong những điều-kiện này, nhà thơ nào xứng-dáng với danh-nghĩa đó, sẽ tỏ ra kém cỏi trong tài-nghệ, nếu mình không lặn mình vào pháp hi-ngữ trí-huệ ấy của phương-pháp đối-ngẫu, là phương-pháp hằng được thông-dung. Đối với Nguyễn-Du, pháp hi-ngữ chẳng phải là khó-khăn, nên hễ ông dời nhịp là phải nói rằng chỉ vì thích-thú. Bởi vậy, khi ông cho đối-diện hai chị em, Thúy-Kiều và Thúy-Vân, ông liền đặt song song những nét duyên-dáng nhứt, cân đều ở hai nàng :

*Mai cốt-cách, | tuyết tính-thần,
Một người một vẻ, | mười phân vẹn mười.* 18

Nhờ ở cách di-động của nhịp, mà giá-trị tương-đối được cân cân đúng mức, nên Nguyễn-Du, vốn là nhạc-sĩ, truyền vào câu thơ của mình một nhạc-tánh đặc-biệt : nhịp-điệu của ông tạo ra, ôm sát nhịp vận-hành của tư-tưởng và nhịp diễn-tiến của cốt truyện. Nó trợ-giúp một nghệ-thuật khác nữa : nghệ-thuật đối-ngẫu, là nghệ-thuật vốn yểm-trợ nó.

ĐỐI-NGÃU

Câu thơ bình-dân đã không được mấy nhà nho đào-luyện ở phái Đường-luật đánh giá đúng mức, vì nó không bị ràng-buộc bởi một qui-luật về đối-ngẫu cũng như câu thơ Trung-Hoa trong thể thơ thất-ngôn bát-cú. Quả vậy, pháp đối-ngẫu không hề có dự-dịnh trong thơ bình-dân và chẳng bao giờ có bó-buộc. Đó là hoàn-toàn tùy nơi nhà làm thơ áp-dụng nó hay không. Và chánh chỗ đó là tiêu-chuẩn của tài-nghe.

Dầu sao, khẳng-định rằng pháp đối-ngẫu hoàn-toàn vắng mặt trong dân-ca, là không đúng, vì nó vốn áp-dụng tùy theo sở-thích bình-dân. Một chàng trai tơ với một cô gái son trẻ mặt bắt mặt, mỗi người trên thuyền mình, cùng chèo song hành trên một dòng sông ân-ái dưới ánh mắt mê-hồn của chị Hằng làm mối-lái; họ hiển dung hình-ảnh cụ-thể của một cuộc đối-ngẫu tình-duyên và văn-nghe, dầu rằng họ là hai tâm-hồn xa lạ do cuộc ngẫu-nhiễm đất-diu đặt vào một con đường. Chánh họ cũng nhận-định rõ tình-cảnh của họ vậy :

Vầng trăng ai sẽ làm đôi ?

Đường trần ai vẽ ngược xuôi / hỏi chàng ?

Đó, họ tự so-sánh với hai mảnh trăng mà tình-cờ xit gần lại rồi lại xa nhau đi. Họ cũng ví như hai đường thẳng song-hành do tay tình-duyên vẽ ra mà không có hi-vọng hội-ngộ. Cho nên họ phân tay nhau, mỗi đảng nắm lấy nổi cô-đơn của mình và cùng nhau nói câu vĩnh-biệt một cách trào-phúng :

Chồng gì anh ? / vợ gì tôi ?

Chẳng qua là cái nợ đời chi đây !

Một người một nợ cầm tay :

Đời xưa nợ vợ ; / đời nay nợ chồng !

Hai câu hát đó hiển cho hai tỉ-dụ đối-ngẫu điển-hình : trong tỉ-dụ thứ nhất, hai câu thơ đặt song song (1), mà

(1) Đối song quan.

hai tiếng sau cùng của câu thứ nhì không được kể vào nội-cuộc, nó thêm vào câu thơ như đề vượt đuôi, cũng như những chữ nhạc cuối-cùng của một câu nhạc. Pháp đối-ngẫu trong trường-hợp thứ nhì không đặt đối-chiếu hai câu thơ nữa, mà đặt đối-chiếu hai vế với nhau (1). Ở đây tiếng đối với tiếng, ý đối với ý ở trong nội bộ mỗi câu thơ, không sai chích. Rồi sự tương-quan đó để lộ lên vai tuồng lợi-lạc của cách phân nhíp giữa.

Nhưng cương-vực của pháp đối-ngẫu bình-dân không những giới-hạn trong nội-bộ một câu thơ (1) hay giữa hai câu thơ (2), nó còn tràn qua một đoạn gồm hai và ba liên thơ nữa, trong một cuộc đối-đáp, như sau đây chẳng hạn :

— Bây giờ mạn mới hỏi đào :

Vườn hồng đã có ai vào hay chưa ?

— Mạn hỏi thì đào xin thưa :

Vườn hồng có lối, nhưng chưa ai vào.

hay là trong lời hát độc-chiếc này :

Ngày đi, trúc chữa mọc măng,

Ngày về, trúc đã cao bằng ngọn tre ;

Ngày đi, lúa chữa chia về,

Ngày về, lúa đã đổ hoe ngoài đồng ;

Ngày đi, em chữa có chồng,

Ngày về em đã con bông, con mang.

Những câu đối trong dân-ca vốn là một thật-trạng cụ-thể và hấp-dẫn. Pháp đối-ngẫu đó tương xứng với thi-pháp Trung-Hoa, nhưng nó được trôi hơn nhờ ở tánh-cách hiện-thật linh-động của nó. Nguyễn-Du không phải không biết vậy, vì ông không bỏ qua một cơ-hội nào để say-sưa dẫn mình vào những ngón bút pháp ấy, đầy tế-nhị và duyên-vị. Ở nơi ông, pháp đối-ngẫu cũng biến-hóa như nhịp-điệu vậy. Hai nhơn-tổ ấy vẫn đi cặp-kề nhau và hình-thành một toàn bộ mê-hồn, nó đặt ĐOÀN-TRƯỜNG TÂN-THANH trên ngai vàng không thể bị tranh-

(1) Đối trung-cứ (Lời chú mới thêm lúc Việt-dịch).

(2) Đối song quan.

giành và không hề bị tranh-giành trong thi-pháp chúng ta. Quả thật như vậy, khi cái nhịp cắt câu thơ ra làm hai vế, một liền thơ ra hai câu và một đoạn ra hai liên, là nó đặt đối-diện với nhau hai yếu-tố, đối chọi nhau, tiếp nối nhau, bổ-sung nhau, tùy thuộc nhau hay là chống-đối nhau, vì hai yếu-tố đó đương đối thấy rõ và giống nhau trong thể-tài. Nó có gan dám bẻ gãy nhịp-diệu. Pháp đối-ngẫu lặp nhịp-diệu trở lại, vừa cải thiện nhịp-diệu, vừa nung nó đến mức toàn-hảo.

Pháp đối-ngẫu mà trên kia người ta đã thấy hai tí-du trong một câu lục-ngôn và một câu bát-ngôn, thật là giản-dị không làm ngán ai. Thật vậy, nó đặt ráp lại hai vế thơ giống nhau về thể-thức và nhứt là nội-dung; nó chỉ đóng vai tuồng liệt-kê đơn-giản: 3+3. Người ta đếm được ba mươi trường-hợp như vậy trong ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH, mà sau đây là một ít tí-du (1), trong đó được trình-bày bên cạnh nhau những chi-tiết của một gương mặt, một động-tác và một tâm-tư:

- *Làn thu-thủy, | nét xuân-sơn.* 25
- *Khi tựa gối, | khi cúi đầu.* 487
- *Thương vì hạnh, | trọng vì tài.* 1469

Pháp đối-ngẫu khó thật-hiện bực-nhứt là pháp đối trong đó hai vế bổ-túc nhau trong ý-tứ. Chỉ có mười trường-hợp trong đó được đặt đương-đối nhau hoặc là những sự-kiện, hoặc là những tình-tứ, mà đây là những trường-hợp điển-hình hơn hết (2):

- *Bao nhiêu cửa, | mấy ngày đàng.* 2817
- *Đau đôi đoạn, | ngắt đôi hồi.* 2797

Cuối-cùng, pháp đối-ngẫu khó hơn hết, đặt đối-lặp hai vế nghịch ý với nhau để chỉ-trích hay ký-thuật:

(1) X. câu số 17, 149, 163, 189, 251, 577, 583, 837, 945, 1213, 1295, 1297, 1569, 1685, 1749, 1915, 2005, 2211, 2253, 2291, 2305, 2483, 2521, 2665, 2667, 2841, 2845, 3189, 3223.

(2) X. câu số 2271, 2579, 2815, 2881, 2901, 3117, 3139, 3243.

- *Nhẹ như bắc, | nặng như chì.* 1879
- *Người một nơi, | hỏi một nơi.* 2829

Vậy thi pháp đối-ngẫu trong câu lục-ngôn được đặc-thể là nhờ có đương-đối của hai vế. Song cách phân nhịp giữa là một sự-kiện ngẫu-nhiên, do ý tác-giả muốn, trái với thói thường. Tuy nhiên, nếu những nhịp qui-định được đặt đúng theo công-thức thông-thường 2+2+2, thì phần đối-ngẫu (1) có thể sắp thành hai tiếng một cặp, theo một phương-pháp khác nữa, mà giản-dị hơn, và đây là một cách kê-lễ:

- *Này chồng, | này mẹ, | này cha* 298f
- *Tôi đôi phách lạc, | hồn bay.* 165f
- *Hoa cười, | ngọc thốt, | đoan-trang* 2f

Nhưng không còn kê-lễ đó nữa, nếu hai yếu-tố ở hai đầu được đối với nhau; yếu-tố ở giữa nối liền hai yếu-tố ấy trong điều-kiện đó, làm như một thứ báng lẽ, theo ngôn-từ thi-phủ của ta, là một gói hạc:

- Vinh-hoa | bỏ lúc | phong-trần. 2287

Đầu cho ở vị-tri nào, nhịp-truyền cho câu thơ lục-ngôn một sức vận-hành rất biến-chuyển, nó thông-diễn sự tiến-triển của tiểu-thuyết một cách cụ-thể và nó phóng đại ra những ba-dộng của tâm-hồn. Chức-vụ quan-trọng của nó sẽ hiện rõ hơn trong câu thơ bát-ngôn, dưới ngôi bút tài-tình của minh-sư.

Ở trên kia người ta đã thấy rằng nhịp giữa của câu thơ bát-ngôn phân nó ra hai vế, mỗi vế bốn tiếng và nhịp bìa, hai bên cạnh lại chia mỗi vế làm hai yếu-tố, mỗi yếu-tố hai tiếng: 2 + 2 + 2 + 2. Như vậy câu bát-ngôn có thể cắt ra làm bốn đoạn để cho nhà thơ ký-tài sắp-đặt theo thi-hứng, tùy nhịp-nhàng của tâm-tình và tùy nhịp-diệu của cốt truyện.

(1) Tiêu-đối (Lời chú mới thêm lúc Việt-dịch).

Tâm-tinh và cốt truyện, đó là hai nhơn-tố to lớn của thi-thơ, nó huy-động cả hai yếu-tố của nhịp-diệu : thanh và nhứt là nhịp.

● Vậy nhịp giữa đặt đối-diện hai vế đối nhau, hoặc là dựa kề với nhau :

Thoi vàng-vỏ rắc, / tro tiền-giấy bay. 50

hoặc là bỏ-túc với nhau :

Làm chi lỡ nhịp / cho đờn ngang cung ? 1460

hoặc là phản-nghịch với nhau :

Dốn ngồi chẳng tiện, / dứt về chĩnh không. 166

Ất người ta đã nhận thấy rằng hai nhịp bìa đã bị hủy bỏ rõ-ràng trong câu thơ 50 : hát lên hay đọc lên, tiếng nói không ngừng tại đó ; nhưng nó lướt trườn qua, trong câu thơ 1460 và 166, trong đó nhịp bìa có tánh-cách hoàn qua.

Nhưng hễ tất cả mấy nhịp đều giành lấy giá-trị đầy-đủ, thì cả bốn yếu-tố đều đối với nhau :

Giọt dài, / giọt ngắn, / chén đầy, / chén vơi. 1840

Tuy nhiên, trong một câu thơ phân tư, ba nhịp không phải có giá-trị đồng nhau ; nhịp giữa hầu như luôn luôn quan-trọng ; đó là nhịp chánh rồi, bởi nó hết sức chận đứng vừa ý-tử, vừa tiếng nói ở tiếng thứ tư ; hai nhịp bìa thì đồng vai tuồng phụ-thuộc, về mặt âm-thanh hơn mặt tâm-tư. Đó là trường-hợp của câu thơ 1460 và 166 trên đây và cũng là trường-hợp của câu thơ sau đây :

Tờ thầy chạy thẳng đến nơi,
Tơi-bời / tưới lửa, / tìm người / lao-xao. 1656

Trong câu bát-ngôn này, pháp đối-ngẫu quả là cực-kỳ táo-bạo và đặc-sắc độc-đáo trong tư-thế của nó. Thật vậy,

tuy số tiếng trong hai vế vẫn y như nhau, tuy sự tương-đối vẫn hoàn-toàn giữa, một mặt, những nhịp phụ và mặt khác, những âm-diệu hợp-lệ, và cuối-cùng tuy sự đương-đối của sự việc cũng không có chỗ chệ, song có xảy ra một hiện-tượng phi-thường. Đó là các tiếng trong hai vế đối-chọi đặt đảo-lộn, trật-tự hữu lý cũng đảo-ngược và tinh-thế đảo-trang này gây ra tinh-thế đối-ngẫu. Vì vậy, hai vế ở giữa câu, ngăn-cách với nhau vì nhịp chánh, đã đối-ngẫu với nhau :

tươi lửa, / tìm người

và hai vế cực-đoan cũng tương-đối với nhau :

Tơi-bời / . . . / lao-xao.

Đó là phương-pháp đối-ngẫu vì đảo-trang. Sự đảo-ngược vật-chất này, sự xáo-trộn trật-tự hữu lý này diển-dịch một cách cụ-thể nổi bán-loạn tâm-lý, mỗi sơ-điển của nhơn-vật. Loại hành-văn đó đòi hỏi một công-phu rất cần-cù, khiến sao cho đừng để hiện dấu vết mài-giũa. Chừng nào lối hành-văn ấy trở nên giản-dị, thì chừng đó công-phu sẽ ít nhọc-nhẫn hơn, mà nó hườn trả cho câu thơ tất cả vẻ tự-nhiên và tất cả tánh lư-loát. Chừng đó, pháp đối-ngẫu (1) đặt-đề như vậy :

hoặc là giữa hai vế giữa :

Những là trộm dẫu, / thăm yêu chốc mộng. 158

hoặc là giữa hai vế hai đầu :

Chữ tâm kia mới (2) / bằng ba chữ tài. 3252

Pháp đối-ngẫu đã trở nên kỳ-diệu và tạo cho một nhịp-diệu khác thường, do cái nhịp di-động. Nhịp này, thường lệ là chẵn, ở đây lại trở thành lẻ và đoạn câu thơ bát-ngôn ra ba vế dài ngắn không đồng : hai vế đầu có ba

(1) Tiêu đối (Lời chú mới thêm lúc Việt-dịch).

(2) Nhịp này phân 6 tiếng thứ ba, « kia », mới đúng với nhu-cầu ý thơ. (Lời chú này không có ghi trong bản Pháp-văn mà mới âm vào đây, trong khi phiên-dịch. Sài-gòn, ngày 4-4-1966).

tiếng mỗi vế còn về cuối-cùng chỉ có hai tiếng, theo công-thức : 3+3+2.

Đĩa dầu voi, / nước mắt đầy / năm canh. 1884

Thật sự thì đây là một câu thơ lục-ngôn với nhịp giữa cùng hai vế đối, còn về sau cùng chỉ vượt đuôi câu thơ bằng cách tiếp hơi.

Nhưng công-thức 3+3+2 cũng có thể đảo-lộn để trở thành 2+3+3, nếu nhịp lại dời đổi vị-tri :

Mười phần / cũng đắp-điểm / cho một-vài. 1348

Đó cũng là một thứ lục-ngôn với một nhịp giữa cùng hai vế đối nữa.

Nhưng câu bát-ngôn sẽ thay-đổi cơ-cấu và uốn-éo theo một nhịp-nhàng khác nữa, nếu cách phân ba tạo với vế giữa một gối hạc, một mối liên-lạc giữa hai vế cực-đoan đương-đối. Cơ-cấu của câu thơ sẽ là : 3+2+3. Có lẽ cơ-cấu này khó thật-hiện nhưt, nên vị minh-sư chỉ xây-dựng được có năm câu thơ loại này (1) mà thôi, như đây là một :

Duyên đôi-lửa / cũng là / duyên bạn-bầy. 3226

Chánh cái gối hạc cũng có thể rút ngắn lại; nó sẽ gồm có một tiếng mà thôi, mà chung quanh đó xây chuyển hai yếu-tố đương-đối trong hệ-thống phân tư : 1+3+1+3

Rằng : / « Vàng lệnh-chỉ / rước / châu vu-qui ». 2264

Người ta đã thấy đại-thể cơ-bản của câu-thơ lục-bát đã trải qua nhiều biến-đổi rất đặc-thể do ở sự can-thiệp của nhơn-tố nhịp-điệu, chánh là cái nhịp, nhờ nó di-động mà hình-thể âm-thanh nổi bật lên, luôn luôn biến-hóa, và giúp cho trong nội-bộ câu thơ có đối-ngẫu, lợi-lạc cho ý-từ câu thơ.

Nhưng nhà thơ không ưng hạn-cuộc những khả-năng của mình ở trong khuôn-khổ của một câu thơ xét riêng-rẽ ;

(1) Câu số 492, 1268, 1970, 3244.

gặp cơ-hội thứ nhưt là nhà thơ liền đề lan-trần khả-năng mình qua tất cả các liên thơ. Cho nên nhà thơ rất thường đặt tương-đối hai câu thơ liên-tiếp (1) hay là cả hai liên thơ kế-tục (2). Như vậy là một sự tương-đối ý-từ được hậu-thuần bằng một sự tương-đối thể-thức ; đó cũng là một sự tương-đối về nhịp, về và cả những câu thơ nguyên- vẹn. Những tỉ-du loại này không thiếu gì :

Hương càn đượm, / lửa càn nồng,

Càn xôi về ngọc, / càn lồng màu sen. 1384

Trong đó có hai pháp đối-ngẫu, ở trong nội-bộ mỗi câu thơ, về một phương-diện :

Hương càn đượm, / lửa càn nồng,

và : *Càn xôi về ngọc, / càn lồng màu sen.*

và về phương-diện khác, ở giữa hai câu thơ, mặc dầu số tiếng không đều-đồng :

Hương càn đượm / càn xôi về ngọc,

và : *Lửa càn nồng / càn lồng màu sen.*

Nói đúng hơn, thì pháp đối-ngẫu đó là pháp đối-ngẫu của về thơ, ở giữa một câu thơ và ở giữa hai câu thơ liên-tiếp. Nhưng sự tương-đối của các vế không được hoàn-toàn, bởi vì các vế đương-đối không đồng một số tiếng với nhau. Sau đây là những vế đối có ba tiếng mỗi vế, trong hai câu thơ khác này :

Bắt phong-trần / phải phong-trần,

Cho thanh-cao / mới đượm / phần thanh-cao 3244

Như vậy, một dànng thi :

Bắt phong-trần / phải phong-trần,

và : *Cho thanh-cao / phần thanh-cao,*

còn dànng khác lại :

(1) Đối song quan.

(2) Đối cách cú. (Lời chú mới thêm lúc Việt-dịch).

Bắt phong-trần / cho thanh-cao,
và : *Phải phong-trần / phần thanh-cao.*

Nếu trong một câu bát-ngôn có phân nhịp giữa, hai vế đối nhau, thì câu lục-ngôn phải có một vế bốn tiếng đương-đối, mới có đối-ngẫu chấp-nhận được giữa hai câu thơ :

— Phím đàn diu-dặt / tay tiên,

Khói trầm cao thấp, / tiếng huyền gần xa. 3198

— Xập-xè / én liệng lâu không,

Cỏ lan mặt đất, / rêu phong dấu giày. 2750

Nhưng sự tương-đối hoàn-toàn bắt-buộc câu bát-ngôn phải đặt một vế sáu tiếng, song hành với câu lục-ngôn, nghĩa là, trong trường-hợp ấy, một phần câu bát-ngôn phải cấu-tạo đồ theo hoàn-toàn câu lục-ngôn, trong khi hai tiếng kia, ở đầu hay ở cuối vế đó, chẳng qua là hai phần-tử phụ-bổ :

— Nào người phượng chạ, loan chung,

Nào người tiếc lục, tham hồng / là ai ? 90

— Hoa hương càng tỏ thức hồng,

Đầu mày / cuối mắt càng nồng tấm yêu. 498

Có khi phần-tử phụ-bổ cần vào giữa câu bát-ngôn :

— Chước đầu có chước lạ đời ?

Người đầu / mà lại / có người tinh ma ? 1812

— Thương sao cho vẹn thì thương,

Tinh sao cho trọn / mọi đường / thì vắng. 1360

Cuối cùng, pháp đối-ngẫu tuyệt-diệu hơn hết là pháp đặt đương-đối hai đoạn kế tiếp nhau. Trong tất cả tiểu-thuyết, chỉ có được ba trường-hợp điển-hình như vậy :

a) Khi gió gác, / khi trăng sân,

b) Bàu tiên chuốc rượu, / câu thần nối thơ ;

c) Khi hương sớm, / khi trà trưa,

d) Bàn vầy điểm nước, / đường tơ họa đàn. 1298

Thật là thích-thú mà nhận thấy pháp đối-ngẫu đó được hoàn-toàn đặc-biệt. Một bên thì có đương-đối giữa

hai vế của mỗi câu, bên khác lại có đương-đối giữa những vế tương-đương trong hai liên thơ ; đồng-thời cũng có đương-đối giữa những nhịp chánh và nhịp phụ. Sự đương-đối cũng bao-trùm luôn cách kết-cấu. Xin nói tóm lại :

— câu thơ a / câu thơ c

— câu thơ b / câu thơ d

} đối với nhau

Trong trường-hợp thứ nhì sắp tiếp theo sau đây, pháp đối-ngẫu có lẽ khó cho mắt thấy hơn, vì mấy câu thơ sẽ không được phân nhịp rõ-ràng bằng trường-hợp trước đây và mấy câu thơ này cũng không mô-tả những thú vui quen-thuộc của bậc tiền tu-sản :

Trong vòng giáo dục giơm trần,

Kề lưng hùm sói, gửi thân tôi đời ;

Giữa dòng nước chảy sóng dồi,

Trước hàm rồng cá, gieo mồi thủy-tinh (1). 1672

Trong đoạn thơ thứ ba và cuối-cùng sau đây, người ta sẽ nhận thấy dễ hơn tánh-cách tương-đương giữa mấy liên thơ, nhờ có điệp-ngữ và điển-tích giúp cho. Ngoài ra, người ta sẽ chú-ý thấy rằng đối-ngẫu sẽ trùm hai liên thơ đầu dạng hiệp nhau làm một hệ-thống riêng : còn hai câu thơ sau cùng thì hiệp thành một hệ-thống khác, không tùy thuộc những câu thơ kia :

a) Khúc đầu đầm-ấm dương-hòa !

b) Ấy là hồ-điệp hay là Trang-Sinh ?

c) Khúc đầu êm-ái xuân-tinh !

d) Ấy hồn Thục-Đế hay mình Đổ-quyên ?

e) Trong sao châu rõ duyên quyên !

f) Ấm sao hạt ngọc Lam-Điền mới đồng ! 3204

Vậy thì, một đàng :

câu thơ a / câu thơ c

câu thơ b / câu thơ d

} đối với nhau

(1) Chủng tôi thố.b tiếng • thủy-tinh • hươu tiếng • vắng tanh • : • Thủy-tinh • đối với • rồng cá • khá hơn.

còn đàng khác :

câu thơ e / câu thơ f

Ba đoạn thơ mới vừa kể trên đây đã trình-bày một bảng tổng-ước của cơ-cấu căn-bản của thơ binh-dân với hai yếu-tố chánh-yếu : nhịp và đối. Hai nhơn-tố này của ý-tử và bút-pháp, sắp-đặt khéo-léo không tài nào sánh-kịp, đã góp công làm cho kiến-cố và điềm-xuyết thêm tòa lâu-đài văn-chương tuyệt-hảo của chúng ta, là ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH, mà hai nhơn-tố ấy là nòng-cốt và trang-sức.

KẾT-LUẬN

Nhơn-dân đã trui-rèn câu thơ lục-bát. Nguyễn-Du đã tô-diềm câu thơ lục-bát. Câu thơ lục-bát đã từng chịu thử-thách thành-công trải qua nhiều thế-hệ lâu dài. Với những qui-luật không kém gì niêm-luật cổ-diễn Trung-Hoa, câu thơ lục-bát đã giúp được tâm-tình này-nở bằng cách diễn-dịch trung-thật mỗi ba-động tế-nhị của tâm-hồn và những biến-chuyển của thiên-nhiên. Sau bao nhiêu áp-dụng khâu-truyền, câu thơ lục-bát đã được vinh-hạnh sử-dụng tay ông hoàng của thi-sĩ chúng ta và, dưới ngòi bút phách-lực và sáng-tạo của ông, sở năng sở đắc của câu thơ lục-bát được xác-nhận một cách công-khai và vẻ-vang đối với những tác-phẩm dài hơi, nhứt là đối với tiểu-thuyết. Xét mỗi tương-quan ấy, thì câu thơ lục-bát đã tiến xa khỏi thể thơ Trung-Hoa, là thể thơ đã từng cùng nó chen vai thích cánh trải qua bao nhiêu thế-kỷ rồi. Đối cùng, công-luận đã phải hạ mình công-nhận chơn-lý ấy, vì chánh những môn-đồ trung-thành của thi-phái Trung-Hoa đã phải bắt buộc vận-dụng điệu nói binh-dân ấy như là một lợi-khí duy-nhứt cho những sản-phẩm văn-chương quan-trọng của mình. Nguyễn-Du là một trong những tay thợ tiên-phuông đã lợi-dụng lợi-khí kỳ-tuyệt đó được thắng-lợi lớn-lao, đến đổi vị tôn-sư cổ-diễn đã sang-sẻ cho thể dân-ca những sự vinh-hiến của mình.

Nhưng người ta không thể tránh khỏi bất-công mà khảng-nhận rằng Nguyễn-Du là nhà tiên-phong đã áp-dụng câu thơ binh-dân trong tiểu-thuyết và là một nghệ-sĩ độc-nhứt của thể thơ binh-dân.

Muốn có được một khái-niệm rộng-rãi về những khả-năng khả-đắc của thể dân-ca đã thật-hiện được trong những tiểu-thuyết được tra-chuộng nhứt, điều lợi-lạc là nên liếc mắt rảo qua toàn-đồ văn-chương kể từ thế-kỷ XIV dĩ chí thời-kỳ cực thịnh của thi-pháp ta, thời-kỳ Nguyễn-Du. Chúng ta sẽ liếc qua mau lẹ hai yếu-tố chánh-yếu, nhịp và đối, trong những tiểu-thuyết bằng thơ của ta.

Trong TRÉ CỐC :

Nhịp lẻ và đối trung-cú đồng-thời :

Cho đồng đối tụng hai bên,

Có bên bị, / có bên nguyên mới tượng.

Đối trung-cú và đối song-quan :

Quan cứ lệnh, / lính cứ truyền,

Đã ngày cổ buộc, / lại đêm chân cùm.

Tiểu-đối :

Éch rằng : « Đồng trắng / nước trong,

Tôi đây tiếng cả, / nhà không có gì ?

Trong một truyện ngu-ngôn khác, TRINH-THỦ :

Bát-ngôn phân ba nhịp :

Khó khăn nhà xác như vờ,

Nước sóng, / gạo chợ, / củi mua, / củi đồng.

Nhịp giữa và đối trong câu lục-ngôn :

Thịt chẳng có, / cá thời không,

Chồn nằm, chẳng có màn mừng chẻ thân.

Đối cách-cú :

Gà về bới nát cổ sân,

Mèo buồn lại chạy kiếm ăn ngô ngoài ;

*Chó nằm hè gặm vỏ khoai,
Lợn ngồi dũi đất ngậm hơi gầy gò.*

.....
Hứng tay dưới, / vất tay trên,
*Rán sành ra mỡ, bơn chén từng điều ;
Treo cổ chó, / buộc cổ mèo,
Bình dưa lọ muối, chắt-chiu nom-dòm ;
Vặt đầu cá, / và đầu tôm.
Liệu thung bữa sớm, bữa hôm ít nhiều.*

Trong PHAN-TRẦN :

Nhịp lẻ và đối trung-cú :

*Mời thăm hỏi / sự nhà mình :
Anh thông-thả, / chị bình-ninh, / cô mừng.*

Đối song-quan :

*Giã non, / giã nước, / giã chền,
Giã mai, / giã trúc, / giã miên, / cổ hoa.*

Trong QUAN-ÂM CHU-THỊ-KÍNH :

Nhịp lẻ và đối trung-cú :

*Con trai rèn cặp sớm khuya,
Nhà thi-thư / vẫn giữ / nghề thi-thư.*

Đối song-quan :

*Tiếng cầm, / tiếng sắt, / bẻ-bai,
Tiếng chuông, / tiếng trống, / êm tai / rập-rình.*

.....
*Hay là túi phạn, / hờn duyên,
Hay là đeo lụy, / mang phiền / chi chẳng ?*

Trong CHINH-PHỤ NGÂM-KHÚC :

Nhịp lẻ (tất cả : 17 câu thơ) :

— *Khói Tiêu-Tương / cách Hàm-Dương.
— Sân, / đi một bước, / trăm tình ngắn-ngor.
— Trên khung cửa, / đám dấy-duồng / làm cao.*

Đối trung-cú :

Giọt sương phủ, / bụi chim gù.

Đối trung-cú, cách-cú và song-quan :

— Lá màn lay, / ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo / bóng nguyệt lên / trước rèm.

.....
— Khắc giờ dằng-dặng bấy niên.

Mối sầu dằng-dặc tựa miền *bề xa*.

— Xót người lặn-lửa ái xa,

Xót người / *nuông chón* / hoàng-hoa dậm dài.

— Khói Tiêu-Tương / cách Hàm-Dương,

Cây Hàm-Dương / cách Tiêu-Tương / *mấy trăng*,
(Đối đảo-trang) (1)

Trong CUNG-OẢN NGÂM-KHÚC :

Nhịp lẻ :

— *Giác chiêm-bao / những đêm xưa.*

— *Thù nhậu ru ? / Hơi đồng-phong ?*

— *Gấm nàng Bân / đã lạt mùi thu-đụng.*

— *Liệu thân này / với cơ thuyền / phải nao.*

Đối trung-cú :

— Khi trường ngọc, / lúc rèm ngà.

— Cái phong-ba / khéo cột / phùng lợi-danh.

— Đinh trầm-hương / khóa một / cảnh mẫu-đơn.

— Khi bi-thương / *sức-nức* / hè lạc-hoa,

— Hơi thê-lương / *lạnh ngắt* / song phi-huỳnh.

Trong HOA-TIỀN :

Nhịp lẻ :

— *Côi Tô-Châu, / giải Ngô-giang,*

— *Hẹn phong-lưu / để nợ-nần.*

(1) X. Thuận-Phong. *Chinh-Phụ Ngâm-Khúc Giảng-Luận*, tr. 120 và tiếp theo (Lời chú mới thêm vào, lúc Việt-dịch).

- Với em đây, / rắp kết duyên Việt-Hồ.
- Bước lên trình : | « Ngâm duyên gì chẳng sai ».
- Ngán thay cho khách những say-sưa / lòng.
- Rằng : | « Trong thể-nghi là trong một nhà ».
- Quyển hồn khôn / via đại / này đi đâu ?

Đối trung-cú :

- Ấy trên tiên, / nọ dưới người.
- Tình chung mấy đoạn, / sầu riêng mấy phần.
- Hoa đây ở. / liễu đây câu / sá nài.
- Tơ kia quấn, / bóng kia xoay / mấy mà.
- Tình hôm nay / hẳn vì / điều hôm qua.

Đối song-quan :

- Ấy ai / dập lửa / vùi hương,
- Ấy ai / nát đá / phai vàng / với ai.
- Người thời trường trập, / uyên trùng,
- Người thời cầm đạo, / loan chung / chưa từng.
- Trước họa / lần bóng / hoa rơi.
- Dưới trăng / lần bóng, / trăng soi / người sầu.

Trong MAI-ĐÌNH MỘNG-KÝ :

Nhịp lẻ :

- Nền thí-lễ / gắng dùi mài.
 - Nhân-duyên ấy, / ấy tao-phùng.
- (đối-ngẫu đảo-trang)

Đối trung-cú :

- Rằng tiên-quân / với nghiêm-đường.
- Con mưa rửa tuyết, / trận hà cuốn mây.
- Tình bao nhiêu, / nợ bấy nhiêu, / hay gì.

Chuyên :

Duyên tế-ngộ, / hội công-danh ➡➡
Là hai, / với nghĩa chung-tình / là ba.

Trong BÍCH-CÂU KỶ-NGỘ :

Nhịp lẻ :

- Mặt trông mặt, / hầy ngần-ngor.
- Vàng kim-ô / đã gác đầu non tề.
- Khói mây man-mác dễ mà hỏi, / vay !

Đối trung-cú với nhịp lẻ :

- Dù mặt lạ, / đã lòng quen,
- Khi đắm-thắm / đã bỏ / ngày nhớ-nhung.

Đối trung-cú và song-quan :

- Mâm chung một, / đũa thêm hai,
- Thơ trao dưới nguyệt, / rượu mời trước hoa.

Đối song-quan :

- Học sao cho hết chân-truyền,
- Tu sao cho hết tinh-huyền / thi tu.
- Nói dù, nghe cũng thế nào,
- Lặng dù, nghe cũng / nao nao / chẳng đành.

Rốt lại đối đoạn :

- Khi gió mát, / lúc trăng trong,
- Bầu tiên chuốc rượu, / tơ đồng nối dây ;
- Khi tuyết xuống, / lúc sương bay,
- Câu thơ trên gác, / bàn vây bên bình.
- Tài hoa-quốc, / sắc khuy-nh-thành,
- Cầm kỳ thi tửu, / đủ vành trần duyên ;
- Người tao-nhã, / khách thuy-nh-quyên,
- Phong hoa tuyết nguyệt, / là tiên trên đời.

Vậy nhịp và đối đã được áp-dụng thành-công trong tất cả những tác-phẩm xuất-sắc. Nhưng ai nấy cũng đồng-thanh nhưt trí nhìn-nhận rằng Nguyễn-Du vẫn tự-trung là một bậc tôn sư của thể dân-ca không chối-cãi được, vì tiền-thuyết của ông vốn được ca-ngâm say-sưa cũng như những bài dân-ca tuyết-diệu nhưt, trong khắp xứ và trải qua các thế-hệ.

Thuần-Phong NGÔ-VĂN-PHÁT
tự dịch

MỤC « BÓNG DÁNG THỜI-GIAN »

Bình-minh đen

● Truyện ngắn của AN-CU

Saigon rộn-riịp trong những ngày tàn cuối năm, nhứt là về đêm.

Chung-quanh chợ Bến-thành, trong các gian hàng dựng tạm bán Tết, ánh đèn-óng sáng-rực một màu trong, vài căn có giặm một vài ngọn néon xanh đỏ tạo ra một vùng huyền-ảo nhẹ-nhàng. Đêm đã khuya, cái đồng hồ trên lầu chuông chợ chỉ quá 11 giờ rưỡi ; người đi sắm Tết hoặc đi coi bán chợ Tết, hoặc nữa bọn thanh-niên nhớn-nhờ đi ngắm các cô thiếu-nữ, vẫn đông tấp-nập, dường như họ bắt-chấp giờ giới-nghiêm.

Miền Nam không phân bốn mùa, không có trời Đông, nhưng mỗi độ Xuân ngấp-ngó theo dạng một năm sắp qua, cây me, cây bàng, cây phượng... giờ cành thưa lá thưa bông, thì bầu trời có vài ngày nghe ra lạnh hơn.

Hai người bạn đang dạo cảnh chợ Tết ; bỗng bác-sĩ Tuân dừng bước, kéo giáo-sư Cương đứng lại và nói :

— Tao mới chun lăm rồi, đi không nổi nữa... Giờ này có nhiều bò lạc, nhiều con « tơ » lăm. Tụi mình đi bắt một con chơi.

Cương nhìn theo một cô có một mái tóc « dị-thường » như đội trên đầu một ổ gà lớn bằng rơm và nói :

— Đi bắt bò lạc một phen, cho biết mùi « hiện-sinh », thú hiện-sinh rẻ tiền.

Tuân nhướn mắt hỏi vặn với giọng cà-rỡn :

— Thiệt hở ta. Đêm nay, giáo-sư «chịu chơi» hạ san phải không ?

Cương cười mà không nói. Hai người bạn thân dắt tay nhau tới chỗ đậu chiếc Citroen 2 ngựa thứ bốn cửa.



Ngồi trên chiếc xe dáng nhỏ gọn-gàng, Cương hỏi Tuân :

— Ngã nào tốt, mầy chỉ đường, đi !

Tuân chưa kịp đáp, thì một giọng đờn-bà trả-lời thay và tiếp theo một dây cười đờn.

Tuân mở cửa xe, bước trở xuống đường. Cương đã rờ máy, đã gài số một, chờ Tuân mời người thiếu-nữ lên xe thì cho xe chạy. Trái lại với ý-nghĩ của Cương, Tuân ôm người thiếu-nữ, hun trên môi một cái thật nồng-nàn, rồi nói bằng một giọng đầy ân-ái :

— Xin-lỗi em, hai anh phải lại đằng kia gặp ; cưng «cuối bộ» đỡ vậy.

Mọi việc xảy ra nhanh như chớp một cách có lớp-lang và êm-đẹp. Tuân trở lên xe ngồi và biều Cương mở máy chạy. Người thiếu-nữ chờ người, không kịp đổi phỏ. Khi xe chạy được khoảng ba, bốn thước, Cương và Tuân nghe sau lưng một câu nguyên-rửa thương yêu :

— Hai thằng quĩ, hai thằng mắc dịch.

Cương hỏi Tuân :

— Mầy làm gì ầu quá ? Có ngày về năm bót, coi chừng nghe mậy. À, bộ bồ của mầy phải không ?

Tuân có vẻ dặc ý, nói :

— Không phải. Thứ yêu đó mà bồ với ai. Còn mầy là thằng đui ; cô ta già-khăn, chắc gần ba mươi cái xuân xanh rồi, chứ không ít đâu ; mầy tưởng tao mời cô ta lên xe đặng tụi mình chớ giùm phải không ?

Cương lại cười lằng-lặng.



Hai người bạn trí-thức lái xe chạy loăn-quăng qua nhiều con đường, tuy đã khuya, vẫn còn người đi : Đường Thủ-khoa Huân, đường Gia-Long, đường Tự-Do, đường Nguyễn-Huệ, Bến Chương-dương, đường Hai Bà Trưng... Một cô với mái tóc che khuất bên trên nửa khuôn mặt đứng vờ-vẫn trên hè trước cửa một sờ-nách-ba, có vẻ chờ xe, mà thấy xe của Cương và Tuấn chạy trờ tới, lại không vẫy như những cô khác trong giờ phút này ; Cương và Tuấn rờ xe tới trước mặt người thiếu-nữ đó : Khuôn mặt chỉ để lộ một con mắt, vì mái tóc phủ mất hết nửa mặt, có một sắc trắng đẹp lạ thường, đẹp một cách ma-quái. Cương hỏi lễ-phép :

— Xin mời cô lên xe, chúng tôi đưa cô về nhà. Nào xin mời cô lên nữa.

Người thiếu-nữ nũng-nịu :

— Cương muốn hôn-hạnh được đưa em về nhà, cương hãy xuống bằng em lên xe.

Cương và Tuấn đều nhìn nhau, ngạc-nhiên. Người thiếu-nữ giục :

— Nếu cương không chịu vậy, thì « dong » đi ; em chờ xe khác.

Cương ra đầu cho Tuấn làm việc đó. Tuấn y lời, xuống xe. Người thiếu-nữ lại làm nũng :

— Em không chịu cương này đâu ; em muốn cương kia cà.

Tuân giơ hai tay ra, than-phiền. Cương chiều lòng người thiếu-nữ, xuống xe, bằng người thiếu-nữ để ngồi giữa ở cái « bần » trước. Cô ta tỏ vẻ hài lòng, nói với Tuấn :

— Cương đừng giận em ; em bắt đền cho cái này.

Rồi cô ta gọi vói vào trong sờ-nách-ba :

— Điệp ơi, ra về đây. Có xe đây.

Điệp bước ra, bước đi khoan-thai, một mái tóc dày và dài phủ thướt-tha trên hai vai, đôi mắt có cái nhìn đậm-đà, thu-hút. Người thiếu-nữ chỉ Tuấn nói với Điệp :

— Khoan lên xe ; mầy nhìn cương đó coi có hợp nhãn mầy không ? Tụi mình khi nãy bàn kiếm mỗi đứa một « trụ » để « hủ-hỉ » đêm nay đó mậy. Mầy quên rồi sao ?

Điệp đưa một cái nhìn mau-lẹ qua con người Tuấn, rồi định bước lên xe, nói :

— Sao cũng được.

Người thiếu-nữ giơ tay ra cản Điệp lại :

— Biểu người anh-hùng bằng Điệp lên xe.

Điệp đẩy tay của người thiếu-nữ ra và nói :

— Ai như Tuyết, lúc nào cũng ghiền được đờn ông bằng, ăm..

Điệp bước lên xe, ngồi bên cạnh Tuyết và kéo Tuấn ngồi sát vào mình. Tuyết làm-bầm :

— Điệp « què-mùa » lắm. Được đờn-ông bằng, thú lắm.



Cương đã mở máy xe, để tay mặt nắm cây sang « số » và hỏi chung hai cô thiếu-nữ :

— Hai em có cùng địa-chỉ không, về đường nào ?

Tuyết cho biết hai nàng ở chung một nhà tại đường Phan-Thanh-Giản. Nàng ngả đầu vào vai Cương và nói bằng một giọng rất dễ thương :

— Hai cương ở đêm lại với hai em nhá ?

Cương đưa mắt nhìn Tuấn như hỏi ý. Tuấn ngó lại Cương, trầm ngâm mà không trả lời. Mỗi chàng theo đuổi một ý-nghĩ. Méo-mó nghề-nghiệp của một bác sĩ khiến Tuấn loay-hoay tìm coi « tánh thích được bằng » của Tuyết là một cái tật hay là một cái bệnh, trong khi đó tay chàng nắn bóp và vuốt ve trên đùi của Điệp. Điệp lặng thinh để tận hưởng những cảm-giác êm-mê do bàn tay Tuấn tạo ra, đôi mắt lơ-dờ. Cương thì lúc nào cũng lo sợ về « tai tiếng », nửa muốn phiêu-lưu một đêm tìm những thú nhục-thê với người con gái kỳ-dị đang ôm chặt mình, nửa e-dè những bất-trắc viển-vong có thể xảy đến cho thanh-danh nhà giáo của mình.

— Có dú-dờn thì về nhà mà dú-dờn ; thế này thì có ngày bỏ mạng. Đồ điên.

Tiếng quát-tháo làm Cương giật mình và thắng kíp chiếc xe lại, bằng không thì đã đâm vào hông một chiếc xe nhà binh to-tướng.

Cương tươi cười nói :

— Người mình hể phải được một chút là lên mặt lớn tiếng.

Xe cũng vừa tới nơi, đậu trước nhà của Tuyết và Điệp.

Tuyết khăn-khoản :

— Hai anh ở lại ná. Hai em không đòi tiền gì hết ; trái lại, nếu hai cung làm coi được, thì chúng em còn thưởng kia mà.

Cương và Tuân bất-giác rùng mình, nhưng lại thấy bị kích-thích, quấy-rủ ; cả hai không nói với nhau, đều ngại không báo trước mà không về thì gây lo-âu cho người nhà suốt đêm. Hai chàng chưa từng bỏ nhà đi chơi đêm. Thái-độ ngập-ngừng của Cương và Tuân càng làm cho hai cô gái mê thích, vì hai cô đẹp có tiếng trong giới sờ-nách-ba, không từng thấy có người đờn-ông nào không sốt-sắng với lời mời hấp-dẫn của hai cô.

Tuân nói :

— Hai anh phải về, không thì người nhà phát lo.

Hai nàng càng thêm rối-rít. Tuyết đưa ra cái lý-luận cuối cùng : « Về làm sao được, đã quá giờ giới-nghiêm trên hai mươi phút rồi. » Điệp thì kéo Tuân vào nhà, hai tay nắm chặt, đôi mắt khẩn-cầu, nói : « Giờ này về nguy-hiểm lắm, anh, ở lại mà ».



Giữa đêm, Cương thức giấc, cảm thấy cơ-thể rã-rượi mệt-nhờ, nhưng lại nghe như những luồng khoái-trá còn đang chảy trong mạch-máu, trong thớ-thịt của mình. Qua ánh sáng mờ hồng của ngọn néon ngắn, chàng nhìn Tuyết nằm ngủ cạnh chàng nét mặt thỏa-mãn xinh tươi. Chàng dờ tấm chăn mỏng mịn đắp trên mình Tuyết lên. Cương say-sưa : Một pho-tượng nữ-thần lộng-lẫy hiện ra. Chàng nhớ lại mọi việc xảy ra hồi đầu đêm nay,

băn-khoản : Phải, Tuyết và Điệp là hai con diêm lấy Mỹ sao lại có một cái gì hơi « lạ lạ », ngủ với đờn-ông mà không đòi tiền, trái lại còn đòi xuất tiền ra thưởng, nếu... Nghĩ đến đây, Cương cảm thấy xấu-hổ, hối-hận đã ở đêm lại. Chàng bước xuống giường đi qua đi lại, càng lúc càng cảm thấy không xứng-đáng với chức-nghiệp của mình, thậm nghĩ hể người ngoài biết được thì thật khổn-nạn cho mình biết mấy. Chàng muốn sang phòng bên đánh thức Tuân, nhưng lại thôi.

Tuyết trở mình dậy, thấy Cương đi dọc đi ngang, đáng suy-nghĩ ; nàng quơ tay lấy chiếc áo ngủ dài choàng vào tấm thân lỏa-lồ, bước xuống giường, nhẹ-nhẹ bước tới ôm lấy Cương điệu bộ nhí-nhảnh. Nàng thỏ-thẻ :

— Cung dậy làm gì ? Ngủ thêm đi anh.

Cương không nói gì. Thấy vậy, Tuyết kéo Cương lại một góc trong phòng ngủ nơi đó có đặt một bộ sa-long nhỏ xinh gồm một cái bàn hình chữ nhật và hai chiếc ghế ; Tuyết đẩy Cương ngồi xuống, rồi bước lại một chiếc tủ lạnh nhỏ kê gần đó, lấy hai hộp nước trái cây Mỹ. Cương càng lúc càng ngạc-nhiên về các trang-trí tiện-nghi trong cái nhà này. Phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn đều chung dọn thật nhã ; theo sự thổ-lộ của Điệp lúc này, thì là mướn một người tốt-nghiệp Trường Trang-trí Mỹ-thuật Gia-định thăm-định xếp-đặt, với một số tiền thù-lao khá cao. Và trong nhà trang-bị đủ thứ cần-thiết tối tân : Ra-dô kiêu de Luxe, tủ-lạnh, máy vô-tuyến truyền hình, máy bút-cúp Hifi kiêu lớn, một tủ rượu có đủ thứ rượu quý danh tiếng của Pháp, của Anh, của Trung-hoa, có đủ thứ bánh hộp, kẹo hộp của Nhật, của Hồng-kông, của Singapore, của Mỹ, Pháp... Về tủ-lạnh, có những hai chiếc, một chiếc lớn đặt trong phòng ăn, một chiếc nhỏ để trong phòng ngủ. Như để trả lời những thắc-mắc lặt-vặt trong tâm trí của Cương, Tuyết nói :

— Phần lớn các khách vào đây phải trả một giá thật cao. Thịnh-thoảng, lâu lắm mới có một, hai người khách được đãi như hai cung đêm nay mà không phải trả gì hết.

Ngừng một lát, Tuyết lại tiếp :

— Tụi em đã biết rất nhiều khách, thấy hai cung khác họ quá. Tụi kia bóc lột luôn tay, miệng nói thối là nói, nói toàn những gì sao vô-duyên quá.

Cương bưng ly nước trái cây ướp lạnh uống nhấp-nhấp như đề thường-thức mùi vị, thiệt ra thì đề khởi phải đối-thoại với Tuyết. Chàng lăm-bắm trong dạ : Chính chàng phải có nhận-xét về thái độ « độc-đáo » của Tuyết và của Điệp, chứ chàng có dè dặt Tuyết cũng xét-nét chàng và Tuân như vậy. Chàng loay-hoay tìm câu nói khéo đề hỏi về gia-đình và gia-thể của Tuyết, thì Tuyết bỗng dựng khơi tâm tình của mình cho Cương nghe :

— Anh à ! Anh có tin rằng cách nay không lâu, khoảng ba năm, Điệp và em là hai gái quê chất-phác không ? Quê một cục, anh à.

Cương khích Tuyết bằng hai, ba cái lắc đầu liên-tiếp. Tuyết bóp chặt hai bàn tay lại, mỉm cười.

Lần lần nụ cười tắt trên làn môi tươi thắm của Tuyết. Nàng trầm-ngâm như dẫn-đo, như do-dự. Nàng ngồi im-lìm như vậy rất lâu. Cương nhìn nàng với vẻ hơi ngạc-nhiên mà trìu-mến. Chàng dìu nàng trở lên giường. Trời còn khuya, còn lâu mới sáng. Cương và Tuyết lại... Tuyết cảm tấm lòng thành-thật của Cương, thấy Cương không coi mình như một con điếm, âu-yếm một cách thiết-tha, dịu-dàng, tung-tịu như đối với một người con gái đứng-đắn, trong-trắng ; nàng úp mặt vào lòng Cương, bao nhiêu tình-cảm, tâm-tư của nàng như chết ngộp từ lâu trong men rượu, trong thú nhục-dục dưng đê đồi chác đồng bạc hoặc đồng đô-la, trong những nếp sống ò-ạt cuồng-loạn hằng ngày, bỗng chút như bừng dậy, giữ bớt những lớp bụi xa hoa thường gọi là sống hiện-sinh. Nàng muốn chia sẻ niềm riêng với Cương, từ từ kể lại chuyện mình qua tiếng thồn-thức :

— Em....



Suốt ngày hôm ấy, Cương cố giữ nếp sanh-hoạt thường ngày của chàng đề cho vợ chàng không băn-khoăn hơn nữa về chuyện đi thâu đêm rồi, chuyện xảy ra lần đầu tiên từ khi lập gia-đình đến nay. Vợ chàng tỏ ra tin lời chàng giải-thích về việc đêm qua.

Nàng chỉ nói một cách nghiêm-nghị : « Nếu nhà giáo chơi-bời bê-tha, thì còn gì là lẽ sống của nhà mô-phạm. » Cương cố làm ra vẻ mặt, cử-chỉ, lời nói thật thư-thả, tự-nhiên. Cũng ngay liền đó, chàng lấy làm xấu-hổ thường ngày chàng dạy học-sinh phải thẳng-thắn mà bây giờ chàng lại nói dối quanh ; chàng đã giả-đối với vợ, và lừa dối vợ nữa. Chàng càng tự chấn-tĩnh, thì lòng chàng càng gờn-gợn lên những nỗi khó-chịu, bứt-rứt, hối-hận ; mặt khác, chàng lại nghĩ-ngợi nhiều về câu chuyện của đời Tuyết mà Tuyết vừa thuật cho chàng nghe trong đêm qua, câu-chuyện nào-nê làm khuấy động tâm-can chàng, làm cho chàng như chợt dạ buồn nôn. Mặc dầu có thể Tuyết không biết cách thuật hoặc Tuyết quá cảm-động, câu-chuyện kể lại nghe lộn-xộn, rối-rắm, cũng vẫn làm chàng xúc động nhiều. Chàng lấy tuyền-tập truyện ngắn Au Fil Des Jours (loại Nouveaux Horizons) đọc đề khuấy láng, mắt chàng cố giăng vào trang sách, nhưng trí chàng cứ vơ-vẩn đâu đâu, những chữ đen cứ như chạy lùi đâu mất, trái lại những hình ảnh về câu-chuyện Tuyết, tuy vá-víu chắp-nối, ùn-ùn tranh nhau chờn-vờn dưới mắt của Cương.

Nhiều ngày trôi qua. Cương vẫn nghĩ miên-mạn. Cũng may lúc này đang nghỉ Tết. Cương lấy cố khi thì đi coi chiếu bóng, lúc đi chơi Thảo Cầm Viên đề khuấy khỏa.

Một đôi lần, chàng đi tìm Tuân. Hai người bạn hễ gặp nhau là nói chuyện Tuyết ; có hồi, Tuân và Cương bàn với nhau trở lại thăm Tuyết và Điệp, nhưng cả hai lấy làm ngần ngại tiếp-tục lại cuộc phiêu-lưu « hiện-sinh » với hai gái điếm lấy Mỹ « sang-trọng » này. Một ngày kia, Cương đang ngồi trầm mặc, Tuân bước vô nhà, nhè-nhẹ và bất-thần vỗ vào vai Cương, cười lớn, và nói :

— Giáo-sư lại nghĩ đến...

Cương quay qua thấy Tuân, vội chỉ vào buồng ra dấu là vợ chàng có trong đó. Tuân vừa cười vừa cúi sát tai Cương nói trêu :

— Coi vậy, giáo-sư...

Ý Tuân muốn nói là Cương « ngán » bà « xã » nhưng tự nghĩ mình cũng không hơn gì Cương, cho nên bật ngang.

Ngay lúc đó một người phát-thơ bấm chuông liên hồi, dứa ở chạy ra-rời trở vô trao cho Cương một cái thơ dày-cộm. Chàng cầm cái thơ lật qua lật lại, còn Tuân chăm-chú nhìn cái thơ, rồi bất-giác kêu lên :

— Thôi chết rồi Cương ơi. Không khéo là thơ của Tuyết, tại nó biết địa-chỉ mấy rồi. Nguy rồi...

AN CƯ

viết Ngày Xuân Đinh Mùi

Nhà xuất bản sinh viên CHỨNG CHỈ MPC, MGP, SPCN

Lần lượt xuất bản :

I. — BÀI TẬP TOÁN (Đại số và Giải tích) của Tétrel.

Tập 1 : Đại số, Giải tích

Tập 2 : Đại số, Giải tích

Tập 3 : Cơ học

II. — BÀI TẬP HÌNH HỌC GIẢI TÍCH của Tétrel.

Tập 1 : Hình học Giải Tích

Tập 2 : Hình học Giải Tích

III. — BÀI TẬP QUANG của Tétrel

IV. — BÀI TẬP NHIỆT của Tétrel

V. — BÀI TẬP ĐIỆN của Tétrel

Và nhiều sách khác của nhiều tác giả nổi danh, thuộc các chứng chỉ tại trường Đại Học Khoa Học.

Sách của nhà xuất bản Sinh Viên bày bán thường xuyên tại :

NHÀ SÁCH NHẬT-QUANG

81, đường Nguyễn Trãi, CHOLON

(gần trường Đại Học Khoa Học và Đại Học Sư Phạm)

Cuồng-đàm

HÀN-LÂM-VIỆN

● của NHỊ CUỒNG

Trong hoàn-cầu, nước nào cũng có Hàn-Lâm-Viện, chỉ một nước Việt là không cần có. Vì vậy, từ 1954 đến nay, vấn-đề thiết-lập Hàn-Lâm-Viện đã hao mực hao giấy bộn-bàn, thế nhưng các chánh-phủ nối-tiếp, (thân thực-dân, độc-tài, cách-mạng, chỉnh-lý, quân-nhân) đều không ai thêm đề ý.

Bọn điên này tức giận, hội nhau lại, mặc dầu chỉ có ba ngoe (Nhứt, Nhị, Tam cuồng) định sáng lập H.L.V. Lập-chơi cho đã nư. Vân-Tiên-Rượu là một nhà nho số dách, xin gia-nhập. Tại này thấy hần tỉnh trí quá, bảo phải chịu khảo-thí rồi mới được vô. Hần chịu.

Chị Nhứt-cuồng ngồi chủ khảo, hỏi :

— Danh-từ-kép lành-mạnh-hóa, nghĩa là gì?

— Lành-mạnh-hóa tức là sửa đời cho tốt cái gì hư-hỏng.

— Bậy, sửa cho lành-mạnh là sửa cái xấu ra đẹp tức là sửa sắc đẹp. Lành-mạnh-hóa nghĩa chánh như thế. Còn rộng ra thì chữ hóa là hàng-hóa. Lành-mạnh-hóa là hàng-hóa thiệt. Danh-từ ấy trùng không?

— Trùng chớ vì nó đã thành ngữ.

— Trật, chữ nôm đem kép với chữ nho mà trùng sao nổi? Còn viên lý là thành ngữ thì sao chữ « mộc-tôn » (con cây) cũng đã thành ngữ mà không có một nhà nho nào dám xài? Chú này chưng là

thạc-sĩ khoa dân-biêu mà dốt như vậy, khó coi quá. Hỏi một câu chót, nếu nói sai thì cho ra ghe, đừng mong vào H.L.V. Thánh-hiền dạy: «Phụ-mẫu tôn bất khả viển du» là ý chỉ vậy?

Vân-Tiên-Rượu ra chiều suy-nghĩ dữ lắm, đáp:

— Lâu nay người ta hiểu lầm chữ «Du» (遊) tức là đi chơi, nên họ nói cha mẹ còn không nên đi chơi xa. Như thế là sai bét, vì ông Khổng hồi Chiến-quốc đi dữ lắm, khi ở Tống, khi ở Vệ, lúc sang Trần, lúc qua Khuông. Ông đi quá trời thì không lẽ dạy người ta đừng du-lịch. Chữ Du (倫) này là ăn trộm. Cha mẹ còn mình đừng đi ăn trộm nơi xa xuôi, họ bắt được họ hoành mềm xương rồi chết ở xứ lạ quê người, cha mẹ không hay biết mà thất hiếu.

— Đúng, khen chú mày, khi nào lập xong H.L.V. điền nghĩa câu đó vào Tân-từ-điển. Chấm chú mày đậu.

Bấy giờ Tam-cường nói:

— Mời bà con nhập đề. Tui xin đừng dùng danh-từ H.L.V. vì sợ người ta sẽ hiểu lầm rằng: một cái biệt-thự lớn, một cơ-sở to ở trong rừng trồng nho. Mình phải lựa tên khác, đề tránh tất cả hiểu-lầm thì cái hội mình mới vinh-cửu.

Nhị-cường xen vào, hân-học:

— Chwa gì chú đã dùng sai chữ. Cái gì vinh-cửu vì vinh-cửu nghĩa là lâu-dài, mà lâu-dài thì tương-đối chứ không tuyệt-đối còn hoài còn mãi. Hội của mình là hội «trường-sanh bất-tử» thì phải dùng hai chữ «trường-tồn» vì sách chi-chi đó chép: Đĩnh tiên thiên can trúc đoạn tuyệt, gia nội vạn tàng thọ trường tồn. Dùng chữ phải có điển-tích hân-hồi chứ nói ngang xương không được.

Rồi đó xúm cái, đập bàn, phun nước miếng, cung tay, bứt tóc, rùm trời rùm đất. Danh-từ: vinh-viễn, vinh-cửu, vinh-tồn, miên-trường, miên-viễn, trường-tồn... đem ra cắt nghĩa, khô cổ mà không ngả ngũ.

Bỗng Tam-cường cười hắc-hắc nói to lên:

— Thôi dẹp, mình bậy cả đám vì cái đó không ăn thua chi với vấn-đề Hàn-Lâm-Viện. Huề cả làng, ghen! Tui đề-nghị: mình

đừng đề Hàn-lâm-Viện, sợ hàng học-giả họ ganh-tị, lại chánh-phủ cũng không wa. Theo ý tui, nên đề «Thánh-Hiền-Viện».

— Không được, nói vậy bọn mình là thánh-hiền, là ông Khổng ông Mạnh sao? Đây rồi hội Không-Học họ xuống đường rần-rần rộ-rộ thì họa tai chẳng nhỏ. Tui muốn đề «Tu-học-Viện».

— Không được, đề Tu-học-Viện thành-thử mình dạy tu sao? Phật-tử họ xuống đường cho mà xem? Sức mấy mà chịu họ nổi?

— Vậy thì cứ đề Hàn-lâm-Viện cho xong.

Thánh-hiền-Viện, Tu-học-Viện, Tu-thơ-Viện, Hàn-mặc-Viện, Hàn-lâm-Viện... mỗi người một ý, cái thôi là cái, còn hơn trong Hội-Đồng-Đô-thành và Quốc-Hội Lập-Hiến nữa.

Nay hội, mai hội, một hội, ngày trôi qua, tháng chảy lại kề gần một năm mới đồng ý đề «Tu-Học-Viện» có nghĩa Viện nghiên-cứu học-thuật.

Nào ngờ tất cả nho-sĩ, nhân-sĩ, học-giả, nhân-viên hội Không-Học họ kéo nhau rần-rộ xuống đường, trương biểu-ngữ đòi chánh-phủ bắt giam mấy tháng diên, viện lý-lẽ hồi xưa nước Việt có Hàn-Lâm-Viện, thì nếu có lập lại phải đề y ba chữ đó, chứ không được sửa.

May cho tụi này quá, may ông chánh-phủ cười hề-hề nói: «Các cha nóng quá, hiến-pháp đã ban-hành, người ta có quyền đặt-đề, huống chi Quốc-hội vừa rồi bỏ ba chữ «Đấng-Tối-Cao» còn không can gì, tại sao lại bắt cái đồ diên?»

Huề!

NHỊ-CUÔNG

NHÓM ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

- lãnh in sách và tác-phẩm
- việc làm kỹ-lưỡng.

SƯƠNG MÙ CUỘC ĐỜI

Truyện ngắn của NGUYỄN-HỮU-TRI

Thăng Cán bước nhanh vào mái hiên ngồi xuống banc. Nó rảo mắt nhìn qua nhà thăng Phùng-Mậu. Đêm nay nó lẻ bọn thăng Phùng-Mậu, thăng Cang, thăng Lạ. Ba thăng Phùng-Mậu làm cai thầu, nhà ở ngoài đầu đường. Từ ngày ba nó bị xe nhà binh Mỹ cán chết, nó bỏ học luôn và mẹ con nó dọn vào ngõ hẻm gần nhà thăng Cán. Phùng-Mậu gầy, lưng tôm. Đôi mắt nhỏ mà lạnh và sáng như đôi mắt chuột. Mũi sệp miệng móm nhưng ăn nói hoạt bát. Đầu hút « cua » thật ngắn gần như hút trọc. Cả bọn hỏi sao mày hút « cua » ngắn quá vậy ? Phùng-Mậu cười nói tụi bay quê quá, hút « cua » thật ngắn đã mát mà cũng là cái thuật, khi người ta rượt nắm chóp thì chóp đầu mà nắm. Phùng-Mậu tên thật là Cường, nhưng nhỏ vóc và lùn lại có nhiều mảnh khóe và đủ kinh quyền giải quyết mọi tình trạng nguy ngập một cách mau lẹ, nên cả bọn thân tặng nó danh hiệu Phùng-Mậu và xem như bậc đàn anh. Nó cười vui nhận lãnh. Lâu ngày tên Cường của nó mất đi thay vì Phùng-Mậu chính thức. Phùng-Mậu xưa có tài độn thổ, Phùng-Mậu nay cũng có tài lặn vào đám đông thì mất dạng. Mặc dù Phùng-Mậu lớn hơn cả bọn một hai tuổi nhưng tính tình rất bình dân và phóng khoáng, nó bảo cả bọn cứ xưng hô với nó mày tao cho thân mật và mỗi khi « chài » được một hai món đồ đáng giá như đồng hồ tay hay bút máy và cho đi xong, nó rủ cả bọn đến nhà hàng cơm và tha hồ đũa nào thích chỉ gọi nấy. Nó hút toàn

thuốc gói Salem và Lucky, khi nào thất nghiệp mới hút thuốc mờ coi. Thăng Cán thọ giáo với Phùng-Mậu ba bốn tháng nay. Phùng-Mậu tận tâm huấn luyện thăng Cán. Phùng-Mậu nói chuyện rất có duyên và có biệt tài xã giao. Nó nói bập bẹ young girl, beautiful girl linh Mỹ thích lắm. Nó đừng nói chuyện gợi tình với linh Mỹ thì thăng Cán cả rà bèn hay sau lưng Mỹ giả vờ thân mật rồi thò tay móc ví. Lúc đầu thăng Cán run tay khi hành động. Sau quen dần nhưng đôi khi linh Mỹ hay rượt nó chạy tam vong mạng. Phùng-Mậu cười nói mày còn non tay ấn, rán hành nghề cho thuần thực. Phùng-Mậu dẫn linh Mỹ về động kiếm huê hồng, nó lãnh tiền cả hai bèn linh Mỹ và chủ chửa. Nó giao thiệp rộng, động cô Ba cô Bảy và bà hai Thọ nó đều thân thuộc. Có lần Phùng-Mậu đứng nói chuyện dẫn gái với linh Mỹ say rượu mặt đỏ gay, thăng Cán « mần » sau lưng, Mỹ hay quay lại rượt, Phùng-Mậu nhanh nhẹn đưa chân chặn gió thăng Mỹ té lặn kênh. Phùng-Mậu lê chân đau buốt chui vào ngõ hẻm. Đôi khi tâm linh chất phác của đũa trẻ đồng quê nổi lên, thăng Cán nói với Phùng-Mậu : Tiền của người ta mà mình giựt vậy, tao nghĩ tội quá. Phùng-Mậu trề môi nói mày lại đạo đức nữa. Nó lãnh lương lớn lắm. Mày tội nghiệp người ta rồi ai tội nghiệp mày. Quần áo cơm gạo hàng bánh có tội nghiệp mày không. Nó xê mày ngọt xót. Rồi vì thiếu giáo dục, lại vật chất lôi cuốn và lời lẽ quyến rũ đàn áp lòng nhân của thăng Cán chìm dần và chết ngọt trong lòng huyết suy tu.

Bỗng Phùng-Mậu hiện đến. Nó ngồi sà bèn thăng Cán. Vệt đen nhà bèn kia chiếu qua, gò má lõ mũi Phùng-Mậu nhô lên thì những chỗ lõm càng trũng xuống và miệng nó càng móm thêm. Thăng Cán mừng hỏi : Phùng-Mậu. Nó trờ trờ hỏi lại :

— Hồi năm giờ chiều, tao kiếm mày không gặp ?

Thăng Cán thở dài.

— Tao mắc rừa chén sau bếp. Thím năm bõ tao thẳng tay. Bả chửi tao là đồ ăn hại, nuôi tốn cơm. Đồ nhà hoang chết chủ. Đủ thứ mày ơi!

Phùng-Mậu vỗ đùi cái chách, tròn mắt chữ o, giọng danh thép :

— Thím năm ăn hiếp mày lắm. Tô mẹ ! mạnh hiếp yếu. Đòi sao mà nó chó vầy. Đắm thêm đi, mày qua ở với tao. Mà tao dễ ợt hề.

Thắng Cân lắc đầu.

— Hồng được, mày. Thím năm khó nhưng chú năm thương tao. Chú diu dắt tao từ dưới nhà quê lên đây bà bốn năm rồi.

Phùng-Mậu cười gằn :

— Diu dắt mày để bắt mày làm mọi hả? Mà thôi, tùy ý mày. Ở, bữa nay sao mày không đi kiếm ăn? Tao vừa bủa một vòng lưới không gặp con mồi nào hết. Đ. mẹ ! Xui quá !

Giọng thắng Cân ngao ngán :

— Hồi nãy tao đi ngang Bar Cầm-Hồng, thấy có gái đứng nói nhõng nhẽo với hai ba lính Mỹ, tao liều mạng sà lại mần liền. Tụi nó thấy la lện. Cảnh sát rượt tao chạy muốn đứt hơi. Tí nữa bị chộp.

Phùng-Mậu cười, an ủi :

— Chuyện làm ăn có khi thắng khi bại. « Thắng bại bình gia là thường sự ». Mày tuổi ngộ con ngựa. Ngựa mày sải giỏi như ngựa trường đua Phú-Thọ.

Thắng Cân cũng bật cười :

— Sải muốn gãy cặp giò.

Phùng-Mậu mỗ đốt tay.

— Tết này tao 17 tuổi ta, 16 tuổi khai sanh. Vài ba năm nữa đi quân dịch. Phải tao học thêm vài năm nữa

thi bằng trung học, đi « cua » ha sĩ. Mày lớn con thủ F.M. số dách.

Thắng Cân chép chép môi.

— Đi pháo binh, thủ đại bác. Mày có thuốc cho điều. Ngày nay tao nhịn thêm.

Phùng-Mậu rút điều thuốc cuối cùng trong bao giấy nhàu nát.

— Hồi chiều tao mua ít điều thuốc mờ coi bỏ bao lấy « le ». Còn một điều tao mày hút chung.

Giọng thắng Cân buồn buồn :

— Mờ coi như tụi mình.

Phùng-Mậu rút diêm đánh xẹt, châm thuốc. Nó hit một hơi dài. Đầu thuốc lóe lửa như con mắt trợn trừng. Nó nghênh mặt tròn môi thở khói. Khói từ hai lỗ mũi vọt ra như cặp vòi rồng phun nước. Nó đưa điều thuốc cho thắng Cân. Cân tiếp nhận rồi hít từng hơi dài. Hai đũa chuyền điều thuốc qua lại hút một cách ngon lành. Phùng-Mậu nhổ nước bọt, rồi ngã lưng vào thành banc, tay gãi đầu, chân gác chữ ngũ, cười còng cộc :

— Đã quá ! Cũa ít chừng nào ngon chừng ấy. Một năm khi no ủa ! một năm khi đói bằng một gói khi no.

Thắng Cân cười hi hi, gật gật đầu tán thành :

— Đã thiệt ! Hồi chiều tao chảy nước miếng hoài, bây giờ sần miệng rồi.

Phùng-Mậu chép miệng.

— Thôi, tao nhường mày đó. Hút cho đã đi. Tết tới rồi mà kiếm bạc hồng ra. Túi khô rang.

Thắng Cân thở ra.

— Khô rang như cua sáng trắng. Ở nhà quê khi người ta tưng tiền thì họ than là khô rang như cua sáng trắng, vì trời sáng trắng thì cua không có gạch. Tụi mình là cua sáng trắng.

Bỗng thím năm gánh đồ đi về đến đầu ngõ. Cặp gióng gánh nhún kẽo kẹt theo đà mỗi bước đi đều đặn của thím. Phùng-Mậu nói thì thảo với thằng Cản :

— Bà chẵn dia đó. Thôi, tao cũng dia.

Phùng-Mậu bước sang hiên nhà bên đi luôn về nhà nó. Thím năm đi vào đặt gánh xuống. Thím móc túi lấy chìa khóa mở cửa, hỏi :

— Đêm nay hồng đi đâu sao ngồi sù sụ như trù chủ đó, Cản ?

Thằng Cản vừa bước đến rùn chân kê vai gánh đồ ra sau bếp vừa nói :

— Có đi... Con dia nãy giờ.

Nghe giọng nói của thằng Cản, thím đã đoán biết. Thím cầu nhậu :

— Đồ ăn hại.

Kể đó chú năm cũng về đập chiếc xích lô thặng vào mái hiên. Chú xuống xe đi vào lột nón máng lên mắc. Thằng Cản sau bếp đi ra. Chú hỏi :

— Bữa nay bán báo khá hông, Cản ?

Thằng Cản liếc thím năm, ấp úng :

— Bữa nay chứa nhứt. Mà hồi trưa... con nhưc đầu.

Giọng chú ôn tồn :

— Nhưc đầu thì nghỉ chờ sao. Bữa nay tao cũng mệt nên cũng nghỉ sớm. Mèn ơi ! bữa nay chứa nhứt hả ? Lo làm quá quên mất ngày tháng.

Thím năm hỏi chú năm.

— Thôi, đi tắm đi, rồi ăn cơm.

Chú cười :

— Hồi 6 giờ chiều gặp thằng Mỹ bảnh quá, đi cuộc xe trả một trăm. Tui ghé tiệm nhậu lai rai chai la ve đá lạnh.

Nghe chiền xào xèo xèo kiến cắn bụng, kêu cơm ăn luôn.

Thím năm lấy cây chổi lông quét bộ ván, cầu nhậu :

— Nhậu nhẹt hoài. Uống tiền.

Chú lại cười giòn :

— Ủa ! uống sao ? Hà tiện quá cũng tội nghiệp cái thân xác. Đừng xài vô lý là được rồi.

Thím năm xằng giọng :

— Hà tiện tội nghiệp cái thân ? Vạy chết đói hồng tội nghiệp cái thân hả ? Nghĩ mà tội nghiệp cho cái thân tàn cư mà. Nhớ tới chùng nào tức ngủ hồng được. Nhà cửa cây trái bỏ hết, lên đây ở cái chòi tùm rùm chật như gài mắt. Đi bán kiếm từ đồng từ cắc. Mần ngày nào ăn ngày đó. Trăm thứ món nào cũng mua, mà món nào cũng mất đặng như thuốc bắc. Vạy mà hồng hà tiện hồng lo sao được.

Chú an ủi :

— Hà tiện thì hà tiện, nhưng cũng nhậu nhẹt chút ít cho vui chớ. Lo thì cũng lo chớ sao không, nhưng lo làm lo ăn thôi chớ tui sức mầy mà lo được việc đề dạc lên giá. Còn nhà cửa vườn tược lỗ bỏ thì bỏ luôn đi, hơi đâu mà tiếc mà rầu cho mệt.

Thím năm hừ cái cóc.

— Tánh mình lòi thoi chết đời, vậy đó. Hồi trước anh Thơm anh Bảo cũng học trường làng như mình vậy chớ gì đâu. Vạy mà hồi chánh phủ ông Diệm, anh Thơm làm đại diện xã oai quyền vợ con sung sướng, anh Bảo mua bán nhảy dù bây giờ giàu có lớn. Còn mình thì hết ruộng đến rẫy rồi tàn cư đập xích lô cực khổ suốt đời, cũng tại cái tánh lòi thoi.

Chạm tự ái người đàn ông, chú năm gắt :

— Người ta lanh lợi chạy chọt giỏi, họ làm ông này ông nọ, họ giàu có sang trọng. Còn tui thiệt thà ít ỏi, làm ruộng làm rẫy đập xích lô vậy đó. Minh chề tui thì kiếm ai giỏi kiếm đi. Thả cửa cho đó. Đi đi !

Thím năm nguyệt mắt.

— O, coi kia ! Nói mà nghe, vậy cũng làm dữ nữa. Kiểm ai ? Kiểm quỷ é !

Chú đảng hăng.

— Nói mà nghe ! Nói mà nghe gì phân bì phân lê chê khen đủ điều. Làm ruộng làm rẫy đập xích lô bỏ bỏ sao, cái nghề có ích cho đời lắm chứ, bỏ bỏ sao. Tuy cái nghề hèn nhưng thanh bạch lắm đạ. Đừng có khi dễ.

Chú bước lại vách rút cái choàng tắm rồi đi ra sau. Tiếng nấp lu khua, loảng xoảng ; rồi tiếng nước xối vung vãi. Thím năm ngồi trên bộ ván, đôi bờ môi mỏng của thím mấp máy như sẵn sàng nhả ra những lời chửi rủa. Thằng Cán đi nhẹ lại lấy nùi giẻ lau chiếc xích lô.



Buổi sáng tiếng súng, tiếng đạn « ó-bit », tiếng bom vang dậy một góc trời. Thằng Cán ngồi dưới hầm núp cạnh nhà, lòng nó run lên từng cơn. Nó lo sợ tía má nó đang làm cỏ sau đồng. Cánh đồng trống không, tía má nó chỉ núp dưới đĩa, dưới vũng, trống không. Súng càng nổ hăng nó càng khiếp đảm, lo lắng. Nó hình dung tía má nó phải vất vả trốn cảnh đạn lạc bom rơi, và tía má nó cũng lo lắng cho thân phận nó. Những người thân yêu nhau lại xa nhau trong giờ phút mà sự chết chóc mong manh như ngọn đèn dầu lé lói trước cơn dông tố. Nó tủi thân, nó khóc. Nó ngồi bẹp xuống đất, rồi lại xồm lên. Nó khóc.

Trận đánh kéo dài cả năm sáu tiếng đồng hồ tiếng súng mới dứt hẳn. Thằng Cán chun lên miệng hầm. Nợ nhện quanh rồi cầm đầu chạy ra đồng.

Cánh đồng bao la. Từ xa rải rác những người đi nhanh hoặc chạy hơi hãi. Thằng Cán dòm dón dác. Nó cất tiếng kêu : Tía ơi ! tía ! Má ơi ! má ! Tiếng kêu của nó dội vào

hư không rồi toang loảng, không một lời đáp lại. Nó hoảng hốt, gọi tiếp, giọng run run : Tía ơi ! tía ! Má ơi ! má ! Im phăng phắc. Nó chạy rên rẹt trên góc rạ. Nó thét lên. Tía má nó chết nằm ở mé nước bờ đĩa. Từ bên kia ranh đất chú năm Sinh chạy đến. Chú nói chú đang làm cỏ và khi tiếng súng nổ chú chun vô trốn trong bông cây gáo ba chồi.

Rồi người ta tụ họp lo việc tổng táng cha mẹ nó. Đêm đó nhà vắng tanh lạnh lẽo. Nó mất cha mất mẹ. Nó khóc. Chú năm Sinh đến ngủ với nó. Nhưng nó buồn bã lo sợ không ngủ được.

Thỉnh thoảng có cuộc chạm súng nhau dữ dội. Người làng tản cư rải rác chỗ này chỗ đó. Chú năm Sinh tản cư lên thủ đô kiếm sống làm ăn. Chú thương tình thằng Cán côi cút, mà vợ chồng chú không con. Chú bảo thằng Cán theo chú và hứa sẽ bảo bọc đời sống nó. Thằng Cán lạy tạ mồ mả cha mẹ lần sau cùng và từ giã quê hương ra đi theo vợ chồng chú năm.

Ngoài việc thằng Cán bán báo hằng ngày, thím năm còn cất đặt cho nó phụ trách nhiều công tác đáng kể : quét thớt làm nem mỗi tối thím năm gánh ra chợ bán nem nướng bánh hỏi, chẻ củi, gánh nước, rửa chén làm công việc không hở tay. Tuy trí óc non nớt nhưng thằng Cán cũng nhận thấy cảnh nuôi bò vắt sữa của thím năm. Mỗi khi nó « mần ăn » khả đưa thím hai ba trăm bạc, thím mừng ra mặt và một tiếng cũng con hai tiếng cũng con rất ngọt ngào. Thím giả vờ không hay biết việc làm bất chánh của nó nhưng mặc nhận hành động nó. Suốt ngày chú năm côi chiếc xích lô ngược xuôi trên khắp con đường phố đô thành, chú đâu hay biết thằng Cán phải đảm nhận quá nhiều vai trò phụ tá và thụ huấn nghề mới với Phùng-Mậu.

Thằng Cán đã ý thức đời sống đưa trẻ mồ côi phải cam chịu nỗi cơ cực lưu đày ngoài thêm hạnh phúc, mất tình thương và mất cả ý nghĩa cuộc đời. Nó khao khát tình thương như con suối nhớ nguồn. Nó ao ước tình

thương như dòng thác ào ào tuôn đổ xuống người nó. Tuổi mát nó. Tắm gội nó. Nhưng đã mất rồi. Nó gào nó thét nó khóc nó la, không một lời đáp lại. Đã mất rồi không bao giờ kiếm được. Một tiếng kêu cha hai tiếng gọi mẹ chỉ là trong tiếng nấc nghẹn ngào, trong giấc mơ thế giới siêu hình lạnh lẽo, trong bóng tối chập chờn buồn thảm tang ma. Giữa cuộc đời thật rộng thật sáng và đông đúc loài người nhưng đứa trẻ mồ côi cảm thấy chật hẹp, mập mờ và cô đơn. Chật hẹp như con chim non lúng túng trong lồng hàng hàng lối lối không có đường đi chẳng có lối về, cổ vươn mình với bản năng độc lập tự tồn. Mập mờ như ánh lửa mà trời nhuộm nhòe quái đản, kiếp sống hăm hiu sương mù giăng mắc, những bắt đầu khởi điểm những chấm dứt chực chờ. Tất cả đều rầm rộ tiến trên dòng đời nhưng mỗi người sẽ tạt vào mỗi con đường khác nhau, mỗi ngõ ngách khác nhau và mỗi tâm tưởng khác nhau. Người ta với con đường sáng lạng, với giàu sang uy quyền, với tình thương ấp ủ. Nó với ngõ ngách ổ gà, với cô đơn thê thảm. Cô đơn như một lữ hành lạc lõng vào khu rừng cây cối um tùm cỏ dây chằng chịt, đầy sự dọa nạt của hoang sơ tẻ lạnh của mãnh thú độc xà, tiếng kêu cứu chỉ là một âm thanh vô nghĩa trước sự lãnh đạm của rừng cây mãi mê vui đùa với gió với trăng với trời xanh mây trắng. Nghĩ mà buồn. Càng nghĩ nước mắt càng rung chảy. Một nỗi buồn âm ỉ bao vây tâm hồn thảng qua năm lại triền miên. Nước mắt rơi rớt ngày đêm chẳng hạn do vô tình gây nên hay vô cố thụ nhận oan tình. Định mệnh! Định mệnh là một danh từ trừu tượng an ủi và xoa dịu tâm hồn uất hận khổ đau. Sự gây nên là một chứng tích cụ thể đương nhiên.

Thằng Cản nhớ cha nhớ mẹ nhớ làng quê. Cha nó thân hình cân đối, từng bắp thịt no tròn, rắn chắc. Tuy da rám nắng và tay lấm chân bùn nhưng có một tâm hồn trong sạch và chân thành, trắng đen minh bạch, cân ngang đong đầy. Mẹ nó là người đàn bà hiền lành và hồn nhiên, chiều

chuộng nề nang chồng theo câu xuất giá tòng phu. Cất tiếng tu oa, từng dòng sữa ngọt thẳng Cản đã gọi nhuần biết bao ân đức của người cha gương mẫu của người mẹ hiền. Lúc đi chập chững nó chạy chơi vấp té, mẹ hơ hãi chạy đỡ nó lên tay xoa xoa chỗ đau tạt lưởi, hit hà. Khi nó bệnh, cha bần khoản lo lắng, mẹ hiện về hãi hùng luôn luôn túc trực bên giường. Mẹ săn sóc từ thức ăn và đắp diêm khi nó ngủ. Nó nũng nịu được mẹ nuông chiều. Nó có việc buồn phiền, mẹ an ủi vỗ về. Cha mẹ rất mực thương yêu nó và thường nói chúng mình chỉ có một thằng Cản ví như cây một trái. Cây một trái nhưng trái lại sớm lìa cành trong khi còn măng sữa lăn lóc trên mảnh đất gồ ghề và đầy chông gai chịu đập bầm héo úa.

Chợ làng nằm trên bờ sông Cửu long thơ mộng. Ngôi đình hùng vĩ. Ngôi chùa cổ kính trang nghiêm dưới lùm cây cổ thụ. Con đường làng nghiêng khe mà thẳng Cản thường cắp sách đến trường những ngày tháng cũ. Cái quán chú Sáu bên đường hằng ngày vang ra những tiếng « nhằm xà xực dính ». Hàng dừa ven sông hàng cau quanh nhà lũy tre sau vườn lá lướt khi đông bão hoặc ử dột qua những ngày mùa đông giá buốt hay đứng im nhớ gió lúc mùa hè nóng bức. Cây cau tượng trưng tình quê hương mà cũng là một thiên tình sử thời xa xưa : Sự tích trâu cau, hai anh em giống nhau mà thằng Cản đã đọc nghe nga. Con rạch nhỏ bên nhà. Hàng cây san sát ven bờ rủ bóng dòng sông. Xuồng ghe lui tới dập diu. Cánh đồng bao la ngập đầy bóng lúa vàng thơm phức. Giọng hò đối đáp véo von của bọn thợ gặt. Tiếng trâu rống gọi đoàn. Tiếng mục đồng ca hát nghêu ngao. Những cô thôn nữ duyên dáng tay bưng cơm tay xách nước cho công cày công cấy. Thằng Cản thường bắt dế dưới luống cày bần chim trên cành gáo. Giờ đây những khuôn mặt quen thuộc có còn hay đã chết dần theo năm tháng lần qua. Những âm thanh những hàng cây những con đường mòn ngõ ngách còn giữ nguyên vẹn hay đã đổi thay qua thời chiến tranh tàn phá. Càng nhớ quê hương

lòng thẳng Cán càng ngậm ngùi. Hình ảnh cha mẹ và tình quê hương vẫn lớn vồn trước mắt và in sâu nơi tiềm thức nó. Cha mẹ là đấng sinh thành công ơn như trời cao bề rộng và quê hương là nơi chôn nhau cắt rún ghi những kỷ niệm vui buồn thời thơ ấu : nơi quê hương là đẹp hơn cả.



Bữa nay là 29 Tết. Mới 5 giờ sáng người ta đã họp chợ đông đúc tấp nập. Khói từ các quán cà phê và các hàng rong ở lề đường tỏa cao cuộn tròn lẫn lộn. Trong chợ đủ loại đèn ống, đèn ngọn rục lên một vùng ánh sáng. Những sạp vải, hàng trái cây, bánh mứt trưng bày sức mùi tết. Tiếng cười nói lẫn tiếng cãi vã ồn lên ngậy xị. Người ta mua sắm thức ăn chuẩn bị ba ngày xuân nhứt. Thăng Cán nhớ mỗi độ xuân về tia nó chưng trên bàn thờ cam quýt trà bánh. Dân liền đối theo từng cột nhà. Trịnh trọng làm lễ giao thừa nguyện cầu sang năm mới gặp nhiều may mắn. Mả nó gói bánh tét bánh ít, quét dọn nhà cửa sạch sẽ. Nó hãnh diện trong bộ đồ vải bông. Hiệp đoàn với lũ trẻ đốt pháo múa lân. Tất cả mọi người đều mặc đồ mới, thưởng thức món ngon, uống thật say để bù đắp một năm qua mệt nhọc.

Theo tục lệ người ta làm lễ giỗ chạp kỷ niệm ngày chết của ông bà cha mẹ và sắp đến ngày xuân nhứt giã y mồ mả làm lễ cúng nghinh cúng kiến linh đình. Nếu người chết không kẻ thừa tự thì gọi là xiêu mồ lạc mả và vong linh phải chịu đói khát. Mấy năm qua Thăng Cán không giã y mồ mả cha mẹ không cúng một bữa cơm không đốt một cây nhang. Cha mẹ nó phải chịu cảnh mồ hoang cỏ lóng và cơn đói khát hoành hành. Nó cảm thấy lòng đau đôn, xót xa.

Đêm hôm cả bọn Thăng Cán vận động ráo riết. Chúng gặp hai lính Mỹ, có một thằng nói tiếng Việt khá thạo. Phùng-Mậu đem tài hùng biện thuyết phục lính Mỹ. Nó giới thiệu gái trẻ đẹp, duyên dáng. Tinh tiền huê hồng

đặc biệt hơn ngày thường, sắp tết nhứt cái gì cũng lên giá, xài tiền gấp bốn gấp năm. Thăng Cán, Thăng Cang, Thăng Lạ cũng chen vào giải thích healthy girl, number-one và môn trốn lính Mỹ tỏ vẻ thân mật. Lính Mỹ cười gật đầu thông cảm. Phùng-Mậu dẫn đến động cô Ba. Hai lính Mỹ xem mắt hai cô gái thích ý lắm, một thằng đưa Phùng-Mậu hai trăm thằng kia đưa Thăng Cán một trăm. Thăng Cang chê thằng Mỹ kẹo quá, theo kèo nài riết nó đưa thêm một trăm. Cô Ba lối hai mươi lăm hai mươi bảy tuổi. Dáng cô cân đối, tha thướt và có một sắc đẹp liêu trai. Nghe đầu trước kia cô có chồng công chức. Cô chê lương xài không đủ. Cô ly dị chồng rồi làm chủ chứa. Cô bồ với một Mỹ già. Thăng Lạ càu nhàu : Cô Ba đẹp quá sao lại chịu bồ với thằng Mỹ già chát, chướng mắt quá. Phùng-Mậu khoa tay : Tiền tiền tiền. Một đàng cần tiền một đàng cần đẹp. Họ mua bán nhau, có gì lạ. Cô Ba vui tính và rộng rãi. Cô thích Phùng-Mậu nói chuyện có duyên và cả bọn, vì chúng là nhân viên đặc lực của cô. Cô cười vui vẻ đưa 4 trăm thưởng đặc biệt tiền tết, mỗi đứa một trăm xài chơi. Mấy em nghèo. Thăng Cang mừng nói cô Ba thông cảm quá. Ngày thường đưa nào dẫn hai lính Mỹ này cô Ba cho cao lắm là một trăm. Phùng-Mậu cười nói đặc biệt mà, đầu phải hoài vậy. Thăng Cán đề nghị tất cả số tiền kiếm được hôm nay để quỹ chung làm bữa tiệc tất niên trước cúng sau chén một bữa cho thật say. Phùng-Mậu chấp thuận và cả bọn tán thành. Vị trí bữa tiệc đặt tại nhà Phùng-Mậu. Thăng Lạ đảm nhận trưởng ban tổ chức. Chương trình dự tiệc đúng 8 giờ đêm ba mươi. Thực đơn ghi 8 chai 33. Một con gà quay, bánh mì và đồ lègume. Trà, bánh ngọt, 2 gói Salem.

Trời đứng gió, nhưng hơi lạnh ấp ủ đêm cuối đông. Người ta mặc áo ngự hàn đủ loại. Thăng Cán cảm thấy thỉnh thoảng trên làn da của nó sần sùi như da cá đuối. Quanh năm nó chỉ mặc chiếc áo sơ-mi cụt tay và quần đùi. Khi nó cởi trần, trên làn da râm nắng những đường ranh

giới được phân tách một cách cẩn thận rõ ràng. Nó ôm xấp báo. Tiếng của nó chen vào tiếng chợ đông người.

— Báo đây. Nhật báo Sống, Dân tiến đây. Có nhiều tin tức quan trọng. Báo đây. Thầy, cô.

Thằng Cân đi qua vòng chợ rồi đi thẳng lên bến xe đò. Nó vẫn rao đều đều. Nó đi lại dẫy xe về Hậu-giang. Nó rao và mời mọc. Bỗng nó thấy dưới ánh đèn nê-ông cạnh bàn người bán vé xe, một người đàn ông trạc 50 tuổi. Tóc hoa râm quá kỳ chưa hớt, râu mép lưa thưa. Mặc đồ bà ba trắng đã ngả sang màu vàng. Tay xách chiếc cặp sòn da. Thằng Cân nhìn khuôn mặt người ấy quen thuộc, nhưng nhớ hoài không nhận diện được. Nó cố đào sâu trí óc tìm xuất xứ người ấy. Nó nghĩ người giống người, có lẽ nào mới ba bốn năm lại thay đổi dáng dấp đến thế. Nó toan quay đi nhưng như có ma lực kèm hãm lại. Nó đi quanh qua phía sáng nhìn người ấy, nhưng liền xoay mặt vì sợ mất cách lịch sự. Nó trầm ngâm... à đích thực rồi, nốt ruồi ở giữa gò má phía tả. Nó mạnh dạn tiến đến trước mặt người ấy, nhưng lại rụt rè, lễ phép :

— Dạ, xin lỗi... ông. Phải ông là bác sáu... ở làng Định-An không ?

Người ấy tỏ vẻ nghi ngờ nheo mắt nhìn chăm chú khắp người nó đến cử chỉ nó. Rồi cũng ngạc nhiên, hỏi :

— Châu ở đâu ? Bác thấy như có quen.

Thằng Cân quả quyết, mừng ra mặt, reo lên :

— Bác sáu ! Châu là thằng Cân con chín Bia, nhà ở gần rạch Vọp đó.

Bác sáu cũng mừng rỡ, cười :

— Mèn ơi ! Mới mấy năm mà cháu mau lớn quá. Coi lạ !

Thằng Cân mừng quá bước lại nắm tay bác sáu.

— Bác bây giờ cũng khác hồi trước nhiều, cháu nhìn hoài. Bác đi làm gì trên này ?

— Bác chở dưa hầu lên bán, hết rồi. Bữa nay đi địa.

— Lờì khá hông, bác ?

— Khá, nhưng sở phí nặng quá cũng hông còn bao nhiêu.

— Sáu Linh là người cùng xóm với thằng Cân, cách nhà nó lối 200m. Trước cửa nhà bác có cây mận da người ngọt dịu. Mỗi bữa đi học thằng Cân ghé lượm mận. Bác sáu vui tính và thương trẻ con. Bác bẻ mận phân phát cho nó và mấy đứa học trò. Bác sáu cỡ tuổi tía thằng Cân, năm nay lối bốn mốt bốn hai. Dáng người bác mập mạp. Mỗi buổi sáng đi chợ bác mặc sơ-mi quần tergal, đầu chải láng mượt đen huyền. Mấy năm qua người bác thay đổi không thể tưởng tượng, có lẽ quá lo âu thời cuộc và tảo tần lễ sống.

Bác sáu xoa đầu thằng Cân, chép miệng :

— Tội nghiệp ! mồ côi mồ cút, thất lạc như vậy. Vợ chồng năm Sính làm ăn khá hông, cháu ?

Giọng thằng Cân buồn rười rượi :

— Dạ, cũng đủ ăn, bác. Dưới làng mình bình yên hả, bác sáu ?

Bác sáu chép miệng.

— Không bình yên cháu ơi ? Từ ngày cháu theo vợ chồng năm Sính đi rồi thì lộn xộn tới hoài, hai bên đụng nhau thường thường. Cái nền nhà của tía má cháu bây giờ thành hầm thành hố rồi, có nhiều chỗ cũng vậy đó. Anh em trong làng tản cư bộn. Bác cũng ra ở ngoài chợ xã. Lâu lâu địa thăm vườn tược.

Cặp mắt thằng Cân đỏ hoe, nói như tự than, giọng hệt bạo :

— Hồng biết mồ mả tía má cháu có sao không ? Tết không ai giảy cỏ !

Bác sáu cảm động lòng hiếu thảo của thằng Cân. Và bác nhận thấy nó nói năng khôn ngoan theo lứa trẻ thị thành.

— Mồ mả thì hồng sao. Cháu khỏi lo. Tết năm nào ông từ Kiên cũng xách chét đi rảo sau mé vườn, coi cái má nào không chủ giấy cỏ thì ông giấy giùm làm phước.

Bỗng tiếng còi xe vang lên. Anh lơ cất giọng oang oang :

— Mời bà con lên xe. Sắp chạy.

Bác sáu lật đặt móc túi lấy tiền đưa cho thằng Cán.

— Đây, bác cho cháu một trăm. Cháu lấy ăn bánh chơi.

Thằng Cán vô cùng xúc động. Nó đỡ tay bác sáu.

— Dạ cảm ơn bác. Cháu có tiền xài.

Bác sáu gạt tay thằng Cán giữ tiền vào túi áo sơ-mi nó.

— Cháu lấy xài chơi. Bác thiệt tình. Cháu hồng lấy, bác giận da. Thôi, bác lên xe. Nó gần chạy rồi.

Bác sáu đi lại bước lên xe tìm chỗ ngồi. Thằng Cán theo sau. Nó kiễng chân dòm trong xe. Nó cảm thấy lòng lưu luyến bác sáu. Ngoài tình cố quận, bác sáu còn thể hiện khung cảnh quê hương và hình ảnh cha mẹ nó. Mà bác sáu cũng bị rịn thằng Cán. Bác thò đầu ra cửa, giọng cảm động :

— Lâu quá mới gặp cháu, vậy mà gặp rút không hỏi thăm được nhiều. Bác gởi lời thăm vợ chồng năm Sinh nghen. Tết rảnh vợ chồng năm Sinh và cháu đi dưới chơi. Thăm xứ sở mà.

— Dạ cháu nhớ mồ mả tia má cháu lắm ! Nhưng chú năm thím năm cho đi cháu mới đi được. Tết năm ngoài chú năm tính đi dưới thăm bà con. Thím năm nói dưới lộn xộn lắm đi làm gì. Chú thím bàn tới bàn lui rồi thôi.

Nãy giờ anh tài xế đứng nói chuyện với cô gái cạnh đầu xe. Anh lật tay xem đồng hồ, giọng hấp tấp :

— Ô ! đúng giờ rồi. Thôi, đi nghen bồ !

Anh quay mình bước lên xe ngồi xuống fauteuil đóng cửa cái rầm. Cô gái nheo mắt nhìn anh tài xế cười :

— Coi chừng bữa nay nằm đường nhen ! Hôm qua xe Lộc-Thành kẹt mô đến 4 giờ chiều mới về tới đó a.

Anh tài xế cười :

— Kẹt thi ngồi nghỉ. Xe ủi đất đến dọn đường thì mình đi. Chớ có gì đâu. Ở nhà mà kẹt máy cày U.S.A mới đáng lo chớ.

Cô gái nguyệt mắt.

— Quỷ nà ! Nói tầm bậy.

Anh tài xế nói nhanh :

— Tầm phải tầm phải !

Anh ngoảnh ra sau, hỏi :

— Xong chưa ?

Anh lơ la lớn :

— Rồi, chạy.

Anh liếc cô gái cười rồi đặt tay lên vô lăng, chân đạp ga, tay vô số. Tiếng máy rền khừ khừ. Thùng xe rung rung theo tiếng máy nổ đều đều như bệnh nhân lên cơn sốt. Hai đèn pha bật sáng chiếu trên mặt đường. Bác sáu nhìn thằng Cán với đôi mắt buồn.

— Thôi, bác đi nghen Cán !

Giọng thằng Cán dứt quãng :

— Dạ ! Bác đi... mạnh giỏi.

Tiếng máy nổ to lên. Chiếc xe bò dần ra khỏi bến và từ từ lao mình trên con đường nhựa, rồi khuất hẳn mình qua khúc quanh. Thằng Cán cố vận dụng nhãn quang nhìn theo chiếc xe mà lòng bùi ngùi. Nó thở ra. Thôi, đã mất nữa rồi. Hình ảnh cha mẹ nó và khung cảnh quê hương bác sáu đã mang theo mất rồi. Mấy năm qua nó không gặp được người thân quen, giờ đây may mắn lại gặp, nhưng chỉ trong thoáng chốc như giấc mơ, như kẻ khao khát kêu gào giữa sa mạc mà chỉ ban cho một giọt nước có thấm tháp vào đầu. May mắn và tình thương đến với

nó sao gấp rút và đơn giản thế. Thăng Cân thò tay vào túi mân mê tờ giấy bạc một trăm.Ồ ! tình thương còn đây. Bạc sáu đã đi nhưng còn lưu lại kỷ niệm tình thương. Tuy số bạc không phải là nhiều nhưng tượng trưng một tình thương, một tình thương cảm lặng không tiếng không lời nhưng rất đậm đà tha thiết mà mấy năm qua nó không kiếm được. Thăng Cân lê bước đi. Thỉnh thoảng nó sờ túi áo rồi nấn nấn tờ giấy bạc. Nó cảm nghĩ nó đã có một món quý giá trong mình. Nó sẽ hy sinh bảo vệ khi kẻ nào xâm phạm đến món vật ấy. Nó hãnh diện đã có được niềm thương và niềm vui mà nó vừa kiếm được. Thăng Cân cảm thấy cuộc đời nó vừa được có chút ánh sáng soi vào cũng như ánh bình minh vừa ló dạng. Nó cất cao giọng :

— Báo đây. Nhật báo Sống, Chính luận đây.



Đúng 8 giờ đêm ba mươi, cả bọn họp nhau. Thăng Cân làm trưởng ban nghi lễ. Nó sắp đặt các thức ăn trên chiếc bàn tròn, rồi đốt hai cây đèn cầy gắn trước đầu ghế và rót rượu. Thăng Cân đề nghị Phùng-Mậu lớn hơn cả bọn vậy hãy đứng ra đốt nhang vái lạy trước anh em. Phùng-Mậu cự nự.

— Thôi mày ơi ! Dọn cúng đó thì mấy ông mấy bà ăn uống chờ vái van lạy lục nổi gì.

Thăng Cang cũng phản đối thăng Cân :

— Lúc tía má mày còn sống, mày kêu ông bà ăn cơm thôi chứ mày có vái lạy không mà bây giờ mắc lạy.

Thăng Cân tỏ ra bất mãn.

— Tao thấy hễ cúng người chết thì ai cũng lạy hết ế, tía má tao cũng lạy nữa. Họ nói vái lạy là kính trọng người khuất mặt. Mà thôi, tội bay hồng chịu thì mình tao vái lạy.

Phùng-Mậu cười :

— Nói vậy chớ thôi. Mày làm sao thì tao cũng làm vậy. Bờ bịch mà !

Thăng Cân đốt nhang kính cẩn lâm râm khẩn khẩn, rồi lạy bốn lạy — Nó làm theo tía nó lúc sanh tiền làm lễ cúng — Nó nguyện cầu vong linh tía má nó về ăn uống chứng minh lòng thành kính của nó. Hai ngọn đèn cầy lung linh theo chiều gió, lễ cúng càng tăng phần trang nghiêm. Thăng Cân tưởng tượng tía má nó đang ngồi ăn uống như lúc sanh tiền. Nó tủi lòng, sụt mũi. Rồi đến Phùng-Mậu, thăng Cang, thăng Lạ lần lượt làm lễ.

Lễ cúng xong. Cả bọn ngồi vào bàn. Phùng-Mậu phân phối bốn đĩa mỗi đĩa 2 chai 33 phải thanh toán cho xong. Thăng Cân thăng Lạ đồng ý uống say nhưng tửu lượng kém sợ tiêu thụ 2 chai không hết. Phùng-Mậu bảo thì tội bay cứ uống thật say còn bao nhiêu tao bao chót. Nó nâng ly, tuyên bố :

— Bữa nay là ba mươi tết, vậy chúng ta chén một bữa thật say cho vui.

Cả bọn tán thành đồng nâng ly cùng vào nhau cái cắc, rồi kê môi nốc một hơi dài. Thăng Cân rót ly đầy mời Phùng-Mậu.

— Mày uống miếng. Tao chúc mày qua năm mới gặp cái may.

Thăng Cang cười giòn.

— Gặp cái may để khỏi chạy. Có một lần bị tội nó rượt nà, tao chạy muốn xuất hồn.

Thăng Lạ khoa tay.

— Kệ cha ! Chạy cho quen sau này có cuộc thì chạy đua mình chạy hạng nhứt chớ gì.

Cả bọn cười ồn lên.

— Hay ! Hay !

Phùng-Mậu cười khi khi nâng ly nốc trót. Thăng Càng rót thêm đầy ly mời thăng Càng và chúc tụng. Rồi mời thăng Lạ và chúc tụng. Đến lượt Phùng-Mậu cũng rót ly đầy mời các bạn và cầu chúc. Chúng thay nhau mời và cầu chúc.

— Đ. mẹ. Con gà quay có lớn gì đâu, vậy mà nó tính 350\$. Tính ra cái xương đùi này lối trên mười đồng. Mất như vàng!

Thăng Lạ dăng háng.

— Xẻ tới xương mà! Tiệm của bà năm Thạnh-Lợi đó a.

Bình sanh Phùng-Mậu chỉ phục năm Bo là tay anh chị «bự» và xem như bậc sư trưởng. Nó bắt chước từ hành động đến lời lẽ của hắn. Nó nói một cách trịnh trọng như bậc đàn anh, giọng kéo dài vì đã thấm hơi men:

— Nhân danh là thăng bạn... của tụi bay. Tao xin nhắc lại. Mặc... kệ! Bà năm bắc sáu chú ba xẻ mình... thì xẻ, mình với nhau mà, nhứt là những người... nghèo như tụi mình, chúng ta không nên đá động đến. Có phải vậy không... các người anh em?

Cả bọn đồng thanh.

— Đúng! Đúng!

Rồi đồng nâng ly nốc trót. Phùng-Mậu xé bao thuốc rút một điếu, đánh diêm, châm lửa. Nó hít hơi dài rồi trề môi thổi phi, ngả lưng vào thành ghế, rung đùi, mắt lim dim nhìn khói thuốc. Nó hạ thấp giọng:

— Hút. Anh em hút lót cho sẵn miệng. Nhậu... lai rai mà!

Mỗi đũa đều rút một điếu dốt, hút phi phả. Khói thuốc bay chập chờn tỏa ra mùi thơm. Thăng Càng quơ tay qua bên, ngón trở nhịp trên mình điếu thuốc. Tàn thuốc rơi lả lả. Nó cười khề khề:

— Bia 33 hậu... ngon ngọt!

Thăng Lạ chồm mình tới, nhướng đôi mi trĩu nặng nhìn thăng Càng.

— Ngọt thì... tao mày cung ly!

— Cung!

Thăng Càng thăng Lạ cầm chai sắp rót. Phùng-Mậu đưa tay cản lại.

— Khoan, để tao rót công binh.

Phùng-Mậu cầm chai rót hai ly, rồi ngắm nghía, nói:

— Đò. Hai ly bằng nhau đò. Uống đi.

Thăng Càng thăng Lạ đồng nâng ly cung vào nhau cái cắc, rồi kề môi nghênh cổ nốc ực ực... ực khề. Hai đũa đặt ly xuống, ngả lưng vào thành ghế, mắt lim dim, đầu lắc lư.

Thăng Càng thở khi.

— Quá... rồi! Khảm lắm, chỗ hồng nổi nữa.

Thăng Càng cười khề khề:

— Hậu... ngon ngọt mà!

Thăng Càng nhướng mắt nhìn thăng Càng.

— Đứng ngạo... mầy. Coi chừng! Mầy ngã trước da!

— Nói chơi... cho vui mà. Ngạo đâu. Tao còn khảm... hơn mầy nữa.

Thăng Lạ lắc đầu.

— Một chai vừa, thêm nữa ngã da. Mắt tao chấp chóa rồi.

Phùng-Mậu nói, giọng trầm trầm:

— Bia mà say sưa nổi gì. Nó chạy sần sần vậy chớ có sao đâu. Cự nhậu cho vui mà.

Thăng Lạ nhắc lại:

— Phùng-Mậu hứa bao chót mà?

Phùng-Mậu cười nhếch môi.

— Khỏi nhắc. Tao hứa thi nhớ lời. Một lời hứa đầu chết bỏ không quên. Nhưng tội bây phải nhận cho đã đi. Tội bây bằng lòng chớ ?

Cả bọn tán thành.

— Đồng ý !

Tiếng đũa muông khua lách cách ; tiếng nhai xương răng rắc ; tiếng cười nói khi thì thào lúc ồn lên. Chúng ăn, uống rồi hút. Chúng uống cho tan đi hương vị đắng cay và ấm lại cõi lòng trống trải cô đơn, uống cho đến khi cốc vỡ rượu tàn. Phùng-Mậu gật gù tỏ vẻ thích ý. Những kẻ sang trọng thiết bữa tiệc linh đình hoan hỉ và khoái khẩu theo sang trọng. Những người nghèo khó thiết bữa tiệc đạm bạc vui vẻ và ngon miệng theo nghèo khó. Mỗi người đều có cái vui riêng và cái buồn riêng. Mỗi người đều có hoàn cảnh riêng và tâm trạng riêng. Cả cái nghề nghiệp cũng thế, kẻ lao tâm người lao lực, thanh cao và hạ tiện. Cái nghề hạ tiện đôi khi có kẻ hành nghề hạ tiện đến thấp hèn trắng trợn. Cái nghề thanh cao đôi khi có người lại hành nghề một cách hạ tiện đến hạ tiện nhưng áp dụng phương thức ném đá giấu tay và được che đậy bằng danh từ quý phái và đài các.

Bỗng thẳng Cán nói nhura nhưa, giọng khịt mũi :

— Tía ơi ! Má ơi ! Con nhớ tía... má lắm. Chỉ có... xứ sở mình... là vui hơn hết.

Mặt thẳng Cán đỏ gay, nước mắt rướm chảy. Cả bọn nhìn sững thẳng Cán mà cõi lòng xúc động. Chúng cảm thấy thương thẳng Cán như thương cho chính bản thân mình là kẻ đồng cảnh, đồng thuyền và đồng trong cuộc sống.

Bên ngoài tiếng pháo mừng xuân của mọi người nổ râm râm khắp đó đây.

NGUYỄN-HỮU-TRI

HÁT BỘI

Biên-khảo của Thôn-văn NGUYỄN-VĂN-QUÍ

(Tiếp theo)

BẠCH-XƯƠNG

BẠCH — Bạch là bày tỏ, nói ra cái hay, cái giỏi, tài-ba, chí-khí của mình.

Các vai võ-trưởng và đào-võ thường bạch rồi mới nói lời xưng tên.

VĂN-CHƯƠNG — Thề-văn dùng trong điệu bạch, có thể :

a) Hai câu thi bảy chữ không đối :

Lưu-Bị (Tam-quốc) bạch :

Tam phân đánh túc liệt can qua,
Cái thế công-danh độc ngã kỳ.

b) Hai câu thi bảy chữ có đối :

Quan-công bạch :

Vạn cổ trung can huyền nhật nguyệt
Nhứt xan nghĩa khí quán can khôn.

Trương-Phi bạch :

Thình nhược cự lời khu hồ báo
Oai như điền xiết tầu long xà.

c) Hai câu thi bảy chữ (đối hay không đối) và tiếp theo hai vế đối nhiều chữ :

Thánh-Thiên công-chúa (tuồng Trưng-nữ-Vương) bạch :

Oai vang thiên-nữ gái anh-hùng,
Chẳng sút nam-nhi chí bá tưng.

Chiếm quận Ký-Ngôi, Bắc-ngụy nghe danh hàng điệp-diệp,
Tuốt gươm Can-Mạc, địch-quân đua sức thác trùng-trùng.

d) Một bài thi tứ-tuyệt :

Châu-Du (Tam-Quốc)

Hoành-hành tứ hải chiếm Trung-đô,
Danh quán anh-hùng thế thượng vô,
Đồng quá long-môn oai lẫm-lẫm,
Thân phi thiết-giáp sáng cơ-đồ.

Bạch có kèn đưa hơi, phụ thanh cho giọng hát, tăng thêm tài võ-dũng, nét oai-hùng của vai tuồng. Tướng cánh bạch tại dưới trường, tướng soái (như Châu-Du) đứng trên.



PHÂN NHỊP tùy thể văn :

a) Nếu là hai câu thi bảy chữ, thì trong hai câu, nhịp ở chữ thứ hai, thứ 4, thứ 5, nghĩa là ngừng tại đó một chút :

Tam phân... đánh túc... liệt... can qua
Cái thể... công-danh... độc... ngã ư ư ư kỳ

Đề ý.— Trong câu nhì, kéo dài chữ thứ sáu để hạ giọng ở chữ thứ bảy và dứt bạch.

b) Nếu là hai câu thi bảy chữ và hai câu đối 11 chữ :

Hai câu thi.— Phân nhịp như trên.

Hai câu đối.— Đề nhịp tư ở tám chữ đầu, còn ba chữ chót y như trong lối thi.

Oai vang... thiên-nữ... gái... anh-hùng
Chẳng sút... nam-nhi... chí... bá ư ư ư tưng

Chiếm quận Ký-Ngôi... Bắc-ngụy nghe danh... hàng...
điệp điệp

Tuốt gươm Can-Mạc... địch-quân đua sức... thác... trùng
ư ư ư trùng

c) Nếu là một bài thi tứ-tuyệt, thì phân nhịp y như lối bạch hai câu thi :

Hoành-hành... tứ hải... chiếm... trung đô
Danh quán... anh-hùng... thế-thượng ư ư ư vô
Đồng quá... long-môn... oai... lẫm lẫm
Thân phi... thiết giáp... sáng... cơ ư ư ư đồ

Đề ý.— Trong điệu bạch, nơi câu chót, sau chữ 2 và chữ 4, trong buồng hiệu lên, cho thêm phần oai-dũng.



VAI BÀI BẠCH

Châu-Xương bạch (tuồng Thủ Cỗ-thành)

Lãnh ngoại tung hoành nhứt phú ca,
Triều khan mê lọc dữ yên hà
Nhứt hồ chước bãi thiên san khứ,
Bát hương tranh lai cá hồ trừ.

Lữ-Bổ (tuồng Phụng-nghi-Đình)

Thiên phú ngô hề địa tái ngô
Vũ trụ ngang tàng nhứt trượng-phu
Tam-quốc anh-hùng thù cảm địch ?
Phụng-Tiên thanh-thế cồ kim vô.

Đào Kỳ-lan-ANH (tuồng Hộ-sanh-đàn)

Nhàn lai phong nguyệt cộng vô biên,
Nhứt động đào hoa biệt hữu thiên.
Vị vấn kỹ sanh tu đắc đảo ?
La thường thúy tụ nhứt phiến thiên.

Hấp-Man (tuồng Định-Thanh ly Thợn)

Nhứt phương cự trấn lẫm Phiên-trào
Hấn tức binh đao tráng ngã bang.

Thanh thể bào-hao tái ngoại, quốc trung giai khủng khiếp
Oai phong lâm-liệt, sơn nam, lãnh bắc tông kinh hoàng.

Tân-Kỳ (tuồng Quá quan trăm tướng)

Tự xưng khí khái trấn quan trung,
Tứ hải văn danh độc ngã hùng.

Thiết mã lai thời tấn thối từng tâm lồi điền xiết,
Thần thương hướng xứ chỉ huy như ý vụ vân xông.



XƯỚNG = Chữ Xướng () nghĩa là cất tiếng, hô lên,
hát lên (Ca xướng).

Kể sĩ nhân lạc làm thi chơi gọi là xướng thi, cho tao-nhân
mặc-khách họa làm vui. Người nhân-lạc kể như một vị tiên
nhỏ-nhỏ.

Nhân lạc mới xướng rồi ngâm, cho nên trong điệu hát-
bội, bài xướng để cho các vị tiên, thánh, thần, hay học-trò
tiên, nói lên cái thú thanh-nhàn của mình.

Điệu xướng cũng như điệu bạch có kèn đưa hơi, mà hát
chậm-rãi hơn, ra vẻ thanh-nhàn, cũng như thi-sĩ ngâm thi mà chơi.

VĂN-CHƯƠNG — Một bài thi tứ-tuyệt hay là một bài
bát cú.

Hào u-tịnh hồ !

Nguyệt trung sương lý hữu thiên-quyên,
Mộ vũ, triều vân kỷ bách niên.
Chương thượng linh hoàn thư quyền diệu,
Nhân gian thủy thị hữu tiên duyên.

PHÂN NHỊP — Cũng nhịp 2, 4, 5 như điệu bạch, nhưng
phải xướng chậm-rãi.

Nguyệt trung... sương lý... hữu... thiên-quyên
Mộ vũ... triều vân... kỷ... bách niên.
Chương thượng... linh hoàn... thư... quyền diệu
Nhân gian... thủy thị... hữu... tiên duyên.

VÀI BÀI XƯỚNG

Đào Dương-giao-Tiên (tuồng Hoa-Tiên)

Oanh thanh chu chiết hiệu phong tiền,
Xuân sắc liêu nhân viễn mộng khiên.
Liễu điệp tranh nghiên hoa hiếu mị,
Nhân tình vô hạn tích phương niên.

Vân-trung-Tử (tuồng Phong-thần)

Đạo pháp uyên nguyên xuất hồn hoang,
Huyền cơ diệu thuật nhứt hồ tàng.
Tu tâm đốn giác thiên tâm định,
Luyện khí đương tri dưỡng khí an.

Chuân-Đề Đạo-nhơn (tuồng Ngọc-kính-đăng)

Trang nghiêm sắc tướng địa thiên thông,
Tọa kỳ thanh-sur pháp lực hùng.
Nhứt thiết chúng sanh qui bát-nhã,
Tam thiên thế-giới mãn hư không.

(Còn tiếp)

Thân-văn NGUYỄN-VĂN-QUI

Xưởng Kỹ - Nghệ

CHẤN-NGUYÊN

SỐ 817, ĐƯỜNG NGUYỄN TRÃI (CHỢ LỚN)

Điện-thoại : số 37.197

CHUYÊN BẢNG NHỰA

LÀM GIÀY HÓA HỌC
ĐỦ CỠ TỪ TRẺ CON ĐẾN NGƯỜI LỚN
KIỀM ĐẸP — BỀN TỐT — GIÁ RẺ

Những chuyện đi rừng rợn

● Ký sự của AN-CU

Lâu lắm rồi, có lẽ đã sáu bảy tháng rồi, Chuyên không đi Saigon. Cần mua sắm gì, chàng gửi người quen mua đùm. Có gì phải liên lạc với các bà con bạn bè tại Đô thành, chàng dùng phương tiện bưu điện, hoặc thư từ hoặc điện thoại tùy việc gấp hay không. Nhiều lần, vợ chàng nói chàng cùng đi đăng giải quyết một vài việc tuy lật vật nhưng cần bản thân có mặt vẫn hơn. Chàng cũng không nhận.

Sở dĩ như vậy, mặc dầu đường Kiến hòa-Saigon không dài, Chuyên ngại sự đi lại lắm. Trên chặng đường Kiến hòa-Mỹ tho, Mỹ tho-Saigon, thường xảy ra nhiều khó khăn, trở lực, nguy hiểm nữa.

Khi thì gặp đắp mố (mố bằng những đồng đất, bằng những bó rơm, những cành cây có lá) thường có gài lựu đạn hay gài mìn. Phải chờ nhà binh tới rà mìn, dọn đi, ban mố, dẹp chướng ngại vật, có vậy mà công việc làm nặng nhọc, nguy hiểm, phải cẩn thận lắm. Có lúc phải mất cả buổi trời, xe cộ mới chạy trở lại được. Trong lúc chờ đợi, trời mưa thì ướt đầm dề, trời nắng thì mồ hôi ra nhễ nhại. Những người khách đi xe, phần cực nhọc, phần trễ công việc, than trời trách đất. Các bạn hàng vận chuyển hàng hóa đi bán thì nguyên rửa bóng gió, vì súc vật như gà, vịt, heo... chở bán về Đô thành hoặc chết đã nhiều, hoặc đang « hấp hối » sắp thở hơi cuối cùng, còn rau cải trái cây thì teo héo hư lụn. Không biết có đúng thật với tâm nguyện của

họ không, ngoài miệng họ than thở rằng thà giết họ còn hơn, chớ như vậy hoài, thì họ dứt vốn đi mất, cũng là một hình thức giết, giết lần phương tiện sanh sống của họ. Lo âu quá, đau đớn quá, họ đâm liều đổ lỗi cho Chánh phủ, họ nói : « ngày ngày, ra đi ô ong óng nào đánh bại đối phương trên khắp mặt trận, nào đem thanh bình, an cư lạc nghiệp cho tất cả mọi người. Mấy chả nằm trong Dinh Độc lập nói ầu ». Có người cười chùn chím, trêu tức : « Nè chị, có bánh về Saigon, tới Dinh Độc lập nói thẳng mấy chả nghe. Chớ chị chu chéo đồng đồng như bây giờ, các chị và tụi tui nghe, mấy chả có nghe đâu, khô nước miếng vô ích ! » Một chị không vừa, trả lời như thật : « Nói thiệt, mấy chả đâu dám gặp tụi tui. Thấy đâu, mần đó mà. Ở tù là cùng, dám đưa ra pháp trường cát sao ? ». Mọi người nghe chị này nói liều một cách ngộ nghĩnh, cười rộ lên. Bầu không khí đỡ buồn đỡ nặng.

Một lần khác, từ Mỹ tho về Saigon, chiếc xe đò chở đầy hành khách đang chạy đều « ngon tròn ». Chuyên gọi chuyện cùng một cụ già ngồi bên cạnh cho đỡ buồn. Hai người mãi miết nói chuyện « cà kê dè ngỗng ». Chạy qua cầu Bến Lức, chiếc xe đò trực chỉ hướng Gò Đen. Người thì ngủ gà ngủ gật. Kẻ thì nói thiên nói địa. Cách cầu Bến Lức độ một cây số ngàn, bỗng dưng đất bằng đây sóng. Một chiếc xe nhà binh qua mặt, từ trong một bụi rậm nhỏ bên một lè đường, súng bắn ra « xối xả ». Chiếc xe nhà binh vọt khỏi. Chiếc xe đò vừa trở lỉnh « dủ » bao nhiêu lần đạn. Trên xe, năm ba người chết, bảy tám người bị thương vừa nặng vừa nhẹ. Cụ già, vài phút trước đây, còn đang chuyện trò hoạt bát với Chuyên, giờ này đã hóa ra người thiên cổ. Chuyên còn nhớ rõ lắm : « Lúc xe vừa ngừng lại, những người chưa chết tuân bừa xuống xe, xô nhau loạn xạ, đập trên lưng trên chun nhau, người thì kêu chúa ơi chúa ơi, kẻ thì nam mô a di đà phật liên miêng, nhào đại xuống đường, nhủi đại xuống ruộng, rách quần rách áo, tét da. Trên lẫn ranh sống chết, con người

nhanh nhẹn một cách phi thường, lạ lùng. Bao nhiêu chuyện náo loạn diễn ra không biết tới một phút không. Hồi đầu, Chuyên hoảng hốt, run đến điên hồn, chàng ôm chặt lấy một thiếu phụ dưới ruộng, nàng cũng ghi chắc Chuyên trong lòng, miệng thều thào : « Cứu tôi anh ơi, cứu em anh ơi ! ». Chuyên lần lần tỉnh hồn rồi dậm ra buồn nản lạ lùng. Giá lúc đó có sẵn một vị hòa thượng xuống tóc cho chàng, chàng đi thẳng vào cửa thiền luôn. Bao nhiêu cảnh hãi hùng, bao nhiêu cảnh khôi hài hiện ra chung quanh. Một chú buôn Việt gốc Hoa, phi nộn, té xấp, vì mập quá loay hoay mãi không dậy được. Sau đó bốn năm người đàn ông khỏe mạnh mới giúp chú đứng dậy được. Chuyên tự hỏi mà không tự trả lời được : « TẠI SAO CÓ CẢNH THÊ THÂM NÀY ? ». Bất giác chàng khóc, chàng biết rằng khóc vậy là yếu tinh thần, nhưng chàng không ngăn được những giọt nước mắt tranh nhau chảy ra.

Một lần khác nữa, vào một buổi trưa, từ Saigon về, lại cũng qua cầu Bến Lức độ bốn năm trăm thước, Chuyên rùng mình trước một cảnh tượng khủng khiếp « chưa từng thấy ». Một người đàn ông, trần truồng, bị giết : Chặt mất cái đầu bỏ đâu không biết (nhờ thấy dương vật của cái tử thi, người ta nhận ra là đàn ông). Bộ đồ lòng, ruột gan tím phôi, vắt thành một đống. Thân mình bị xả giữa ngực ra thành hai miếng rồi chặt làm bốn khúc y như người ta làm heo làm bò. Mấy đoạn thịt người tái mét bỏ tú tung trên mé lộ, không thấy có người coi sóc. Chiếc xe dò dậu lại, người ta đổ xuống coi. Trước cảnh thương tâm đó, các bà hành khách khóc rờn, có người chấp tay đọc vài câu kinh có lẽ cầu xin siêu độ cho kẻ bạc số. Đàn ông, già trẻ, ai nấy đều nghẹn ngào nhìn nhau, không nói một tiếng. Mọi người cùng một ý nghĩ : « Nếu có con chó nào bắt gặp, mấy mảnh thịt người không khỏi bị tha mất một vài đoạn... » Người nào người nấy ngậm ngùi đau xót như cho chính bản thân mình.

Cảnh sờ sờ trước mắt, Chuyên vẫn không muốn tin, chàng lấy tay dụi mắt, cúi xuống lộ lượm lấy một cục đá tự gõ vào đầu cho thiệt đau đớn. COI MINH MƠ HAY THỰC.

Vì chàng không muốn nhìn thấy những cảnh bi thương nữa, không đi đó đi đây nữa, kể cả Saigon. Không biết sao, từ đấy, Chuyên lúc nào cũng cảm thấy buồn dưới dưới. Đôi khi chàng thấy căm tức, chàng thấy rõ trong óc chàng đối tượng của lòng thù hận mình. Chàng chắc tất cả đồng bào đều có những ý nghĩ rõ rệt như chàng, có điều không một người nào nói ra, vì tạm thời không những bất lợi mà còn vô ích. Sự nín lặng chờ dịp để bùng nổ.

Lần này, Chuyên đi Saigon để thăm mẹ, đang đau nặng, nằm điều trị tại một bệnh viện Đô thành. Chàng là một viên chức nhỏ trong một ty hành chánh tại Kiến hòa ; chàng có xin phép nghỉ. Chàng biết lo xa, ngày thứ năm phải đi làm lại ; 5 giờ sáng thứ tư, chàng đã đi xe lô để về Trúc giang, ngừa trước mọi sự trễ nải bất trắc ; đi như vậy, chàng chắc ý lắm, yên lòng lắm.

Xe tới Bình Chánh, chưa tới 6 giờ. Chuyên nhắm mắt dưỡng thần. Thành tình chàng nghe tiếng tu hít thổi, mọi người trên xe nhón nhao bảo : « Không biết chuyện gì lại xảy ra ? » Chuyên mở choàng mắt thấy đầu năm sáu người cảnh sát ra dấu cho xe đậu sát lề, cũng lúc đó chàng thấy cả một dọc dài xe, cam nhông có, xe nhỏ có, ngừng dựa theo lề đường. Bác tài xế hỏi chuyện một anh cảnh sát viên. Biết cách đó khoảng hai ngàn thước, đường bị đặt mìn bứt ngang, rồi lại bị đào thành một cái mương rộng trên một thước. Theo lời mấy anh binh sĩ, thì sớm lắm cũng phải khoảng 10 giờ xe cộ mới chạy lại được. Có một số người mắc chuyện gấp, rủ nhau cuốc bộ tới khúc đường bị phá, băng qua rồi tìm cách đi xe chuyền. Chuyên tháp tùng vào đoàn người đi tới chặn đường hư hại. Đứng phía bên kia, một tốp lính Mỹ đang tính toán cách sửa chữa.

Thấy toán người Việt định bước qua, một người lính Mỹ ra dấu cấm. Đoàn người tiến tới. Người lính Mỹ bắn chỉ thiên. Một bà già, hốt hoảng, trở ngược lại, nhưng sảy chân té xuống ruộng, trúng nhằm chỗ gài lựu đạn. Một tiếng nổ chát chúa. Bà già chết banh xác, thâm thương. Bốn năm người trong đoàn cũng bị trúng miếng lựu đạn. Máu me ra thấy ghê. Chuyên và vài người trong con lũng túng vọt tuốt qua bên kia. Cả bọn bao một chiếc xe Lambretta về tới Tân An. Tại đây, họ lại chung tiền mượn một chiếc xe « Lam » khác về Mỹ Tho. Nhưng tới Tân Hưng, một đoạn đường nữa bị đặt mìn làm đứt một đoạn độ 3 thước cách nay chừng năm ngày. Đoạn này đã được lấp lại, nhưng vì mưa, nên rất sinh lầy. Một chiếc cam nhông sa vào trong cái vũng đó cựa quậy mà không chạy qua được, làm nghẽn hết sự giao thông. Hai bên, xe đậu chật cứng. Chuyên và mấy người kia lại phải đi bộ sang bên kia, kêu một chiếc xe « lam » khác nữa đặng về Mỹ Tho. Xe chạy ngon trơn, mọi người, dầu tốn kém nhiều hơn, đều thấy vui vẻ vì sắp đi tới chốn, tới đích, điều sung sướng nhất của những người di chuyển từ tỉnh này sang tỉnh nọ trong thời buổi này. Tới là mừng. Sắp tới cũng đã mừng. Qua khỏi Tân-Hiệp, gần tới ngã ba Trung-Lương. Không ngờ lại một chặn đường bị đào bứt ngang. Chuyên thấy mỗi một từ trong tâm hồn. Hai bên cái hố cắt ngang con đường, xe cộ sắp thành hàng hàng lớp lớp, không còn nhúc nhích được, cảnh sát viên cũng bắt lựu. Mấy người kia và Chuyên lại đi bộ, lại sang xe lần nữa mới tới châu thành Mỹ Tho.

Chuyên kêu xit lo đạp đưa ra cầu « bac », ra tới đó thì được tin đầu cầu « bac » bên Rạch Miễu bị giựt sập trong đêm qua. Chiếc « bac » còn đưa người qua lại nhưng các loại xe hơi lớn nhỏ đều không đi được. Xe gắn máy như Honda, Suzuki... miễn cưỡng đem qua lại được, có điều vất vả lắm. Chuyên còn đang nghĩ vãn vợ thì chiếc « bac » đã qua đến Rạch Miễu ghé tạm vào một bến mới dựa theo

đây nhà cầu. Chuyên nhìn cái cầu nổi mà Chuyên đi từ lúc còn bé, nay đã chìm lìm dấu mắt, còn đoạn cầu sắt bắt từ ngoài vào bờ cũng bị hư bại vắn vẹo ngả nghiêng xuống nước.

Chuyên thấy như không còn biết buồn nữa, chỉ có một thứ cảm giác của những con người đứng trước một tình trạng « muốn rần sức mà bắt lựu ». Chàng nhìn trời, có ý muốn hỏi trời sao mảnh đất miền Nam này trải nhiều biến cố không ngừng trong hai mươi mấy năm ròng. Hồi năm 1945, chàng đâu 23 tuổi nay chàng đã ngoài 40. Xứ Dừa hiền hòa của ông bà cha mẹ Chuyên làm « tai nạn » như toàn cõi tổ quốc, chàng đâm ra nghĩ ngẩn ngơ tiếng « tai nạn » được nhắc đi nhắc lại trong một tập thơ nào đó. Nghĩ mãi Chuyên nhớ ra Truyện Lục Vân Tiên, rồi chàng liền tưởng đến cụ Đồ Chiểu, đến những câu thơ bị hùng của cụ Đồ. Chàng nhép miệng, làm râm, đọc lại một vài câu. Chuyên thấy lòng mình được xoa dịu, được an ủi.

Một cách máy móc, Chuyên bước theo mọi người, lên xe « lam » về Trúc Giang. Quang cảnh sáng nay tại Rạch Miễu, với những khoan dây kẽm gai giăng tứ tung và với công sở Tân Thạch vừa bị mìn giựt sập, mang bộ mặt của một vùng có chiến tranh. Những bộ quân phục nướm nướp qua lại có vẻ bận rộn.

Chiếc xe « lam » ghé trạm kiểm soát cảnh sát như thường lệ rồi nhắm Trúc Giang chạy thẳng. Đoạn đường Rạch Miễu — Trúc Giang chỉ có mười một cây số ngắn mà bị phá đứt khúc có trên mười chỗ. Mỗi nơi này bị giựt mìn rồi được lấp lại, lấp lại rồi lại bị giựt mìn, nên lồi lõm khó chạy, xe lồi hay xe « lam » chạy qua, hành khách bị « tung » lên bổng, có thể rớt ra ngoài xe hoặc đụng đầu trúng mũi xe, đau chói.

Tiếng máy nổ dòn đều đều, chiếc xe « lam » thẳng tiến trên đường thỉnh thoảng gặp ghe. Chuyên đang mơ mộng, nghĩ vợ nghĩ vãn. Bỗng một tiếng nổ ầm kêu rền.

Chuyên thấy choáng váng mặt mày, không thấy đau đớn chỉ hết, lịm dần. Chừng tỉnh dậy ngó quanh quẩn, chàng thấy mình nằm trên một chiếc xe chở bệnh. Chàng hỏi ra, mới biết rằng mình bất tỉnh nhân sự hai ngày mấy rồi. Vi y viện Kiến hòa không đủ phương tiện cứu chữa cho chàng, nên chàng được chở lên bệnh viện Chợ Rẫy. Nữ điều dưỡng theo xe cho chàng biết là chàng bị mìn đứt tiện hàn chân mặt, và, không biết do sự may mắn nào, chàng không chết luôn. Chàng kêu rú lên. Chàng quên là đang nằm trên giường bệnh tại y viện Chợ Rẫy. Mặt mày đầm đìa mồ hôi hột. Nghe chàng la, một nam y tá chạy tới, nắm vai chàng, và vói về mặt hiền hậu, sẵn đón hỏi hau chàng.

Chuyên nhắm nghiền đôi mắt lại, không nói năng gì. Người y tá thấy chàng nằm yên, cúi sát tai chàng dặn nhỏ nhẹ: « Xin ông đừng cựa quậy nữa, bằng không, vết thương bên chân mặt bị « động » lại ra máu thì nguy lắm ».

Từng chập, từng chập, nằm trên giường bệnh, Chuyên nghĩ ngợi mê man đến mệt lả. Thân mình với chiếc chân què sẽ đi về đâu? Vận mạng quê hương sẽ đi về đâu? Tất cả người Việt Nam bị đưa đi phiêu lưu tới một viễn cảnh nào? Chuyên lẩm bẫm: « Ước gì « Đấng Tối Cao » Việt Nam biết để ra một ngày lẫn lóc sống như bất cứ một người Việt Nam thường dân nào, có vậy, mới nhìn thấy thực trạng bi đát hằng ngày của con người Việt Nam trong giai đoạn này ».

AN CƯ

Xin nồng-nhiệt giới-thiệu cùng độc-giả:

TỜ ĐUỐC TỪ-BI hiện phát-hành đến 20.000 (hai chục ngàn) số mỗi tháng và đang tăng lên hơn. Ra cả ngoại quốc.

TAO-ĐÀN

Đêm khói lửa

của trần văn linh

*Đêm nay suốt canh thâu,
Tìm vần thơ chan chứa
Diễn tả nỗi thương đau,
Quê hương trong khói lửa.*

*Văn không đến với ta,
Nền trời đêm sâu thăm,
Văng vặc giải ngân hà
Khơi mối sầu vạn dặm.*

*Tiếng phi cơ đình ốc,
Tiếng đại bác se lòng,
Một không gian tang tóc.
Bao phủ cả non sông.*

*Hỏa châu treo không trung,
Giữa tiếng nổ kinh hoàng,
Hỏa châu hay trời rụng.
Sắp đốt cả giang san ?*

*Ôi quê hương xơ xác,
Ruộng đầy cỏ, vườn hoang,
Nền tro phơi ngói nát,
Cột cháy ngả điêu tàn.*

Khấp nẻo đường đất nước
Dầy hình bóng phế nhân,
Chống nạng cây lăn bước,
Lưu lạc trên đường trần.

Đây những đoàn trẻ nhỏ
Súng đạn cướp mẹ cha,
Sống vỉa hè xó chợ
Giữa bối cảnh xa hoa.

Đây đoàn người bươi rác,
Tìm những mẩu ăn thừa
Những mảnh thùng đồ nát
Che vai trốn nắng mưa.

Đây những người mất gốc
Phải rời bỏ ruộng vườn
Ven đô-thành túi nhục,
Sống nhờ gạo trùn dương!

Ôi non sông loang lổ,
Rừng khô bật tiếng chim,
Đất chan hòa máu đỏ,
Một thế hệ thanh niên.

Với những người ngã gục
Dừng phân biệt ghét, thương.
Mong tang chung dân tộc.
Sẽ tạo một quốc hồn.

Trần-văn-Linh

Thử chinh-lý sân-khấu cổ-truyền

PHÊ-BÌNH HÁT-BỘI

TUỒNG SAN-HẬU

Vai Lôi-Nhược, Lôi-Vân

Bài của Thân-văn
NGUYỄN VĂN QUÍ

Bài thứ năm

Họ Tạ tất cả có bảy chị em : Tạ-ngọc-Dung, chị cả, Tạ-nguyệt-Kiều (thường kêu bà Nguyệt), Tạ-thiên-Lăng, Tạ-ôn-Đình, Tạ-lôi-Phuong, Tạ-lôi-Nhược, Tạ-lôi-Vân.

Khi Nguyệt-Kiều vào Trào xin đi tu, có nói câu lối :

« Một nhành sanh năm bảy chị em,
« Hưởng phú-quí cũng đã trọng quá.

Tạ-ngọc-Dung, chánh-hậu của vua Tề, có một lớp ghen Phàn-thứ-phi rồi biến mất không thấy soạn-giả tuồng San-Hậu nói tới nữa. Về sau khi Phàn-Điễm phục Tề thì chị còn Thiên-Lăng, Lôi-Vân.

Lôi-Nhược, Lôi-Vân đều là võ-tướng, có tài, chớ không phải bọn « xô-lá » theo như lâu nay đã diễn trên sân-khấu cổ-truyền. Đem một vai tướng ra làm trò cười là sai nghệ-thuật.

Nhược, Vân có tài là vì, sau khi dự yến Tiều-giang-san, Linh-Tá nói :

« Phải một thặng thì mỡ dấm dương,
« Năm bảy đứa hơi nào mà chống.

Ý nói năm anh em Ôn-Đình đều tài, một mình Linh-Tá đương sao cho lại. Đã vậy Kim-Lân (San-Hậu thứ ba) luận tài anh em họ Tạ, nói :

« *Tạ huynh-đệ nên trang đông-cảm,
Thế hằng khen ngũ-hồ chi tài.* »

Lại nữa, khi nghe Ôn-Đình, Lôi-Nhược chết, Thiên-Lãng ra lệnh cho Lôi-Vân :

« *Hậu tiếp thời này gã Lôi-Vân,
Trương binh-mã sanh cầm hoàng-tử.* »

Nếu không có tài, Lôi-Vân đâu được lãnh binh hậu-tập. Thế nhưng trên sân-khấu hát-bội, Nhược và Vân (tục kêu thằng Út) đều là hề.

Màn đưa chị đi tu, chỉ có Thiên-Lãng, Ôn-Đình là tề-chính nghĩ tình chị em, dùng lời phải trái, khuyên chị. Còn Nhược và Út làm con khỉ, nếu đứng trong hoàn-cảnh thiết mà nói thì vô lý, còn lấy nghệ-thuật mà luận thì sai-lầm.

Thầy nào dạy, đạo-diễn nào chỉ mà sắm Lôi-Vân (thằng Út) mặt hề, vẽ ngơ-ngáo, đeo một cái đầu-lâu, nói những câu vô-duyên, chế-nhạo người xuất-gia đầu Phật :

« *Lên am-tự ai kêu là Phật-cậu...* »

Lại hỏi bà Nguyệt rương xe, chìa khóa, thế-nữ, làm ra tuồng ngu-dốt, độn-đần, chớ không phải con nhà võ-tướng trong « ngũ-hồ chi-tài ». Rồi lại nhờ bà Nguyệt gỡ cái đầu-lâu ra. Có khi vai thằng Út mang theo một con búp-bế (thêm chướng).

Hát như thế là hát cho con nít xem. Người biết coi hát, tất gay con mắt và thanh-niên nam-nữ đời nguyên-tử này, đã từng thấy nghệ-sĩ ngoại-quốc diễn tuồng (như người Tàu chẳng hạn) chắc che miệng cười một lối diễn-xuất vô-duyên.

Còn Lôi-Nhược thì nhảy tới nhảy lui, tay ngoắt lia-lịa, miệng kêu liên-hồi : « Yên năm ! Yên năm ! Yên năm ! », rồi đến khi Ôn-Đình biểu khóc-dàm (tức là khóc tức-tử không ra tiếng), Nhược và Út rống lên : « Hu ! Hu ! Khóc vằm Cà-mau, vằm Xà-no... »

Diễn như vậy có phải lố-lãng không ? Có phải làm giảm giá-trị sân-khấu cồ-truyền không ?

Trong tuồng, chỉ có Thiên-Lãng và Lôi-Phuông ra can chị. Nơi đoạn này, tiếc rằng soạn-giả cho Lôi-Vân hỏi chìa khóa, trâu ruộng của chị và xin chị làm biên-lai, « kéo mà anh Nhược giựt trâu cái của em đi ».

Viết tuồng có đôi khi lãng trí rồi viết kém đi, làm mất giá-trị văn-tuồng, làm người lối diễn, làm cho vai tuồng chánh phải bực-nợ. Đạo-diễn, khi tập tuồng, ráp tuồng, phải thêm hay bớt. Phần nhiều nên bớt chớ không nên thêm.

Như trong màn đưa Nguyệt-Kiều đi tu, thêm lớp Ôn-Đình khuyên đề làm nổi vai Ôn-Đình thứ ba, là đúng. Nhưng phải bỏ lớp giễu của Nhược, Út, đề giữ vẻ nghiêm-trang cho người xuất-gia.

Có thể : khi Thiên-Lãng dứt can, hạ, thì Phuông, Nhược và Út bàn với nhau, mời « yên năm » ra khuyên coi « chị ba » có xiêu lòng chẳng ? Ôn-Đình ra thì biểu ba em đứng lại một bên cho mình dùng lời-lẽ khuyên ngăn. Biểu các em khóc-dàm là sai sự thật.

Đến lớp ra phạt San-hậu-thành, tướng Nhược đi tiên-phuông, Đình làm chánh-tướng. Hai anh em hăm-hở nói :

« *Quản hùng binh bá vạn,
Đề hồ-lữ thiên viên.
Hai tôi bái tạ ngự-niên,
Ngàn dặm ra ngăn San-Hậu.* »

Như đã nói ở trên và dựa vào bốn câu lời này, Nhược là tướng giỏi, chớ không phải thuộc hạng « cheo-thỏ ». Thế mà trên sân-khấu hát-bội, chàng ta là một thằng khùng hay một con khỉ.

Ngộ chiến Kim-Lân và chữa thương Ôn-Đình, vai Lôi-Nhược diễn càng thêm lố-lãng hư-hông.

Một đông-tướng như thế, ra chiến-trường không nhìn kỹ đường thương mũi giáo của địch, lại vừa đánh vừa ngó giáo-giác như giỡn chơi. Khi mình biết thua sức Kim-Lân, thì đáng lẽ một mặt

đỡ thương Kim-Lân, một mặt nhìn lên thờ-sơn, liếc Ôn-Đình, thăm ý kêu Ôn-Đình tiếp. Như thế, diễn mới đúng, chớ chốn chiến trường, tử-sanh trong chớp mắt mà làm con-khỉ thì sao gọi là hiểu nghệ-thuật ?

Về tới trại chỉ cần nói bốn câu lời :

- « Dương thuở hùm rồng vùng-vẫy,
- « Thế xem người ngựa chưa suy.
- « Chớ sao anh nương gió chạy đi,
- « Bình ta đồ như mưa dờng ấy.

là vừa đủ, không cần phải lằng-xăng kêu quân bắt ngựa Ôn-Đình đem đi cho ăn cỏ khô, cỏ cháy vùn vùn...

Theo trong tuồng, Ôn-Đình làm tướng rất nghiêm quân lệnh, Nhược không thể chể-nhạ và khi anh như vậy. Xem như đối với bà Nguyệt-Kiều, khi bà cản đầu ngựa đề cho Đình chậm-trễ không đuổi kịp Phần-thứ-phi, Ôn-Đình còn bảo :

- « Nghĩa chị em thương đề tấm lòng,
- « Việc nhà-nước phải lo báo-bồ...

Chừa thương Ôn-Đình, trong tuồng đã sẵn lời :

- « Mới vừa thấu thịt, chưa phạm xương vai,
- « Di diệu-được đồ ngoài
- « Bệnh từ-nhiên tắc dữ.

thì cho thuốc liền, chớ không phải bắt Ôn-Đình kêu « Ông thầy Nhược ôi ! » rồi mới trị. Đã thiếu tình-nghĩa đồng-bào lại thất kính với bề trên. Và trị bệnh không phải phun nước miếng dơ-dáy mất hết nét thanh-nhã nghệ-sĩ.

Nên bỏ, bỏ hẳn những điệu-bộ vô duyên này thì nghệ-thuật hát-bội mới có cơ tiến-triền.

Ôn-Đình sai Hồ-Bôn đi bắt mẹ Đổng thì soạn-giả viết gọn lăm :

- « Đã đành mưu mỗ, chi nhọc quân ta.
- « Cầm-phước-thôn cũng chẳng mấy xa,
- « Thời mẹ Đổng-kim-Lân ở đó.

« Như Kim-Lân này :

« Há tưởng niềm tôi chúa,

« Mà bỏ nghĩa mẹ con.

« Hồ-Bôn ! phụ nhĩ :

« Mật lệnh truyền cho gã Hồ-Bôn

« Kíp đến đó y như thử kể.

Đáng lẽ diễn theo như vậy, nhưng Lôi-Nhược và Hồ-Bôn làm hai thằng điên, múa quyền, thủ cước, giỡn hót trước mặt chánh-tướng Ôn-Đình. Giá như tôi thủ vai Ôn-Đình, tức thì truyền võ-đao đem chém Hồ-Bôn, rồi sai quân khác đi bắt mẹ Đổng.

Như thế đề diệt cái hứng bậy của Lôi-Nhược.

1-9-67

Thân-Văn NGUYỄN-VĂN-QUÍ



Nguồn gốc của đạo
« TAM CƯƠNG NGŨ THƯỜNG »
(MỘT VẤN ĐỀ VĂN HÓA HỆ TRỌNG)

★ *Bài của AN CU*

Trải khoảng hai ngàn năm nay, đạo « tam cương ngũ thường » ngự trị trên xã hội Trung hoa và Việt nam với một tư thế độc tôn. Hàng năm, chúng ta tổ chức từ Saigon đến các tỉnh ngày ĐẢN SANH của đấng VẠN THỂ SỰ BIỂU, không bao giờ quên nhắc qua đạo « tam cương ngũ thường ». Nếu chúng ta bất chợt hỏi sự xuất xứ của đạo tu thân tề gia trị quốc này, ngay cả các vị ngày nay tự coi là « bực hán học uyên thâm » không khỏi có giây phút ngỡ ngàng ngờ ngạc.

Thật ra suốt đời Khổng tử không hề nói đạo « tam cương ngũ thường ». Ngài không có hệ thống hóa những lời dạy người răn đời của ngài. Qua bộ Tứ Thư, nhất là quyển Luận ngữ mà từ trong đó rút ra hầu hết các điều của đạo « tam cương ngũ thường », không thấy có danh hiệu của bốn tiếng « tam cương ngũ thường ». Vậy vào thời nào và do nguyên nhân nào, người nào bày đặt ra cái gọi là đạo « tam cương ngũ thường » để cho chúng ta tôn sùng từ ngàn xưa ?

Nguyên Lưu Bang, người « anh hùng trôi sông lạc chợ » sáng lập ra nhà Tây Hán, lấy Đế hiệu là Cao Tổ, khinh thường bọn nhà nho. Sau khi hạ được Hạng Võ (khoảng năm 202 trước Tây lịch), Lưu Bang rất kiêu ngạo thường nói : « Nại công mã thượng đắc thiên hạ, an sự thi thư vi ? » nghĩa là sự nghiệp đoạt thiên hạ trên yên ngựa, có cần gì phải nhờ đến thơ văn đâu ? Hán Cao Tổ lại « thường giải nho quan, tiện niệu kỳ

trung » nghĩa là thường bắt bọn nhà nho lột mũ cho nhà vua « tiêu » vào đó (Trung quốc văn học sử đề yếu, tác giả Dương Đạt Chi, trang 22, xuất bản tại Đài Loan).

Lúc bàn về học thuật hai triều Tây Hán và Đông Hán, người ta thường lầm tưởng triều Hán « độc tôn Khổng tử, chuyên long nho thuật » (chuyên long là coi trọng), bởi hành động « bãi truất bách gia, lập Ngũ Kinh bác sĩ » của Hán Võ Đế. Có người còn cho rằng xã hội Trung hoa chịu ảnh hưởng sâu rộng của tư tưởng Nho gia đều bắt nguồn từ đời Hán. Sự thật không phải vậy. Không nói làm chi chuyện vira kể trên : Lưu Bang chiếm được thiên hạ bằng võ lực, đi « tiêu » trong mũ của nho sĩ. Ngoài ra các vua tôi về sau, phần lớn sùng Hoàng Lão (Lão giáo) và không trọng Nho học. Thập thất sử Thương Các của Vương Minh Thịnh viết :

— « Hán sơ, cái học Hoàng Lão rất thịnh. Các thành phần trong xã hội đều lấy đó làm gốc, về bực đế vương thì có Văn Đế và Cảnh Đế, trong cung cấm thì có Đậu Thái Hậu, về phía tôn thất thì có Lưu Đức, về tướng võ quan văn thì có Tào Tham, Trần Bình, Trương Lương, Trịnh Đương Thi, Trục Bất Nghi, Ban Tự, người không chịu ra làm quan như Cái Công, Đặng Chương, Vương Sinh, Huỳnh Tử, Dương Vương Tôn, An Khưu Vọng Chi.... Cả đến Đông Phương Sóc dạy con cũng dùng bốn chữ « TRỤ HẠ VI CÔNG » vốn theo thuyết Hoàng Lão ».

Hán Chí Nho Lâm Truyện viết :

— « Vua Hiếu Văn nguyên chuộng thuyết Hình Danh (Pháp Trị Chủ Nghĩa), đến vua Hiếu Cảnh không dùng nho sĩ. Đậu Thái Hậu lại thích thuật Hoàng Lão, nên chừa Bác sĩ (những nhà nho thi đỗ khoa Ngũ Kinh) đến chầu chực nhà vua đứng mong cầu cạnh chút ơn mưa móc đều không được vào và không được lực dụng ».

Lại viết :

— « Hiên Cố là người đất Tề, có tài văn thơ, làm Bác sĩ đời Cảnh Đế. Đậu Thái Hậu thích sách Lão Tử, gọi Cố đến hỏi. Cố nói :

— Đây chỉ là lời gia nhân mà thôi !

Đậu Thái Hậu tức giận nói :

— An đặc Tư Không Thành Đán Thư hồ ? nghĩa là ta đọc Tư Không Thành Đán Thư không được sao ? (và ngụ ý : Hoàng Lão coi học thuyết của nho gia khắt khe như luật pháp vậy).

Thái Hậu bèn ra lệnh cho Cố vào chuồng đánh nhau với chó ».

Như thế, tuy nhà Hán dùng các bậc danh nho làm Bác sĩ, đồ chằng qua là cái vỏ bề ngoài mà thôi, điều làm lấy lệ mà thôi, thực tế các nhà nho không được trọng dụng. Cả Hán Võ Đế cũng có thái độ đó. Nho Lâm Truyền viết : « Lúc Võ Đế lên ngôi, Vương Tàng xin vua lập Minh Đường làm nơi gặp gỡ giữa hoàng đế và chư hầu, việc không có cơ thành. Vương Tàng lại tâu là ông đã từng học với thầy Thân Công. Vua sai sứ giả đem bạc vàng và đem xe bò luân đi rước Thân Công.

Bấy giờ, Thân Công đã tám mươi ngoài tuổi, tâu với vua :

— Bệ Hạ cai trị không nên nói nhiều, hết sức thực hành là tốt hơn cả.

Vua đang thích văn từ, thấy Thân Công nói thế, yên lặng không đáp. Đậu Thái Hậu vốn sùng Lão Tử và ghét các nhà nho, kể hết các lỗi của Vương Tàng và Triệu Oản cho vua nghe. Vì thế nhà vua bỏ hẳn việc lập Minh Đường, bắt Tàng và Oản phải tự tử. Thân Công nhờ có bệnh được miễn chết mà về ».

Như thế làm sao gọi là trọng nho học được ?

Hán Thư, « Nguyên Đế Kỷ » viết : « Lúc vua còn là thái tử, ngài có lòng nhân từ, thích nho học, thấy vua Tuyên Đế dùng nhiều vị quan theo pháp trị chủ nghĩa, lấy Hình Danh trị nước, có lời tâu cùng Tuyên Đế :

— Bệ Hạ dùng hình quá sâu, nay nên dùng nho sĩ.

Tuyên Đế tức giận nói :

— Nhà Hán có chế độ riêng, vốn có xen bá đạo và vương đạo với nhau (bá đạo thì có Tề Hoàn Công, Tần Mục Công, Tấn Văn Công, Tống Tương Công, Sở Trang Vương ; vương

đạo thì Toại Nhân Thị, Phục Hi Thị, Thần Nông Thị), tại sao chỉ dùng đức và chánh trị nhà Châu ? Hơn nữa nho sĩ không hợp thời, tôn cổ, hay nói người xưa phải người nay trái, khiến người ta nghi ngờ hiện tại, nghi ngờ thực tế, không biết nên làm thế nào, làm sao ủy thác công việc cho họ được ?

Rồi Tuyên Đế than rằng người loạn gia pháp của ta lại chính là thái tử ». Do lời nói của vua Tuyên Đế, chúng ta biết được bộ mặt thật của địa vị nho sĩ dưới đời nhà Hán. Tài liệu trên đây rút trong Quốc Học Khái Luận do Trần Thúc Lương tuyên biên và do Bộ Giáo Dục Trung Hoa Dân quốc (ngành hàm thụ hải ngoại) xuất bản. Giờ đây chúng ta trở lại quyền Trung Quốc Văn Học Sử Đề Yếu do Dương Đạt Chi chủ biên, trang 22, đề tìm hiểu về một chút chỗ ngồi mỏng manh của bọn nho sĩ dưới triều nhà Hán.

Bọn người theo Lưu Bang đánh bại Hạng Võ, phần lớn là hạng người « đá cá lặn đura » đương thời. Do đó, dưới đầu triều Tây Hán, khuôn phép nghi lễ triều đình thật là lỏng lẻo. Tên trùm Lưu Bang, nay dưới lớp áo « Hán Cao Tổ », muốn có một nếp sống « phong kiến cao sang », phải biệt lập trên đầu muôn dân, kể cả bọn người đã giúp ông dật ngôi « chín trùng ». Tên cựu trùm họ Lưu thường đem những mối hoài bão *phong kiến cao sang* bày tỏ với bọn triều thần trong đó có gã Thúc Tôn Thông, người đất Tiết, thuộc hạng theo « chủ nghĩa đầu cơ », một nho sĩ chuyên nghề bợ đỡ, cũng là một Bác sĩ. Thúc Tôn Thông định triều nghi, lấy cổ lễ và nghi lễ nhà Tần mà dung hợp thành nghi lễ triều Hán, có lẽ kể từ đó đạo « tam cương ngũ thường » chánh thức ra đời. Cũng kể từ đó bọn nho sĩ bắt đầu có một chút chỗ ngồi trong xã hội Trung Hoa. Về sau các vua chúa Trung Hoa thấy đạo « tam cương ngũ thường » bổ ích rất nhiều cho chế độ phong kiến, cũng cố mạnh mẽ chiếc ngai vàng, cho nên làm ra về tôn sùng Không tử và ra mặt khuyến khích và cổ xúy nhiệt liệt đạo « tam cương ngũ thường ». Trật tự phong kiến nhờ đó ngày càng trở nên vững chắc.

Về phần người Việt Nam chúng ta, chúng tôi tưởng rằng chúng ta phải duyệt lại thái độ của chúng ta đối với cái gọi là

đạo Khổng, cái gọi là đạo « tam cương ngũ thường » ! Có căn cứ lịch sử và căn cứ sách vở, rõ ràng là Thúc Tôn Thông (tên nho sĩ xu thời) và Hán Cao Tổ (tên cựu trùm đá cá lặn dưa) đã âm mưu với nhau dùng nghi lễ Khổng Mạnh mà thiết lập và củng cố trật tự phong kiến để chề. Sau đó, giai cấp nho sĩ, đầu người lương thiện hoặc người bất lương, đều có tánh ích kỷ duy trì đạo « tam cương ngũ thường » để gìn giữ địa vị xã hội của mình. Sự cấu kết giữa giai cấp nho sĩ và giai cấp thống trị quá rõ rệt, không sao chối cãi được.

Người Việt Nam phải suy gẫm lời phê phán của Đậu Thái Hậu đối với nho gia là *thuyết của nho gia khắt khe như luật pháp* và chúng ta cũng phải nghiền ngẫm lời nói của Hán Tuyên Đế là *nho gia nghiêng về dĩ vãng, quá bảo thủ*. Như vậy *bản chất cố chấp và bảo thủ của thuyết nho gia đã được nêu lên từ hai ngàn năm nay*. Chỉ vì người Trung hoa và người Việt nam quá tin vào bọn lãnh đạo tinh thần (bọn nho sĩ) và bọn lãnh đạo quốc gia (giai cấp thống trị) mà thuyết nho gia ngự trị từ xưa đến nay chưa dứt hẳn.

Chúng tôi đặt vấn đề : « Suốt hai ngàn năm nay, kể cả năm 1967, nước Việt nam hoặc bị ngoại thuộc (thuộc Tàu, thuộc Pháp, thuộc..... ngoại bang) hoặc bị nội chiến triền miên, không có được một ngày hoàn toàn thái bình, an cư lạc nghiệp, có phải là do sự di hại của thuyết nho gia không ? » Dĩ nhiên còn nhiều yếu tố lý do khác, nhưng chánh yếu là tai nạn bắt nguồn trong thuyết nho gia, trong đạo « tam cương ngũ thường ».

AN CU

NHÓM ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

- lãnh in sách và tác-phẩm
- việc làm kỹ-lưỡng.

Những mối thao-thức thời-đại

Niềm đau-nhức của thời-đại

● Bài của LÊ DUY-TÂM

Cứ mãi lo tranh-dấu với cuộc đời để tự giải-thoát mình khỏi những trói-buộc của các nhu-cầu kinh-tế, mỗi người trong chúng ta thường sống trong thế-giới biệt-lập của mình và quên-lãng phần còn lại của dân-tộc ở chung-quanh. Đối với một quốc-gia tiền-tiến, thái-độ vị-kỷ đó, tuy không phải là tốt đẹp nhất, vẫn không nguy-hại lắm đến đời sống của cộng-đồng. Nhưng đối với một quốc-gia chậm tiến đang còn phải bức xiềng của nghèo đói, bệnh-tật và dốt-nát, thái-độ đó có phần vô-trách-nhiệm và kém ý-thức. Vì nếu chúng ta không nghĩ đến cách tự-cường thì không ai đến đây để lo giữ gìn vận-mạng chúng ta cả. Cho nên rốt lại cũng chỉ có người Việt-Nam là thật-sự quan-tâm đến sự tồn-vong của đất-nước mình thôi. Đây không phải là một thái-độ nông-cạn, khép kín, hay tự-kỷ dân-tộc hay quốc-gia cực-đoan, mà chỉ là tất-nhiên và do hoàn-cảnh sinh-tồn chi-phối. Điều này đã được lịch-sử chứng-minh nhiều lần và sẽ được chứng-minh nhiều lần nữa trong khi nhân-loại vẫn còn tồn-tại. Năm 55 tr. T.C : Khi César đứng trên bờ biển Manche của nước Gaule (tức là nước Pháp ngày nay) nhìn qua các thành đá vôi trắng trên nước Anh và nảy ra ý định đem quân sang đó thì không phải vì César bỗng-nhiên thương-yêu các bộ-lạc Celte đang sống tại đây và muốn giúp chúng thoát khỏi tình-trạng man-dã, mà vì tham-vọng cá-nhân của mình.

Cũng như lúc Tôn-sĩ-Nghị đem quân qua nước ta để chống lại Tây-Sơn thì đó không phải là vì bực-đồng vị tướng nhà Thanh đó yêu dân-tộc ta và muốn giải-phóng chúng ta khỏi sự hà-khắc của Nguyễn-Huệ. Lịch-sử còn ghi chép lại giai-đoạn này và con người Việt-Nam chúng ta không ai nghe và tin những gì bộ máy tuyên-truyền của họ Tôn tung ra để biện-minh cho hành-động của họ. Những danh-nghĩa « lời yêu-cầu của Lê Chiêu-Thống », « trung-hưng nhà Lê » chỉ là những bức màn tiện-lợi để che-dấu mục-dịch tối-hậu không đẹp-đẽ gì cho dân-tộc Việt-Nam mà chỉ có bọn vua quan nhà Thanh biết được mà thôi. Cho nên ngôn-ngữ đã được sử-dụng để dối-gạt, để nói lên những gì mà nó không thực-sự biểu-tượng, và để che-dấu những gì mà thực-sự nó cần phải nói lên. Đó là những điều lịch-sử dạy ta, và nếu chúng ta không học bài học của lịch-sử chúng ta có thể sẽ làm cho lịch-sử tái-diễn.

Tất cả chúng ta đang sống trong những hiện-tượng của một trạng-thái xã-hội bịnh-hoạn, cảm thấy niềm đau-xót rất thực và mãnh-liệt như thể chính chúng ta đã bị một vết thương thê-xác. Chúng ta hãy cùng nhau nhìn chung-quanh để nhận-định. Sống-động nhứt và hiện-diện nhứt trong tiềm-thức và ý-thức của mọi người là cuộc chiến-tranh mà nhân-dân đang phải gánh chịu. Nó đã làm những gì cho con người và đất nước Việt-Nam? Không phải nói ra có lẽ mỗi người trong chúng ta đều nhận thấy nó tàn-phá lãnh-thổ, thân-thể và lương-tâm của người Việt-Nam đến một độ kinh-hởn. Nếu nhắm mắt lại, ru ngủ lương-tâm và quên mất đi niềm đau-nhức này để kéo lê cuộc sống thì cũng là chấp-nhận một số-phận trong đó ý-nguyện của dân-tộc không ai đếm-kê gì. Còn bưng mắt ra để thấy thì lương-tâm xao-xuyến, lo cho mình, cho thế-hệ hiện-tại và cho thế-hệ đến sau. Trước thực-trạng đó chúng ta lấy thái-độ gì? Chúng ta làm gì? Đã có hai thái-độ được ghi-nhận. Thứ nhứt là thái-độ im-lặng. Trong thái-độ này người ta

hoan-toàn không nói lên ý-kiến gì về thời-cuộc, và không tham-dự vào nó. Thái-độ tuy là một song các nguyên-do thúc-đẩy đến nó không giống nhau. Thờ-ơ, sợ-sệt, chờ xem, thất-vọng, hoài-nghi, bất-cần là một số những nguyên do đó. Nhưng các nguyên-do có thể còn nhiều hơn nữa, vì trong lúc mạng sống con người rẻ, luật-pháp ít người tôn-trọng, hoài-nghi đã thay-thế cho niềm tin bị khủng-hoảng trầm-trọng, con người không thiếu gì lý-do để tránh sự khắt-nghiệt của cuộc đời và ngừng tra-hỏi. Đó là một tình-trạng đau-thương cho những con người có suy-tưởng, vì họ biết trong lúc sự thiện không được biểu-dương thì sự ác được tự-do hoành-hành. Trong thời-đại sa-đọa của chúng ta có lẽ không ai còn lý-do để xót thương cho sự vong-thân của con người nữa.

Thái-độ thứ hai là thái-độ dẫn thân. Cũng như trong thái-độ kia, ở đây chúng ta ghi-nhận nhiều nguyên-do có thể thu-tóm trong hai khu-vực chánh: một là dẫn thân để lợi-dụng thời-cơ và hai là dẫn thân để thay-đổi thời-cơ. Dĩ-nhiên những người lợi-dụng thời-cơ bao giờ cũng đồng-đảo hơn và thắng thế hơn vì quyền-lợi của họ gắn liền vào trật-tự xã-hội hiện-hữu. Còn khuynh-hướng dẫn thân kia là sự biểu-lộ của một ý-thức về tình-trạng xã-hội bịnh-hoạn và một mối tru-tư về phương thuốc trị-liệu. Đó là những người muốn đổi mới xã-hội, giải-quyết những vấn-đề của chúng ta để tiến tới một trật-tự lành-mạnh hơn, một tương-lai tốt-đẹp hơn.

Trở lại với chiến-tranh mà không ai trong chúng ta có thể quên-lãng được vì chứng-vật của nó hiển-nhiên trước mắt mọi người. Bất-cứ một cuộc chiến-tranh nào cũng là một bi-kịch kinh-hoàng cho những người trực-tiếp lâm-chiến trong đó họ bị đặt vào một tình-thế cực-kỳ bi-đát là phải giết để đừng bị giết. Những con người đối-dịch đó, lắm khi ở một hoàn-cảnh bình-thường có thể trở thành những người bạn thân-thiết. Có thể họ là những người cùng sở-thích, đồng cảnh-ngộ gia-đình, đồng có vợ yếu

con thơ, hay đồng có người yêu đang trông-đợi họ. Có thể những lý-do hòa-hợp họ nhiều và mạnh hơn những lý-do xa-cách họ. Nhưng điều bi-đát là khi gặp nhau trên chiến-trường ít ai còn có thi-giờ và tâm-tri để tra-hỏi về ý-nghĩa của hành-vi khùng-khiếp mình sắp phải chứng-kiến hay thi-hành. Và khi họ hướng mũi súng vào nhau, họ đã trút bỏ hết nhân-tính ở người đối-diện, xem nhau như những con người không phải là người cần phải diệt đi. Nếu đối với những người trực-tiếp lâm-chiến, chiến-tranh còn bi-đát như vậy thì đối với dân vô-tội còn gì đau-thương hơn ?

Những người có lương-tâm sẽ nghĩ gì khi thấy những trẻ con bị bom-đốt cháy da thịt, những người cổ bầu-viú vào cuộc đời với gần một nửa hình hài không còn nguyên- vẹn ? Những hình-ảnh đó khiến cho chúng ta đau-đớn vì nạn-nhân là những người cùng chia-xẻ với chúng ta một lịch-sử oai-hùng, một truyền-thống văn-hóa đẹp, một ngôn-ngữ phong-phú, và một lãnh-thổ thân-yêu. Chúng ta hãy cùng nhau nhớ lại Hội-nghị Diên-Hồng vào cuối thế-kỷ 13, khi toàn dân muôn người như một quyết-tâm giúp nhà Trần tiêu-diệt quân Nguyên. Chúng ta hãy nhớ thêm nữa. Nhớ lời khảng-định « Nam-quốc sơn-hà Nam-đế cư », nhớ lời khí-khải « Ta thà làm quỷ nước Nam, hơn làm vua đất Bắc », nhớ khẩu-hiệu « Sát-đát », nhớ « Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần », nhớ « Ta ra quân chuyển này thì manh-giáp chúng nó cũng không còn », và nhiều nữa. Tất cả những lời nói đó còn vang trong tai mọi người dân Việt, và là một di-sản kiêu-hãnh mà tiền-nhân để lại. Ai trong chúng ta có thể chối-bỏ di-sản đó mà không cảm thấy hổ-thẹn với lòng mình ? Cho nên khi chúng ta nhìn một người Việt-Nam khác, chúng ta nên nghĩ rằng đây là một người cùng thừa-hưởng một di-sản như ta và sẽ có thể cùng ta xây-dựng một nước Việt-Nam hùng-cường sau này, chờ không phải là một « con thú hai chân » như một nghị-sĩ nào đó bên kia bờ Thái-Bình-Dương đã nói. Tôi còn nhớ một người Pháp tên Bernard Fall đã chết cách đây trên

phơi nửa năm trong một chuyến đi tuần-tiểu với Thủy-Quân Lục-Chiến Mỹ vùng Đà-nẵng để sưu-tập tài-liệu viết về cuộc chiến-tranh hiện-tại. Ông đã từng viết nhiều quyển sách về chiến-tranh chống Pháp vừa qua, và lịch-sử nước Việt-Nam từ 1945 trở về sau, và trước khi chết đã là giáo-sư Viện Đại-học Howard tại Washington, thủ-đô nước Mỹ. Trong một bài báo ngắn về dân-tộc và nước Việt-Nam, ông ấy đã viết một câu mà tôi còn nhớ mãi : « Người Việt-Nam lúc nào cũng bận-rộn chống ngoại-xâm, và khi không có ngoại-xâm thì họ quay lại đánh nhau ». Để làm bằng-cứ cho lời nói đó ông đan-cử ra thời-kỳ Nam-Bắc phân-tranh trở về sau, cũng như những đời nhà Hồ, nhà Mạc, v.v... Tôi xin dành quyền phê-phán và phản-ứng lại cho quý vị nào vấp phải lời nói này. Ấu đó cũng là một bài học cho chúng ta, để chúng ta biết nhiều hơn về những gì người ngoại-quốc nghĩ và nói về chúng ta. Ví-dụ tôi đã nghe một người ngoại-quốc nhận-xét rằng chúng ta có tinh-thần bài-ngoại (xenophobia). Thật là mỉa-mai. Vì khi dân-chúng ở bên Mỹ có một thái-độ bất-hảo với người da vàng chẳng hạn thì đó không phải là bài-ngoại mà là kỳ-thị chủng-tộc (racial discrimination), hoặc thành-kiến về chủng-tộc (racial prejudice). Hình như kỳ-thị chủng-tộc không đặc-tội bằng bài-ngoại thì phải. Nhưng nghĩ cho cùng, có nên gọi thái-độ của một nước nhỏ và yếu cố-gắng bảo-vệ di-sản tinh-thần của mình trước sự du-nhập vũ-bão của một nền văn-hóa ngoại-lai là bài-ngoại không ? Hay đó là sự biểu-hiện của tinh-thần quốc-gia, mà người ta cố gán cho là một địa-phương-tính hẹp-hòi ? (provincialism). Lịch-sử đã chứa đầy tên những quốc-gia và dân-tộc mà bây giờ không còn ai nghe nhắc-nhở đến nữa. Thật vậy, còn đâu nền văn-minh Minoan sáng chói trên đảo Crete vào đầu thiên-niên-kỷ thứ hai tr. T.C., còn đâu các vương-quốc Sumer và Akkad mà nền văn-minh còn cao-đẳng hơn cả Cổ Ai-cập vào khoảng năm 3.000 tr. T.C., và nhiều nữa ? Và mấy ai trong chúng ta còn nghe đến các dân-tộc Kassite, Mitanni là những người thuộc giống Ấn-Âu đã vượt qua vùng

Caucase từ miền Nam nước Nga về tràn-ngập Mesopotamia và Hurri vào đầu thiên-niên-kỷ thứ hai tr. T.C. ? Dân-tộc Việt-Nam vẫn còn may-mắn là tuy tên mình có thể thay-đổi nhiều lần, cá-tính của dân-tộc vẫn còn tồn-tại qua nhiều thế-kỷ cho đến ngày nay, mặc dầu đã bao lần tiên-nhân chúng ta sống trong áp-lực đồng-hóa mãnh-liệt từ phương Bắc đè nặng xuống. Chúng ta đừng nên buông xuôi theo ảo-tưởng. Lịch-sử loài người bao giờ cũng chứa đầy những xung-đột giữa các dân-tộc. Ý-thức-hệ chỉ là năng-lực đoàn-kết đến một mực-độ nào thôi, cho nên ngoài phạm-vi của nó thì còn lại sự dị-biệt về chủng-tộc. Sự dị-biệt này chính là động-cơ của những cuộc xung-đột mà chúng ta đã và đang chứng-kiến.

Tuy-nhiên giữa thời-đại không-gian ngày nay, chủng-tộc phải hiểu theo nghĩa rất rộng và lỏng-lẻo của nó, bởi vì người ta không còn tìm ra chủng-tộc văn-minh nào thuần-túy cả, ngoại-trừ các dân-tộc bán-khai trong các vùng rừng núi. Chính vì những dị-biệt nói đến ở trên mà Nga và Tàu, tuy cùng chia-xẻ một ý-thức-hệ về kinh-tế và chánh-trị, đang cừu-dịch với nhau còn hơn cả với Mỹ. Có lẽ cũng chính vì những dị-biệt đó — tức là tinh-thần quốc-gia — mà Trung-Cộng gần đây là phát-động một cuộc cách-mạng văn-hóa để hoàn-toàn chối-bỏ và triệt-hạ mọi hình-thức văn-hóa Tây-phương trên đất nước của họ. Cũng chính trong tinh-thần đó mà Pháp đã phản-ứng mãnh-liệt lại sự du-nhập của văn-hóa Mỹ đã ò-ạt lấn-át một số biểu-lộ văn-hóa của Pháp kể từ sau Thế-chiến II. Etienne, giáo-sư ngữ-học tại Viện Đại-học Sorbonne, đã viết cuốn sách « Parlez-vous franglais ? » để chống lại sự sa-đọa của tiếng Pháp trước sự tấn-công của tiếng Anh. Ở các nước khác bên Tây-Âu như Anh và nhất là Đức, sự phản-ứng lại văn-hóa Mỹ có lẽ không mãnh-liệt bằng vì Anh và Đức đều có chung một giọng máu Nordic, còn Mỹ thì tuy là một lò hóa-hợp chủng-tộc nhưng vẫn còn rất nặng máu Anglo-Saxon tức là liên-hệ thị-tộc

với Anh và Đức. Về diêm này có lẽ chúng ta nên nhớ rằng đa-số các Tổng-thống Mỹ đều có những tên Anh thuần-túy như Washington, Lincoln, Adams, Jefferson, Johnson, ngoại-trừ một vài tên khác nhưng cũng thuộc chi Nhứt-nhĩ-man (Germanie) như Roosevelt (Hòa-lan), Eisenhower (Đức). Còn ở trong thế-giới thứ ba thì sự tiếp-nhận nền văn-hóa Mỹ mặc nhiều hình-thức khác nhau. Song đại-đề là một thái-độ tiếp-nhận dè-dặt, để duy-trì truyền-thống văn-hóa dân-tộc của họ. Sự tiếp-nhận đó một phần là vì lý-do rất thực-tế là kinh-tế. Đó là không nói đến những thái-độ kém thân-thiện rõ-rệt như Ai-Cập, Cam-bốt, và nhiều quốc-gia mới khác ở Phi-châu. Còn trong những nước Á-châu nhỏ và yếu đang quay trong quỹ-đạo của nền văn-minh Mỹ thì sự chấp-nhận đó diễn ra êm-thắm, sâu-đậm, đến nỗi những người trong các quốc-gia đó nhìn thấy một mối dây liên-lạc quen-thuộc nối kết họ lại với nhau như thể họ là những người có cùng một truyền-thống văn-hóa chung vậy. Ta có thể kể những nước Thái-Lan, Đại-Hàn, Phi-Lật-Tân, Mã-Lai-Á, Đài-Loan trong quỹ-đạo này. Người ta đã nghe đâu đây nói lên từ-ngữ « Pax Americana » (Hòa-bình Mỹ) để diễn-tả trạng-thái bá-quyền của Mỹ trên thế-giới, cũng như vào những thế-kỷ 1 và 2 của kỷ-nguyên hiện-tại « Pax Romana » đã nhìn thấy La-Mã đương quyền-hành mình bao-dung 4500 cây số từ Bồ-Đào-Nha đến sông Euphrate, và 2600 cây số từ Tô-Cách-Lan đến Soudan.

Ta vừa nhìn qua các mối tương-quan lịch-sử và hiện-đại giữa các quốc-gia trong cộng-đồng nhân-loại. Là một dân-tộc nhỏ bé vừa mới thoát được xiềng thực-dân, có lẽ chúng ta cần có một nhận-định về vị-tri mình, khả-năng mình, nguyện-vọng mình, để tìm một đường-hướng thích-hợp đem nước nhà ra khỏi tình-trạng kém mở-mang hiện-tại. Dĩ-nhiên việc dựng nước không thể thực-hiện trong chiến-tranh, mà cũng không thể đợi được vì chúng ta đã trễ quá rồi. Hãy nhìn lại thế-kỷ 19. Lúc đó Thái-Lan còn

phải nể-sợ uy-quyền của Nhà Nguyễn, và Việt-Nam lúc đó không phải là một nước yếu-kém như ở Đông-Nam-Á. Còn ngày nay quân Thái-Lan, Phi-Luật-Tân qua nước ta và tự coi là cứu-tinh của dân-tộc Việt-Nam ! Một quốc-gia hiện-đại muốn phú-cường không có ngõ nào đi khác hơn con đường kỹ-nghệ-hóa, như là kỹ-nghệ thép. Nhìn lướt qua các kỹ-nghệ của ta, một quan-sát-viên có lẽ không thấy gì để vui-mừng cả. Chính người Việt-Nam, khi cần dùng một hàng chế-tạo nào cũng đòi cho được món làm ở ngoại-quốc. Ngoài ra còn phải phổ-biến giáo-dục cho sâu-rộng vào quần-chúng để cho kiến-thức thay-thế thành-kiến, cảm-xúc, mê-tín và dốt-nát. Nhưng hiện nay nền giáo-dục của chúng ta vẫn còn đang mò-mẫm một hướng đi và sự tương-quan thầy-trò đã thay-đổi theo một chiều-hướng đáng lo-ngại. Chúng ta sẽ trở lại vấn-đề giáo-dục này trong một dịp khác.

Hiện nay một trong những tình-trạng nguy-hiểm là ảnh-hưởng của chiến-tranh vào sự phân-phối dân-số. Một lớp thanh-niên đang bị lôi cuốn vào một cuộc chiến-tranh mà hình như không một người Việt-Nam nào có thể chấm-dứt được. Họ là những khối óc và bàn tay mà nước ta cần để xây-dựng cho ngày mai. Sự vắng mặt của họ là cái họa cho đất nước. Đã có biết bao nhiêu người trong số này không bao giờ trở về với chúng ta nữa ? Mà tình-trạng của chúng ta đã khả-quan gì hơn không ? Chiến-tranh đã làm tiêu-hao lực-lượng, tài-nguyên của chúng ta khiến cho từ chậm-tiến chúng ta đã đi đến kiệt-quệ. Từ một nước xuất-cảng gạo (500.000 tấn năm 1939) chúng ta đã trở thành một nước nhập-cảng gạo trong lúc mọi chi-phí quốc-gia đều phải tùy-thuộc ở ngoại-viện. Không nên lấy làm lạ khi một thượng nghị-sĩ ngoại-quốc cho rằng nước ta là một nước ăn xin nữa, vì đã từ lâu ngân-quỹ quốc-gia của chúng ta là một túi tiền không đáy. Tài-chánh eo-hẹp, nhân-lực thiếu-thốn, tài-nguyên không khai-thác là những vấn-đề mà chiến-tranh đã đặt ra cho chúng ta một cách khẩn-cấp.

Giải-pháp tùy-thuộc vào sự chấm-dứt chiến-tranh, mà sự chấm-dứt này không tùy-thuộc ở chúng ta.

Tình-trạng của nước chúng ta ngày nay nhắc-nhở cho ta nhớ một sự thật trường-cửu : là chiến-tranh mãi-mãi sẽ là lối giải-quyết các sự xung-đột giữa loài người. Mặc dầu mọi phe lâm-chiến đều kêu-gọi tình thương và nhân-danh tinh thương mà hành-động người ta vẫn chưa tìm thấy tinh-cách nhân-đạo nào trong chiến-tranh cả. Chúng ta có nên gọi chiến-tranh là cơn ác-mộng của nhân-loại không hay nó chỉ là một hành-vi thiết-yếu gắn liền với cuộc sống ? Có nên tin rằng sự hãi-hùng của chiến-tranh sẽ làm cho con người từ-bỏ chiến-tranh mãi-mãi hay là tin rằng con người đã từ lâu ngừng tiến-bộ về đạo-đức rồi ? Nếu quả thật những tiến-bộ về đạo-đức không bao giờ theo kịp tiến-bộ về kỹ-thuật thì con người có nên cầu-nguyện cho chính mình không ? Đối với một nước nhỏ-bé như nước ta mà bom đạn cây nát, nhân-loại nghĩ gì ? Những con người Việt-Nam còn lương-tâm, nhìn thấy tấn bi-kịch của đất nước, không biết có nên tiếp-tục tra-hỏi hay ngừng tra-hỏi. Đó là niềm đau-nhức của chúng ta.

LÊ DUY 1 ÂM

Trại của máy

HƯNG-ĐẠO

**393B, ĐẠI LỘ TRẦN HƯNG-ĐẠO
SAIGON**

— Làm môi-giới mua bán các thứ gỗ Dầu, Sao, Bằng-Lãng

— BÁN ĐÒN TAY VÀ VÁN BẰNG LÃNG

— CHUYÊN MÔN ĐÓNG THÙNG ĐỦ CỠ

ĐỒI NGHỀ

* Truyện ngắn của MINH QUÂN *

Tôi nói với học trò tôi : « Các em hãy nhớ điều này : ta học ngoại ngữ cốt để hiểu được cái hay, cái đẹp, cái tiến bộ, để biết rõ phong tục xứ người chứ không phải chỉ để nói như một con vẹt... ta học cốt... »

Đang thao thao bất tuyệt, tôi ngỡ ngàng dừng lại vì thấy rõ sự phản đối trong ánh mắt học trò, nhất là các nữ sinh. Tôi đã quên rằng những người này đến để mua sự hiểu biết — nói rõ ra, để biết tiếng Mỹ cấp tốc — chứ không phải là học trò đúng với nghĩa và chữ ấy, những học trò mà tôi yêu mến trong lớp của tôi. (Tôi cũng không hề có ý định dạy thêm ban đêm như thế này. Đó là một sự bắt buộc mà thôi). Họ đâu cần hiểu đến cái hay cái đẹp ? Viết đúng chính tả ư ? đúng văn phạm ư ? họ đâu cần chuyện đó ? Tôi nói dở, không biết luyện giọng chúng, điều ấy quả đúng và do đó, tôi không được họ ưa chuộng bao giờ.

Bây giờ, tôi không còn ngạc nhiên hay cau mày khó chịu khi đi ngang mấy thân cây, mấy ngã hẻm, mấy góc đường mà thấy những câu quảng cáo đỏ chóa mắt la liệt đúng tầm mắt, những câu quảng cáo ngắn, nhìn đau mắt, đọc chối tai như : Tiếng Mỹ nói ngay !

Vâng ! tôi yêu nghề dạy học. Tuy gia phả nhà tôi cháy tiêu tan trong thời Kháng Chiến, thời tôi chưa biết đọc, tôi vẫn kiêu hãnh về ông cha tôi.

Cứ theo lời mẹ tôi nói lại thì ông cố tôi treo ấn từ quan về quê dạy học vì người không chịu được cảnh trái mắt ở triều đình. Ông nội tôi theo gương ông cố, nên dù đỗ đạt cao, người vẫn không chịu ra làm quan mà thay cố tôi trong việc truyền đạt chữ nghĩa Thánh Hiền cho đoàn hậu tấn. Trong vùng tôi, hiếm thấy nhà ai mà cha con hợp nhau đến thế. Song đến đời cha tôi thì có một mâu thuẫn ngầm ngầm đáng kể xảy ra : Mỗi lần ông nội tôi vượt rêu tổ về hài lòng, ca ngợi kết quả của sự theo đuổi Nho học, nói rằng môn sinh của người đều giữ tròn tiết nghĩa không thềm ra làm quan với người Pháp, hoặc vì bị bắt buộc phải hợp tác, họ vẫn không hề luồn cúi, không thềm mặc âu phục, vẫn giữ đúng Nho phong sĩ khí, không để « tội Tây » khinh nhờn, coi rẻ ; người đã không những được cha tôi tán đồng mà cha tôi còn tỏ ra nghi ngờ lòng son sắt của hạng người này.

Ông tôi không bằng lòng thái độ cha tôi. Cho đến một hôm, nhân ông tôi kể chuyện rằng một môn sinh của người vì bất bình thái độ khiếm nhã của viên chủ sở, đã tát vào mặt hắn một cái nên thân. Ông tôi nói :

— Đó, con coi, coi cái khí phách của học trò ta, con chớ...

— Thừa cha, khí phách đó vẫn không cứu được nước, khí phách đó như viên ngọc bày trong tủ kính, vô dụng cho kẻ đói... khí phách làm gì ?

Đột nhiên ông tôi nổi giận lên :

— Thế còn mày ? Mày theo tân học, mày làm gì hở quân vô phụ, vô quân ?

(Nguyên là cha tôi cứ hay nhắc đến « tội làm mất nước » của triều đình và nho sĩ, còn ông tôi thì cho là tại « mệnh trời bất thế »).

Cha tôi lặng thinh trước cơn thịnh nộ của ông tôi. Song sự lặng thinh này không hề có nghĩa là cha tôi *biết hối*, ông tôi hiểu thế. Đồi mảy xếch lên, môi mím lại, mắt

sáng quắc khi ông tôi bắt gặp ánh mắt người. Thật chẳng khác chi cha tôi nói : « Bọn môn sinh của cha toàn vô dụng hết, chẳng đáng giá chi đâu, cha đừng tự phụ, con biết tất, con biết tất, có điều con không muốn nói mà thôi ».

Ông tôi đỏ bừng mặt, quát lên :

— Mày làm gì đâu ? mày làm gì hơn đâu, chỉ ta coi ? Cho đến chuyện sách đèn cũng nhắc nhỡn bé trẻ... ta đã chẳng thèm kể đến, lại còn... (người nghiêng răng) mày và lũ bạn vô dụng súc sinh của mày thường đàn đúm, tụ họp... làm cái gì đâu ?

Đó là lần đầu mà cũng là lần cuối trong đời người, người nặng lời với cha tôi và tỏ ra giận dữ. Mẹ tôi nói rằng ông tôi vốn điềm tĩnh, hiền hòa. Cha tôi như cố gắng hết sức để không lớn tiếng với ông tôi. Người cúi đầu, thấp giọng :

— Thưa cha, chúng con sẽ làm, chúng con đang làm, cha chưa biết đó thôi...

Và, không để cho ông tôi tra gạn lời thôi, người lui ra sau khi nói ngắn ấy tiếng. Đó là lần hội kiến cuối cùng giữa ông tôi và cha tôi.

Sau này (vẫn lời mẹ tôi kể lại) khi hay tin cha tôi bị bắt, bị dày, ông tôi hết sức buồn rầu. Và, luôn luôn câu phảm bình hành động con trai của ông tôi vẫn chỉ có bốn tiếng : *Hậu sinh khả úy !* Điều làm mẹ tôi băn khoăn là trước sau ông tôi không hề cho xung quanh biết ý kiến người đối với việc của cha tôi làm : không trách, không khen, cũng không hề tỏ ý hối hận đã mắng con trai trước khi vĩnh biệt.



Tôi hết sức yêu kính cha tôi, song từ yêu kính đến noi gương là việc khác xa nhau cả một trời, một vực. Huống chi tôi không hề được gần gũi cha tôi và cái hình ảnh của một tù nhân, áo số, nón mè thường cất cở ở mấy

công viên bên cạnh những tên lính gác tay lăm lăm ngọn roi mà những buổi đi học về tôi bắt gặp làm tôi rùng mình kinh khiếp.

Tôi là con một nên ông và mẹ dồn hết tình thương yêu vào cho, trừ giờ đi học, tôi không rời hai người thân yêu này một phút. Cha tôi chỉ là một cái bóng mờ, tuy thỉnh thoảng cái bóng mờ đó vẫn đủ ma lực làm nhỏ nước mắt của hai người. Tôi kính quý cha tôi nhưng tôi không bao giờ mơ ước hành động như ông. Ông là một cái gì cao quá không bao giờ tôi với tôi mà cũng không mong với tôi.

Có lẽ tôi chịu ảnh hưởng của mẹ và ông, tôi thích *yên ổn* và rất sợ những đổi thay xáo trộn, cho dù chỉ một cuộc dọn nhà. (Tâm hồn như vậy mà lại phải sống trong thiên miên lo sợ, hải hùng suốt cả thời thơ ấu).

Ông tôi rất hy vọng tôi nối nghiệp nhà, cái nghiệp nhà mà cha tôi đã không... thêm nói như người kỳ-vọng. Và Ông tôi chết khi chưa được mãn nguyện.

Về phần tôi, càng lớn tôi càng khao khát được *yên ổn* dù tôi biết rằng được *yên ổn* ở dưới thời này thật là một điều khó khăn. Ngoại cảnh không cho phép mình được *yên ổn* như mình muốn. *Con lối thời đại như cuốn xoáy lấy mọi người.*

Nhưng rồi tôi cũng chọn nghề dạy học là cái nghề mà mẹ con tôi đều đồng ý cho là khá yên thân. Ít nhất trên mảnh đất bị chia cắt này trước nay nhà giáo cũng không bị bên này hay bên kia thù ghét, nghi ngờ. Ít nhất, nó cũng đã là một nghề ít nguy hiểm hơn các nghề khác, có ích cho mọi người thực và lúc nào cũng cần thiết, dù loạn, dù bình. Người ta không thể vi đánh nhau mà đóng cửa trường học lâu ngày được. Tôi biết nghề dạy học bây giờ không được kính nể như thời ông tôi, song là một nghề ít lo thất nghiệp và tuy không giàu có, người ta vẫn có thể sống một cuộc đời đều đặn, tầm thường *không lo đói lạnh và không quá vất vả, lao lực như một nông phu.*

Vả lại, tôi vốn quen với nếp sống thanh bần từ nhỏ, cho đến chuyện ăn uống — mà người ta thường nói rằng người đàn ông nào cũng thích — tôi vẫn không mấy quan tâm. Với tôi, qua quít thế nào xong bữa là được, những gia vị mạnh tôi không hề ưa chuộng. Như vậy, tôi đâu mong ước được kiếm nhiều tiền? Để làm gì? Tôi không uống rượu được, không hút thuốc lá. Không những tôi không thèm khát mà còn muốn tránh xa những người sang trọng, giàu có. Tôi không ganh tị, mà tôi thương hại họ: vì họ đã khổ công tính toán, lo nghĩ để được làm giàu, họ đã vất vả để tằm bỏ thân xác họ, bọc gói thân xác họ trong những hàng vải đắt tiền, chịu bao nhiêu là bực bội lúng túng vì kiêu cạo, phải giữ gìn từng ly từng chút. Để làm gì? Đi đến đâu ngày cùng của những đàn ông và đàn bà đó? Họ đều cũng không tránh khỏi thông lệ kia mà. Cũng như khi mới sinh ra mọi người đều trần truồng, bình đẳng, khi họ nằm yên trong lòng đất thì thể họ có khác chi thì thể của những đồng loại nghèo nàn? Cũng tan rữa, cũng làm phân cho đất, cũng là món ngon cho dòi bọ mà thôi.

Tôi mệt giùm cho họ khi nghĩ đến những hành động của họ: luồn cúi, dối trá, gian xảo, tàn ác, hiếp đáp người này, tâng bốc người kia... ối chao! mệt!

Mẹ tôi thì rằng: thời buổi nhiều nhưong này chỉ nhà giáo là giữ tròn nhân cách, giữ chặt lương tri — như bọn trọc phú giữ của chằng? — và lý lẽ vững chắc nhất của mẹ tôi là vì của tôi đã... thế thì tôi lại càng phải trở thành nhà giáo, theo đúng lời trời trăn của ông tôi. Mẹ tôi có một mình tôi, bà không muốn tôi lại phải chết như cha tôi trong ngục thất hay ngoài chiến trận. Tôi phải sống! nghề dạy học rất có nhiều hy vọng được hoãn hay miễn dịch, các đồng nghiệp tôi trước nay không từng được đặc ân đó là gì?

Mẹ tôi vô lý sao? Gần trọn đời người có khi nào được sung sướng, bình yên đâu? Người đã không khổ sở vì cha tôi sao? Vậy, làm nghề dạy học không những hợp với tôi

mà còn vui lòng mẹ, cái gì làm tôi do dự? Làm nghề này, tôi không được ai ngợi khen, ca tụng nhưng cũng không bị ghét bỏ, khinh chê. Tuổi trẻ của tôi bị bao bọc trong bất an, trong lo sợ cho nên tôi không thể can đảm, không thể nghĩ đến chuyện to lớn như cha tôi. Nhưng đã làm sao? Chắc cha tôi cũng biết mà tha thứ cho tôi — nếu có giới linh hồn, chứ? — Huống tôi nào có làm gì tội lỗi? tôi nổi nghiệp cũ mà. Tôi cố tránh để khỏi bị cuốn vào cơn lốc đã là một việc khó khăn rồi, tôi không làm lắm, nhem đến danh dự tổ tiên không là quý báu lắm sao?



Buồn cười một điều: tôi chọn nghề dạy học vì những lý do trên, vì ích kỷ, muốn yên thân, thế mà dần dà tôi trở thành tha thiết yêu nghề, yêu trẻ, tôi có cảm tưởng không một sức mạnh nào cảm dỗ tôi được, tôi có thể hy sinh (!) có thể chịu thiệt thòi đến bao nhiêu đi nữa cũng được, không kêu ca, hối hận.

Tôi như con ốc, chỉ thích thu mình trong chiếc vỏ cứng, không ưa giao tiếp với thế giới gạn lọc, lừa đảo bên ngoài mà không được. Gần lũ trẻ, ít nhất tôi cũng được an ủi ít nhiều, vì dù sao, học đường vẫn chưa đến nỗi quá xấu xa, như bản.

Tôi tự ví mình với một con cạp dữ, thuần tình vì nghe kinh nhiều quá! (một câu chuyện tôi đọc lúc còn bé và tôi không bao giờ tin) bây giờ, tôi thấy lòng sung sướng, yên ổn rất nhiều. Cái yên ổn mà tôi thèm khát đã lâu, không người, nghĩ, trước khi tôi khám phá được sự thay đổi ở trong tôi!

Song — nói theo mẹ tôi thì số tôi vất vả hay sao ấy — từ khi tôi cảm thấy yêu nghề thì tôi bắt đầu khổ tâm về thái độ vợ tôi. Nàng không còn hời hững, lo sợ cảnh đạn bom chết chóc nữa là nàng bắt đầu bắt mắt về tôi: lương tháng có chừng ăn tiêu dè xẻn, nàng không được tự do may sắm như các bạn nàng, vợ của những nhà buôn, của các sĩ quan,

của những người làm cho Mỹ... Nàng rất bực mình phải ngồi sau lưng tôi khi ra phố. Theo ý nàng, tôi đâu bắt tài hơn chồng lũ bạn nàng, đâu đến nỗi không sắm được cái xe hơi? Sao mức sống chúng tôi cứ thấp lè tè trong khi nếp sống « bọn kia » lên nhanh vun vút?

Vợ tôi đánh rơi mất cái điều tự phụ « nghèo sạch rách thơm » mà nàng học được ở cô giáo, ở mẹ nàng và ở mẹ tôi từ khi vào Sài Gòn nơi ăn chốn ở và mạng sống không còn bị đe dọa ngày đêm! Vậy mà tôi nào hay biết?

Trông ánh mắt nàng ngồi lên những khát khao thêm muốn, tôi chỉ thở dài chứ không biết làm cách nào hơn.

Suy cho cùng, nàng nào có lỗi chi? nàng là đàn bà mà đàn bà nào không ưa sang ưa đẹp, ưa ăn tiêu xa xỉ? nhất là những món trang sức, tiện nghi đó cứ như chọc vào mắt nàng?

Tội nghiệp nàng! nàng quá trẻ, lại ít chữ nghĩa hơn tôi, khó lòng mà lĩnh hội được cái hay ho, cái cao quý của cái *đẹp bên trong*. Nàng lại khá đẹp, không biết từ bao giờ, nàng tiêm nhiễm cái ý nghĩ: người đàn bà đẹp phải sống một cuộc đời sung sướng đầy đủ về vật chất, không thì phí hoài đi!

Có người lý luận: người đàn bà đẹp nào đầu óc cũng rộng tuếch, đó là luật bù trừ của tạo hóa. Tôi không tin như vậy, nhưng tôi có điều nhận xét thế này: những người đàn bà đẹp, hoặc vừa phải, hoặc xấu đi nữa mà hề họ quá ưa làm đẹp thì thật là khó chịu! Bởi lẽ họ mãi lo tô chuốt sẵn sàng cho mình họ, họ trở thành một hình nộm và ích kỷ đến nỗi quên mất cả chồng con là những người gần họ nhất.

Cho con bú ư? họ sợ hư ngực. Rửa bát, lau nhà ư? họ sợ nổi gân tay, may vá ư? còn chỉ những móng tay mà họ nâng niu, mài dũa, đánh bóng? Ra nắng ư? hại da mặt chết, họ đâu dám! Và lại, soi gương ngắm bóng suốt ngày, còn thì giờ đâu nữa mà hồng... chưa kể họ còn với

vĩnh nợ kia, ông chồng chỉ những chiu ý họ cũng đủ bở hơi tai.

Không, công bình mà nói thì vợ tôi không đến nỗi thế. Ban đầu, nàng chỉ tỏ ra ưa đi dạo phố. Không đưa nàng đi thì nàng giận dỗi, trách móc, bóng gió xa xôi rằng tôi lạnh nhạt với nàng... rằng tôi quên nàng... hết yêu nàng...

Ừ, thì dạo phố, tốn kém chi đâu mà không chiu nàng một chút? với lại giam mình trong lớp, trong nhà mãi cũng nghe mèn mẹt thế nào ấy, ra ngoài thở một chút cho nó thoáng, hại gì?

Vợ tôi vui vẻ ra mặt, nàng dừng lại ngắm vật này, chỉ trỏ vật kia, xuýt xoa khen cái nợ. Tôi thề là nàng không hề có đòi mua. Không phải nàng không thích nhưng vì lẽ nàng biết hơn cả tôi về tình hình tài chánh gia đình, mà những thứ chung bày trong các nơi đó, thứ nào cũng sang, cũng đắt, cũng quá túi tiền của chúng tôi. « Em không chịu được bọn hãnh tiến, cái bọn... kia, anh trông, trông nó mặc cái áo kim tuyến tím kia! thật phí của trời! »

Nàng không nói thêm tiếng nào nhưng tôi biết nàng rất muốn nói rằng: « Giá em mặc thì hợp... thì đẹp biết bao! » Tôi đi bên nàng, vừa nghĩ ngợi về những chuyện *không may* của các bạn tôi trong lúc đi chấm thi ở Cần Thơ vừa bần khoản về cái ý nghĩ: nếu kỳ này mình không được hoãn... thì nàng tiếp: « Anh còn nhớ hai câu thơ «Chí cha chí chất đua giày dép, đen thui đen thui cũng lướt là» của ai không? » và nàng bủ môi ra tuồng khinh thị bọn hãnh tiến đang lướt qua, diễu lại trước mặt chúng tôi. Tôi định trả lời nàng câu hỏi nhưng vợ tôi như đã quên câu vừa hỏi, nói sang chuyện khác:

— Này anh, em không hiểu tại sao hàng nội hóa ngày càng tệ, mau phai màu, bở rẹt mà cũng lên giá.

Đó, lúc nào nàng cũng khôn khéo bố trí cho những lời nói xoay quanh câu chuyện lên giá, đắt, rẻ, xấu, đẹp làm tôi đến mết nhài.

Và thường thường, tôi vẫn ung dung trả lời, cắt nghĩa rành rọt tại sao, tại sao... Các bạn tinh, nếu tôi đã không có nhiều tiền như nhiều kiến thức thì ít nhất tôi cũng không nên hà tiện lời nói với nàng, và phải vui lòng chia sẻ kiến thức đó cùng người bạn đường của tôi chứ, phải không?

Nhưng hôm ấy, không hiểu tại sao tôi đã câu tiết lên, chắc là tại trời nóng. Ấy, trời nóng làm cho người ta mất bình tĩnh, dễ câu giận lắm, chắc bạn cũng đồng ý chứ? cho nên tôi đã xầm xảng nói với vợ tôi: « Rõ đàn bà! em không có chuyện gì khác hơn chuyện hàng vải, thức ăn hay sao? cứ mở miệng ra mà không nói mấy chuyện đó thì so bì, kèm cựa nọ kia ».

Thế là cuộc đi chơi mất vui. Vợ tôi làm lý rất nhiều ngày rồi đến một hôm nàng đột ngột ngỏ ý muốn tôi đổi nghề. Ban đầu nàng lý luận rằng khối người dốt nát mà làm tiền gấp bốn lần tôi — lý luận cũ mèm, cũ rích tôi nghe hầu đã nhàm tai, hết còn tự phụ — Rằng nghề dạy học hết thời rồi, ai kính trọng nữa đâu? Chỉ có một lý do vẫn theo nhận xét của nàng — để tôi bám vào trường ốc, đó là cái hy vọng được hoãn dịch hay miễn dịch, nhưng mà cái hy vọng đó bây giờ ngày càng mong manh. Người khác — nàng không nói rõ nhưng tôi biết nàng ám chỉ ai — mà đi lính thì vợ con họ còn có của chim của nỏ chứ tôi mà...

Vợ tôi có tính không nói hết câu, nhưng cần gì phải nói hết, rõ ràng quá kia mà.

Khốn nỗi, tôi không thể chịu ý vợ tôi dù bây giờ cái hy vọng khỏi bị động viên đã mong manh đúng như nàng nói. Tôi yêu nghề và vui lòng chịu thiếu thốn về vật chất để thỏa mãn tinh thần. Tuy vậy, tôi không nói gì với nàng cả. Vợ tôi đã khác xưa rồi. Nàng không muốn nghe, không muốn hiểu... nàng mờ mắt vì những cám dỗ xung quanh.

Tôi chỉ có một cách đối phó: lặng im. Nàng rất hiểu cách đối phó của tôi. Và một hôm nàng nói thẳng với tôi: nếu tôi không đổi nghề thì nàng đi làm vậy! « Em làm gì? » Tôi tức nghẹn hỏi.

Vợ tôi vẫn ung dung:

— Chán gì việc làm? tui bạn em...

Tôi gầm lên:

— À! lại tính đi làm cho Mỹ phỏng? Tôi không ngờ mợ...

Nàng vẫn bình tĩnh trước cơn giận dữ của tôi:

— Đã làm sao? chẳng có nghề nào xấu. Chỉ có người xấu mà thôi. Nhưng mà nói thế, chứ em có đi làm cho Mỹ đâu? (nàng dụ giọng) đó là em muốn giúp anh, chứ em có thích đâu? chưa chi anh đã...



Úi chào! mệt! nghĩ ngợi đến nhức cả đầu. Mà sao tôi cứ băn khoăn nghĩ ngợi làm chi chớ? Sao tôi cứ bám vào nghề dạy học? Ôm mãi cái nghề túng, tính toán chi lý từng đồng nào thú vị gì? Đòi bây giờ! đòi bây giờ! các bạn tôi thường bĩu môi miệt thị những giá trị cũ bằng ba tiếng đó.

Phải! đòi bây giờ đã khác trước nhiều, khác hẳn. Khác biệt. Không giống lấy một ly con. Và lại tôi không muốn vợ tôi khổ nữa, không muốn thấy con tôi thiếu thốn mãi nữa.

Tại sao hôm qua tôi lại nghe lời nàng cho con tôi cùng đi đến DEPARTO? Một mình nàng thèm muốn tôi không đủ khổ rồi sao? Mà tại sao tôi lại cứ chịu nàng, đưa nàng tới chỗ đó? Thằng bé đến hư, nó trì xuống hết tướng lên đòi cho được con gấu bông trắng như tuyết đọng trong tủ kính, lúc đó vợ chồng anh Linh cũng vừa trò tới. Anh ta là đồng nghiệp cũ của tôi. Bây giờ đã bỏ nghề dạy học, đi làm sở Mỹ. Vợ anh ta thôi mặc áo dài từ hơn nửa năm

may. Mặc đầm. Mặc Tây. Mặc Tàu. Đã có lần vợ tôi nói rằng chị ta bảo nàng muốn mặc áo dài nào của chị thì cứ lấy. Áo toàn thứ đắt tiền, hàng Hồng Kông, hàng Nhật, hàng Pháp cái nào cũng mới nguyên, nhưng chị không thích mặc nữa. Giọng vợ tôi xót xa: «Trông đẹp thật, nhưng em không thèm lấy, mình đâu phải hạng ăn may? lấy như thế, nó khinh...»

— Sao lại khinh? — tôi thật thà nói — em cứ nghĩ vậy, nhiều khi...

— Sao không khinh? — vợ tôi trợn mắt lên — em đâu có thân gì lắm với chị ấy? Vả lại chị ấy đâu có tốt gì, chẳng qua chẳng biết cho ai, bà con ở nhà quê mặc làm sao được... nên mới....

— Lại suy diễn thêm ra — tôi cười bảo vợ tôi — có lẽ chị ấy tinh thật, đàn bà... đến là khó chịu....

Giọng vợ tôi chi chiết:

— Phải, đàn bà khó chịu! Còn đàn ông thì dễ chịu... Em chưa thấy ai gàn như anh, chỉ có anh mới đang tâm để vợ con như thế này được trong thời buổi này...

Cuộc đấu khẩu trở nên dữ dội. Câu chuyện đã lâu mà mỗi lần nhớ tới tôi còn tức nghẹn, tức vì vợ tôi ngày càng tối mắt vì cảnh sang giàu đó và lạ kỳ một điều càng ngày nàng càng ương ngạnh, không còn chút bóng dáng người đàn bà nhu thuận ngày mới thành hôn.

Cứ cái đà này nàng sẽ móm cho các con tôi cái tư tưởng là cha chúng muốn đẩy dọa mẹ con trong cảnh nghèo túng vì một chút danh tiếng hão. Chúng gần mẹ hơn, chúng sẽ tin mẹ chúng hơn cha.

Trong bóng tối, tôi ôn lại câu chuyện chiều qua, nhớ lại cái vẻ thích thú hả hê của nàng khi nàng biết rằng tôi đau đớn khổ sở vì không chịu được con tôi.

Đời bây giờ! Thật là khó khăn: Tôi không thể giải thích cho con tôi hiểu được, nó còn nhỏ quá. Người lớn kia

mà còn sa lầy vì những ham muốn thay một đứa trẻ lên năm.

Hướng chi con tôi lại có một người mẹ thường tỏ ra thương con bằng cái tình thương cạn cợt, được nuôi dưỡng trong tình thương đó, con tôi sẽ chỉ biết đòi hỏi, ước ao, thèm khát như mẹ nó, không ngớt *nhìn lên*, kèn cựa so bì... rồi con tôi sẽ ra sao? Tim tôi như thắt lại...

Không! Tôi không muốn nghĩ ngợi gì nữa cả. Tôi mệt lắm. Nhưng tôi không ngủ được. Nằm yên nghe trí óc làm việc lại còn vất vả hơn là vượt núi, trèo đèo. Mệt quá! Tôi phải làm một cái gì. Tôi mặc áo, mang giày. Phải đi.

Mở cửa ra, trông con hẻm mà ngao ngán: Cơn mưa từ chiều làm cho lối đi ngập vừa nước, vừa bùn. Dưới ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn đường, nước loang loáng, mấp mé ngay mái hiên, thấp thò như muốn tràn vào tận trong nhà, nếu ban chiều vợ tôi không tiên liệu dùng mấy chiếc bao gạo cũ chặn lại. Thốt nhiên, tôi thấy thương vợ tôi hết sức. Nàng không khác gì vợ một người lao động nào ở xóm này, chỉ được cái khéo léo bài trí che dấu sự vất vả đó mà thôi. Nàng vẫn thường nói với tôi rằng trong rổ chợ những người đó có nhiều thức ăn đắt tiền hơn rổ chợ của nàng. Tôi đã không thèm từ hử cho đến một hôm nghe mãi, tôi phát khùng lên, nói:

— Đứng! Nhưng em muốn anh làm gì bây giờ? Rổ chợ họ có thức ăn ngon là vì họ không phải tốn nhiều cho khoản móng tay, sơn, phấn, cho giày áo như em. Nếu em đã đặt nặng vấn đề sắc đẹp đến nỗi bóp hầu, bóp họng chồng con thì đáng ra, em cũng nên đủ can đảm nhìn chồng con ăn rau mắm chứ? Sao em ích kỷ thế? Cái gì cũng muốn, cũng ung vo vào hết cho mình là nghĩa làm sao?

Vợ tôi mở mắt trừng trừng nhìn tôi, hình như nàng không thể tin rằng chính tôi vừa thốt ra những lời kia. Chao ôi! Nói ra như vậy tôi cũng xấu hổ lắm chứ, tôi không phải là thứ người tham ăn. Ăn để sống, tôi tự nhủ thầm

như vậy. Con người mà coi chuyện ăn, chuyện mặc, chuyện sung sướng về vật chất là trọng thì khó lòng mà bảo toàn được nhân cách, thời xưa còn vậy huống chi ngày nay ?

Nhưng tại sao vợ tôi lại không chịu hiểu như vậy mà còn kiếm cách làm khổ tôi, mè nheo day nghiến không ngớt về chuyện ăn, chuyện mặc, chuyện chưng diện tiêu pha ? Nàng còn muốn tôi làm gì nữa ? Tôi đã phải đi dạy ban đêm — và tôi rất khổ tâm vì không vừa lòng những học sinh đến trường để mua chữ — nhưng tôi vẫn có thêm tiền để đưa nàng kia mà.

Tôi kể đến đâu rồi nhỉ ? Đầu óc tôi thế đấy ! À ! Tôi định đi. Nhưng nhìn giòng nước loang loáng tôi dám ngại. Tôi không sợ lội bùn, có điều nghĩ đến bộ quần áo lấm bẩn phải thay, giặt, trong lúc bộ kia chưa khô tôi đành trở vào nhà.

Thôi thì đọc báo. Ban chiều, bị cúp điện nên tôi chưa đọc được xem trong báo có gì lạ. Đọc báo, tôi quên đi được những chuyện bực mình ít nhất cũng được vài giờ.

Để nguyên áo quần, tôi ngồi lại bàn ăn, vận điện lên.

« Hoa Kỳ sẵn sàng nhượng bộ đôi chút đề... »

« Một phi cơ Mỹ rớt ở gần biên giới Cambodge »...

« Chiến lược mới của Anh ».

« Thiếu tướng Kỳ tuyên bố lý do... »

« Cuộc tuyển cử sắp đến sẽ... »

« Gạo Thái Lan hạ giá mỗi bao... ».

Có thể nói đây là những giòng tôi chú ý nhất. Gạo hạ giá ? Chuyện đó liên quan đến tôi hơn các chuyện to lớn kia. Tôi đã tuột, từng cấp một, trong những mối ưu tư, suy nghĩ rõ ràng rồi ! Nhưng kia, một tin khác làm tôi giật mình, chú ý hơn : « Một giáo sư bị thí sinh giết chết tại Nha Trang ».

Tôi nín thở đọc. Tôi hoa mắt lên. Ghê gớm không ? Đồng nghiệp tôi bị thâm sát ! Còn chuyện nào ghê gớm hơn không ? Nghề dạy học ! Đòi bầy giờ ! Vợ chồng anh Linh ? Những áo dài của chị ấy ! Đòi mắt con tôi ! Về hả hê của vợ tôi ! Con đường loang loáng nước. Rồ chợ ít thức ăn ? Những lục đục trong gia đình từ lâu nay....

Tôi quyết định cấp tốc. Phải đòi nghề ! Phải đòi nghề ! Mai này, thấy tôi nhượng bộ, vợ tôi sẽ rất hài lòng mà không cần tìm hiểu tại sao. Nàng cần chi hiểu ? Mà tôi cũng không muốn để cho nàng biết rằng tôi đòi nghề vì sợ chết, chứ không phải vì những mè nheo của vợ, những giòng nước mắt của con hay muốn hăng người nọ, người kia, những kẻ hãnh tiến mà vợ tôi rất khinh ghét và cũng luôn luôn mong như họ.

Bao nhiêu dây thần kinh căng thẳng trong cơ thể tôi lâu nay như cùng một lúc được buông chùng lại. Chúng không giữ được tính cách đàn hồi cũ, nhưng cần chi ? Tôi đã quyết định xong và thấy khỏe trí lắm rồi ?

Đó, thưa bạn, đầu đuôi là thế, tôi xin thề không thêm, không bớt chút nào. Tôi đã cố bám lấy nghề cao quý mà tổ phụ tôi hãnh diện, nhưng nay... sức người có hạn, biết làm sao ?

MINH QUÂN

HÃY ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

— Nêu các vấn-đề thời-đại Việt-Nam
— Có nhiều bài văn-học miền Nam

MỤC DỊCH SÁCH :

中國哲學史

馮友蘭著

Trung-Quốc Triết-học Sử

Nguyên-tác chữ Hán : PHÙNG HỮU-LAN

Bản dịch : AN-CU

THIÊN THỨ NHỨT : *Tử học thời-đại*

CHƯƠNG THỨ NHỨT : *Những điều mở đầu*

(Tiếp theo)

8) Lịch sử với triết học sử

Lịch sử có hai nghĩa : Một chỉ *bản thân của sự việc*, Trung quốc có bốn ngàn năm lịch sử, lúc ấy trong tâm của người viết, không phải nghĩ tới bất cứ một cuốn sử nào, mà nghĩ tới cuốn THÔNG GIÁM vậy. Trong cuốn này, nói tới trong thời đại qua, Trung quốc tích trữ sự việc của bốn ngàn năm, đó chính là lịch sử, đương nhiên là bản thân của sự việc. Lịch sử còn có một nghĩa nữa, đó là *sự ghi nhận các sự việc*, như cuốn THÔNG GIÁM, SỬ KÝ, thì là lịch sử, tức là dựa theo nghĩa này. Tổng quát mà bàn, gọi là lịch sử hoặc chỉ toàn thể hoạt động của người lãnh đạo hồi bấy giờ hoặc là sự ghi chép các hoạt động này của sử gia. Còn hai cách gọi nữa, *tức bản thân của sự việc*, gọi là lịch sử hoặc gọi là lịch

sử khách quan ; hay nữa *tức sự ghi nhận sự việc*, gọi là « lịch sử viết », còn gọi là lịch sử chủ quan.

Tình thế của một thời đại cùng các phương diện của trạng thái tư tưởng có thể ảnh hưởng đến triết học của một nhà triết học. Còn phần triết học cũng có ảnh hưởng đến lịch sử. « Anh hùng tạo thời thế, thời thế tạo anh hùng », ấy là sự hỗ tương của nhân quả. Một thời đại có tinh thần thời đại của thời đại đó. Triết học của một thời đại tức là kết tinh của tinh thần thời đại đó. Nghiên cứu triết học của một triết học gia, cố nhiên phải « tri kỳ nhân, luận kỳ thế » nghĩa là muốn biết người nào, thì luận thời đại của người đó. Nói tới nghiên cứu một thời đại hoặc lịch sử của một dân tộc thì phải biết triết học của nó. Bacon từng nói : « có rất nhiều người ghi chép tất cả đối với vạn vật ngoài vũ trụ cũng như đối với chánh trị, tôn giáo. Duy có tình trạng thông thường của học thuật các thời đại, vẫn không có người tường thuật ghi chép ; bộ phận này không được ghi chép, thì lịch sử thế giới giống như pho tượng làm ra thiếu đôi mắt, mà đôi mắt thì biểu thị phần sanh hoạt và tinh thần của con người ; như vậy, không ghi chép tình trạng thông thường của học thuật là điều thiếu sót. Trong quyển Tiến Bộ của Học Thuật, Bacon viết : « Tường thuật lịch sử một thời đại một dân tộc mà không nói tới triết học của nó, thì là « vẽ rồng mà không điểm nhãn ». Nghiên cứu lịch sử một thời đại một dân tộc mà không nghiên cứu triết học của nó, thì đối với thời đại đó, dân tộc đó, khó mà thấu triết được. « Người thông cảm với nhau, quý ở chỗ biết nhau trong tâm ». Chúng ta nghiên cứu một thời đại một dân tộc, cũng phải biết tận trong tâm thời đại đó, dân tộc đó. Đối với lịch sử thông thường, thì lịch sử triết học có phần trọng yếu hơn. Đối với nhà khảo cứu lịch sử, thì lịch sử triết học cũng là trọng yếu hơn.

Các hệ thống triết học đều có tinh thần đặc biệt riêng tư, bộ mặt đặc thù riêng tư : Một thời đại một dân tộc cũng đều có triết học của riêng mình. Đối với các triết học gia hiện đại, chúng ta chưa cho rằng học thuyết của họ là đúng, cũng chưa cho rằng học thuyết của họ là sai. Bởi vậy nghiên cứu triết học, một mặt phải nghiên cứu triết học sử để coi hệ thống của các triết học quan

trọng đối với thế giới và nhân sanh như thế nào và kiến tạo học thuyết nào, mặt khác phải quan sát trực tiếp phần thực tế của thế giới và của nhân sanh, tự lập được học thuyết nào. Do đó triết học sử càng trọng yếu hơn đối với người nghiên cứu triết học.

(Còn tiếp)

AN CƯ dịch

PHÂN ƯU

Chúng tôi hay tin trê báo huynh của nhà thơ Trần Văn Linh :

ông TRẦN VĂN HỌC

Thất lạc tại Tân ba (Tân uyên).

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng ông Linh và tang quyến và cầu nguyện cho linh hồn người quá cố sớm siêu thoát.

AN CƯ và anh em
Đồng-Nai Văn-Tập
Nguyệt san
19.12.1967

Vài cảm-tưởng sau khi đọc sách

ĐẠI-NAM NHẤT-THỐNG-CHÍ : LỤC-TÌNH NAM-VIỆT

(Tiếp theo)

● Bài của LÊ THỌ-XUÂN

III. — DỊCH NGHĨA

= Về tập Thượng, ngay ở trang 1, viết : « Năm thứ 32 (Kỷ-Vị, 1739) đời Vua Thái-Tôn Hiếu-Triết Hoàng-Đế, Trấn-thủ nhà Minh là Cao-Lôi-Liêm và Dương-Ngạn-Địch đến qui-phụ... » (1)

Câu này do nguyên-văn : « Cố Minh trấn-thủ Cao-Lôi-Liêm Dương Ngạn Địch đẳng qui phụ... »

Viên Trấn-thủ nhà Minh này không phải tên Cao-Lôi-Liêm mà là một di-thần nhà Minh, — gọi là « Cố Minh » vì bấy giờ Trung-hoa thuộc triều-đại Mãn-Thanh, — trấn-thủ ba phủ Cao-châu (gồm 5 huyện), Lôi-Châu (gồm 3 huyện) và Liêm-châu (gồm 2 huyện), tức ba phủ miền Nam tỉnh Quảng-đông, chung một vùng nằm ngay phía trên đảo Hải-nam ; và viên Trấn-thủ này là Trần-Thượng-Xuyên, cũng có tên là Trần-Thắng-Tài mà Trịnh-Hoài-Đức chỉ chép trước-vị là Thắng-tài-hầu. Hiện nay dấu-vết của Thắng-tài-hầu hãy còn tại đình Tân-lân, tỉnh-ly Biên-hòa, và tại chùa Phật trên cù-laio Phố.

(1) Cuối tập Thượng có đính-chính : Kỷ-Vị này là 1679 (60 năm trước), không phải Kỷ-Vị 1739.

(Độ ba mươi năm trước, đọc *Việt-nam sử-lược*, thấy ông Trần-Trọng-Kim đã lầm thế này, tôi có viết thơ tỏ với ông : « Cao-Lôi-Liêm không phải tên người mà là tên Cao-châu, Lôi-châu và Liêm-châu... » Ông không trả lời. Lúc sau này, thấy *V.N.S.L.* tái-bản, có sửa-chữa, nhưng lại để « châu Cao, châu Lôi, châu Liêm » (1) và để « thuộc Quảng-tây ».

Vậy tưởng nên dịch : « Tướng nhà Minh (đã bị nhà Thanh dứt) là Trần Thượng-Xuyên, trấn-thủ ba phủ Cao, Lôi, Liêm (nay thuộc tỉnh Quảng-đông) và Dương Ngạn-Địch (2) đến quy-phụ... »



== Ở trang 10, viết : « Năm Bình-thân đạo Hòa-nghĩa là Lý-Tài chiếm cứ núi Chiêu-Thái... »

Tưởng nên dịch rõ hơn : « Năm Bình-thân, viên chủ-tướng của toán quân Hòa-nghĩa là Lý-Tài... » (Lý-Tài là người Phước-kiến, mộ một toán quân đặt tên là Hòa-nghĩa-đạo (3), trước theo Tây-son, sau theo chúa Nguyễn, rồi làm phản...).



== Cũng ở tr. 10, dịch ra quốc-văn : « ... sách man-ba tân phụ » và ở tr. 16 : « ... phát-nguyên từ trại sách Tân-Phụ... »

E không rõ nghĩa, nhất là hai chữ *Tân-Phụ* sau đều viết *T* và *P* hoa lại có gạch-nối, như tên riêng của một trại sách nào.

(1) Xin đọc-giả đừng lấy làm lạ về chỗ Lý-Thường-Kiệt đánh Tống ở châu Khâm và châu Liêm (Châu chớ không phải Phú). Đúng thế. Đồi Đờng đất là Châu ; Tống giữ y ; Nguyễn đổi thành Lô ; Minh cải là Phú ; và Thanh giữ y.

(2) Dương Ngạn-Địch là viên tướng trấn-thủ Long-môn ; và, Long-môn này có lẽ là tên một huyện thuộc tỉnh Quảng-đông ngày nay, ở phía đông-bắc tỉnh-lỵ Quảng-châu, một huyện thiết-lập vào thời nhà Minh.

(3) Xin xem thêm « Đồi chuyện vui-vui : Hoa-ngại ? Trời ! ».

Phân-tách ra thì ta thấy : chữ « Man » là người Thượng (ngày nay) ; chữ « sách » (viết 冊 hay 册) thì trong Nam gọi là « sóc » ; còn chữ « ba » ở đây rất có thể là tên núi : núi Ba-ba, trên nguồn sông Đờng-nai. Và ba-ba là một loại rùa trong Nam, nhưng nếu gọi « núi Ba-ba » là « núi Rùa » thì nghe mách-qué quá, nên người ta quen gọi cho vắn-vẻ là « Thần-quy-son ».

Nguyên-văn mấy chữ này là « tân phụ man ba sách 新附蠻巴冊 », thuộc phần nói về Thần-quy-son, cũng gọi là núi Ba-ba, vì ở đầu nguồn suối có rùa đá mà biết xoay mình : khi đầu rùa hướng về phương Tây thì mực nước sông (Đờng-nai) bình-thường ; bằng thấy đầu rùa hướng về phương Đông thì phải mau mau... chạy lụt !

Biết vậy, ta thử đánh bạo mà nghĩ rằng hoặc-giả người sao-lục vô-ý chép sai, hoặc-giả chính tác-giả bất-cần nên « vắn Tàu mà không Tàu » (Pas chinois !) : vì đáng lý viết « Ba-man » — như Thạch-bích-man, ác-man, sơn-man... — thì lại viết hoặc chép ra « man-ba » ?

Nếu đúng vậy, thì tưởng nên dịch « Núi Thần-quy... về sóc của người Thượng Ba-ba mới quy-phụ », và « ... phát-nguyên từ các sóc mới quy-phụ ».

« Tân-phụ » dịch là « mới quy-phụ » hay « mới phụ-thuộc » cũng được, mà nếu dịch là « mới thuộc » thì nghe cũng ổn. (Các sóc đó trước « chưa thuộc », nay « mới thuộc » ; chữ « thuộc » ở đây — đối với người miền Nam — rõ nghĩa lắm : đã chịu về với ta, đã chịu theo luật-lệ của ta. Và, chữ Hán cũng viết là « thuộc-man ».)



== Ở trang 14, viết : *Gia-định thông-chi dẫn đường thư* có nói : phía đông nam *Trực-Hoàn Vương-quốc* 直環王國 có nước *Xích-Thổ* 赤土國... » (Ba chữ T, H, V, hoa cả, lại có hai gạch-nối hần-hội, khiến người đọc có thể hiểu là : Ở phía đông-nam một *Wương-quốc* tên là *Trực-Hoàn* thì có nước *Xích-Thổ*).

Hẳn là do câu : « trực Hoàn-vương-quốc đông-nam hữu Xích-thổ-quốc ».

Vậy, tưởng nên dịch : « Ngay ở phía đông-nam nước Hoàn-vương thì có nước Xích-thổ ».

Đông-nam nói đây là gióng hướng theo xưa.

Mà nước Hoàn-vương là nước nào? — Là nước Lâm-ấp từ Hán đến Đường. Năm 758 (thời Đường Túc-Tông, con Đường Minh-Hoàng), nước Lâm-ấp đổi tên lại là Hoàn-vương-quốc, về sau này kêu là Chiêm-thành.

Vậy nên *Đường-thư* (1) chép « Hoàn-vương-quốc », có khi chép « Hoàn-vương-truyện » là chỉ Lâm-ấp, tức Chiêm-thành.

Còn nước Xích-thổ là đâu? — Mời bạn đọc nghe vua Thiệu-Trị giảng : « Trước là nước Xích-thổ, sau chia làm hai : nước Xiêm và nước La-hộc. Khoảng đầu triều Nguyên, La-hộc mạnh, gồm thâu nước Xiêm, đặt quốc-hiệu là Xiêm-la-hộc ; qua triều Minh, sứ nước này sang cống, Minh-đế ban cho ấn « Xiêm-la » ; từ đó gọi là *Xiêm-la-quốc* 暹羅國 ». (2)

(Chữ 暹, Tây + Yêm thiết, âm Tiêm 織, nhưng người Trung-hoa đọc T ra X (như Tây ra Xây, Tam ra Xám...) và người miền Nam cũng đọc chữ này là Xiêm (nên có vệt Xiêm, dừa Xiêm, chuối Xiêm...) và như vậy cũng đúng với âm « Syâm » lần đầu-tiên có trên một bia Chiêm-thành khắc năm 1050, do đó người ta viết ra « Siam »).



(1) *Đường-thư* soạn vào thời Thạch-Tấn (936-947), tức Hậu-Tấn, do Thạch Kính-Đường rước quân Hung-nô vào Trung-hoa dứt nhà Hậu-Đường. — Xin xem thêm « Đồi chuyện vui vui : Kêu bằng... Ông Nội ! » và đến thời Tống Nhân-Tông, triều-thần sửa-chữa lại ngót 15 năm (từ 1045 đến 1060) mới xong. — Từ đó, bộ soạn trước thì gọi là *Cựu Đường-thư*, bộ sửa sau thì gọi là *Tân Đường-thư*.

(2) *Quốc-triều chính-biên toát-yếu*, q. 2, tr. 254.

Vả lại đây là đoạn nói về Xích-sơn 赤山.

Không biết vì sao tác-giả *Đại-nam nhất-thống-chí* : *Lục-tĩnh Nam-Việt* lại viết « Xích-sơn » ?

Trịnh-Hoài-Đức viết rõ đây là « Xích-thổ 赤土 », lại nói rõ là một vùng choán trên bảy xã thuộc tổng Phước-hưng, huyện Phước-an, trấn Biên-hòa. Vừa đặt chơn lên đất Đồng-nai, G. Aubaret đã dịch hai chữ « Xích-thổ » này ra « Terre-Rouge » (1). Mà vùng này, từ xưa, người miền Nam đã gọi nôm-na nó là « vùng Đất-đỏ », trên địa-hạt hai tổng Phước-hưng-hạ và An-phú-hạ (Bà-rija), và *Monographie de Bà-rija* (1902), trang 12, có ghi rõ « cao-nguyên Đất-đỏ ở giữa đường từ Bà-rija đến Xuyên-mộc » (plateau de Đất-đỏ à mi-chemin de Bà-rija à Xuyên-mộc) (2).

Thật ra thì « nước Xích-thổ » nói trong *Tân Đường-thư* và *Gia-định-thành thông-chí* vẫn không ăn thua gì với « vùng Xích-thổ » này, chẳng qua là tác-giả Đ.N.N.T.C. : L.T.N.V. « trông gà hóa quế » !



Lướt qua ngót trăm trang giữa, xin đến phần chót của tập Thượng.

= Ở tr. 106, viết về Ba-giồng : «... trước có Đại-giồng ngăn-trở, sau tựa chằm Mãng-trạch... » (chữ Mãng với M

(1) *Histoire et Description de la Basse-Cochinchine* (Paris, 1863), tr. 173, của G. Aubaret, bản dịch *Gia-định-thành thông-chí*.

(2) Ngày 12 tháng Giêng năm Gia-Long thứ 7, Trấn-biên-dinh đổi làm Biên-hòa-trấn, tổng Phước-an thăng làm huyện PHƯỚC-AN gồm hai tổng mới đặt ra với hai chữ « Phước » và « An » : đó là tổng PHƯỚC-hưng và tổng AN-phú ; nay chia làm các tổng Phước-hưng-thượng, Phước-hưng-hạ, An-phú-thượng, An-phú-hạ... — Tại vùng này, thời ấy, có làng Long-kiên ; nhưng về sau có người lăm ra Long-kiên, lại có cho xuất-xứ hẳn-hỏi rằng làng này lập ra từ thuở vua Lê CẢNH-hưng, vị vua mà GIA-LONG kế-vị, nên lấy tên là Long-cảnh, song phải đọc là Long-kiên (vì húy tên Ông Chương Nguyễn-Hữu-Cảnh) và viết đành-rành hai chữ Hán là . (Theo *Monographie de Bà-rija*, tr.31). Thật là « thông-thái » (1), giống in cái ông nào đã viết Vàm Tấn ra Vàm Tấn và giải-thích rằng tại Vàm này, hồi xưa kia, có viên quan an-nam-mít trấn đồn hể gặp ai đi ngang cũng bắt mà khảo, mà tra, mà Tấn (Đ.N.V.T., số 12, tr. 93).

hoa, và có chua : « Mãng-trạch là cái chằm hoang không ai trung-khẩn ».

Thi-sĩ Trịnh-Hoài-Đức viết chỗ này « có mùi thơ » là : « Tiền trở trường-giang, hậu ỷ măng-trạch ». Nếu tôi dịch câu này thì tôi cố tránh *Chằm* đi với *Trạch* (*chằm măng-trạch*, vì *Trạch* là *Chằm*); tôi theo nghĩa chữ *Trở* là *Nương*, là *Cây* và chữ *Ỡ* là *Dựa*, là *Tựa*; rồi tôi rán cũng « thơ » như họ Trịnh mà : « Trước tựa trường-giang, sau nương măng-trạch. Chữ « măng » không viết với *M* hoa, rồi cũng chua nghĩa như dịch-giả sách *Lục-Tĩnh Nam-Việt* này, và còn thêm : « Nó là cái Đổng Tháp-mười đỏ, các bạn a ! »



== Cũng ở tr. 106, viết : « *Sông Tri-tường... chảy vòng trước tỉnh-thành... rồi ra đại, tiểu hải-khẩu Ba-lai* ».

Đây là do câu «... xuất Ba-lai, Đại, Tiểu hải-khẩu » và tưởng nên dịch : «... rồi ra cửa Ba-lai, Cửa Đại và Cửa Tiểu » (hai chữ *Đ* và *T* viết hoa vì là tên riêng; tức ba hải-khẩu riêng-biệt mà ở gần nhau).



Cũng về sông Tri-tường (tr. 107), tôi nhận thấy nhiều chữ hoặc do người chép viết sai hoặc do tác-giả viết sai, như :

- quán *Thị-Cai* 氏 ra quán *An-cai* 安 ;
- sông *Lương-phú* ra sông *Phú-lương* (1)
- *Bến-tranh* ra *Đò-tranh* 渡 hai chữ *Bến* và *Đò* giống nhau ;
- *Hóc-đồng* 全, 同 ra *Húc-động* 洞 ;

(1) Hãn tác-giả hay người chép bị ám-ảnh bởi Cá sấu và Nguyễn-Thuyên (Hàn-Tuyên) ở *Phú-lương-giang*, vào thời Nhân-Tông nhà Trần.

— và *sông Cù-úc* thì nên phiên là *rạch Vãng-gù* mà nay thấy ghi trên địa-đồ là *Kinh Bót* (1).

Riêng việc dịch nghĩa, có hai chỗ đáng nêu ra :

a) Đã viết : «... nên đến chỗ *Vọng-thê* là khi đảo kính có làm cái thang cao để đứng nhằm địa-thể đảo mở, tục gọi là *thán-lung* (cái giỏ bới than) là chỗ thủy-triều giao hội (gọi là *giời thủy* hay là *giao-đầu-thủy*) đờng kính nhiều chỗ uốn cong mà cạn hẹp... »

Những e khó hiểu !

Thủy-triều giao-hội hay là... hay là... thì dịch cho đúng nghĩa và ai cũng biết rõ là : giáp-nước. Nhất là giáp-nước này là một giáp-nước « nổi danh » mà ta phải nhắc đến với tấm lòng kính-mộ chân-thành : đây là giáp-nước *Cai-lộc*, gần cầu *Cai-lộc*, chỗ *Cụ Thủ-khoa Huân bình-tĩnh* và *nghiêm-chỉnh* lên *đoạn-dầu-dài*.

Đến như « *thán-lung* » và là « *cái giỏ bới than* » thì...!

(1) Tân-an có tên xưa là « *xứ Vãng-gù* », sau dịch ra chữ Hán là *Cù-úc*. Chữ *Úc* là *Vũng*, như *Thuyền-úc* là *Vũng-tàu*, *Hương-úc* là *Vũng-Thơm* (*Kom-pong-lhom*); chữ *Cù* phiên âm ra *Gù*, như *Năng-cù* phiên ra *Năng-gù* (*Long-xuyên*).

Chợ Tân-an là chợ *Vãng-gù*, chứ không phải là chợ *Vãng-Vũ* như trên một địa-đồ chánh-thức đã ghi.

Ta lại nên đề ý đến lối chép *Địa-lý* xưa và tùy chỗ mà dịch, tùy đường nước mà gọi :

1) Có *SÔNG Vãng-gù* (*Vãng-gù-giang*, hay *Hưng-hòa-giang*, *Hưng-hòa đại-giang*, *Hưng-hòa trường-giang*) là *Sông-cái* *Vãng-gù*, là khúc sông *Vàm-cỏ Tây* chảy ngang địa-hạt Tân-an.

2) Có *RẠCH Vãng-gù* (*Vãng-gù tiểu-giang*) là *rạch* chảy từ *Vàm-cỏ Tây*, xuyên qua châu-thành *Long-an*, xuống tới quán *Thị-Cai* nói trong « *sông Tri-tường* » trên đây (có lẽ là quán *Bà Cai*, nhưng sách xưa do các quan-lớn hoặc những « *đại-gia văn-chương* » viết nên không chịu gọi hạng dân-già là « *ông* » hay « *bà* » như người sô-ai ; bởi thế ta thường thấy xứ *Bà-rịa* thành xứ *Thị-Rịa*, sông *Bà-Nghê* thành sông *Thị-nghê*, núi *Bà-vãi* thành núi *Thị-vãi*, chợ *Bà-Chiều* thành chợ *Mụ Chiếu*, *rạch Bà Lý* thành *rạch Mụ Lý*, chùa *Ông Ngộ* (*Cần-guộc*) thành chùa *Lão Ngộ*, chợ *Ông Vãi* (*Mỹ-tho*) thành chợ *Lão Vãi*...)

3) Có *KINH Vãng-gù* (*Vãng-gù-kinh*) là con kinh do *Vân-trường-hầu Nguyễn-Cửu-Vân* (cha của *Bà Nghê*, tức *Thị-Nghê Sĩ-gòn*) cho đào, năm Ất-dậu (1705), thông hai ngọn-cùng — không phải « hai đầu nguồn sông » như dịch-giả *L.T.N.V.* viết : đó là ngọn-cùng của *rạch Vãng-gù* tại quán *Thị-Cai* và ngọn-cùng

Chữ Than là Than ; nhưng chữ Than này đáng lý phải có G như cái thang vừa nói trên. Còn chữ Lung 隴 thì phải đọc nôm là Trông : nó là cái Thang-trông (mirador), chứ không phải là cái giỏ bôi than. Gần giáp-nước này có cái chợ gọi là chợ Thang-trông hay là chợ Phú-kiết — vì thuộc xã Phú-kiết (1).

Vậy, tưởng nên dịch và nên đóng dấu ngoặc cho đúng chỗ : «... đến Thang-trông (chữ Hán viết là Vọng-thê 望梯, vì tại đây, khi đào kinh có làm một cái thang cao để đứng nhằm địa-thể đào mở) là chỗ giáp-nước nên đường sông nhiều chỗ uốn cong và cạn hẹp...»

của rạch Mỹ-tho tại Bến-tranh (Mỹ-tho tiền-giang ; còn Mỹ-tho đại-giang là sông-củ Mỹ-tho, tức Tiền-giang, khúc chảy ngang địa-hạt Mỹ-tho ra Cửa Tiền và Cửa Đại).

Kinh Vũng-gù thì đến năm Gia-Long 18 (1819), vua truyền vét lại và cho đổi tên là Bảo-định-hà — của Định-trường — để gọi con đường thủy từ Vàm-cỏ Tây (Tân-an) đến Chợ-củ Mỹ-tho, vì hồi ấy Vũng-gù vẫn thuộc Định-trường-trấn : tây-ngạn vàm Bảo-định lên phía Rạch Chanh là phần đất tổng Kiến-hưng, đông-ngạn vàm Bảo-định xuống Bao-ngược là phần đất tổng Kiến-hòa, nên Vàm-cỏ Tây ở khúc này gọi là Hưng-hòa-giang.

Bảo-định-hà thì người Pháp gọi là Arroyo de la Poste.

Gần đây, trên địa-đồ tỉnh-ly Long-an, tôi thấy Hưng-hòa-giang thì ghi là Sông Vàm-Cỏ Tây và Bảo-định-hà thì ghi là Kinh BỐT, có chừa thêm chữ Pháp « Arroyo de la Poste ».

Vì vậy, tôi xin thêm vài lời : Arroyo dịch Kinh là đưng ; Poste phiên ra BỐT là thông-thường. Nhưng..

BỐT có nghĩa đồn-bót như Bót Quan-ba ở Bến-tre hồi trước, Bót Săng-dầm ở mỗi tỉnh, Bót Hàng Keo ở Bà-Chiêu, Bót Catinat ở Saigon... quả đều do chữ Poste. Tuy-nhiên, chữ Poste này là « giống đực » : le poste, un poste.

Trái lại, chữ Poste về Bảo-định-hà thì là « giống cái » : la poste. Thế thì Arroyo de la Poste có nghĩa là Kinh Trạm. Chữ Trạm này không đồng nghĩa với « chỗ dừng lại » như Trạm ô-tô-buýt, mà là « Cung Trạm » để lo việc chuyên-đặt công-vấn, tổ-chức từ thời Thái-Tông nhà Lý ở nước ta.

Một điểm đặc-biệt : Tại Nam-kỳ Lục-tỉnh, việc chuyên-đặt công-vấn toàn do đường thủy, nên các Trạm đều đặt dài theo bờ sông, gọi là « giang-trạm ».

(1) Tại chợ này, trước kia có một bà lão mà ít ai biết Bà là ai, và chúng tôi quen gọi là « Bà Đờ Phú-Kiết ». Bà là vợ một ông kêu là « Ông Đờ », một vị anh-hùng vô-danh, đóng vai-tướng khó-khăn và nguy-hiêm hơn những vị anh-hùng khác của vùng này như Thủ-Khoa Huân, Âu-Dương-Lân, Nguyễn-Đình-Chiêu... Nhớ đến Phú-kiết, chúng tôi thành-kính nhắc đến Bà, và chúng tôi vừa thành-thành kính-kính thuật lại những mẩu chuyện mà Bà đã kể cho chúng tôi nghe, trong tập-sau Sư-Địa số 3/1966 « Đặc-khảo về Trương-Định ».

b) Và viết : « ... hơn chín ngàn người đào mở từ chỗ Vọng-thê cho đến Húc-động 14 dặm, bề ngang 7 trượng 5 thước, sâu 9 thước, hoặc đào ra cái kinh mới để liên-lạc nhau ».

Đã đào mở 14 dặm, rộng 7 trượng rưỡi, sâu 9 thước, để tiếp-giáp hai ngọn-cùng rạch Vũng-gù (Cù-úc) và rạch Mỹ-tho — từ chợ Thang-trông đến Húc-động —, sao còn « hoặc đào ra cái kinh mới » ?

Trong Đại-Việt tập-chí số 9 ra ngày 16-02-1943, tôi có viết bài « Bảo-định-hà (Arroyo de la Poste) », tức sông Triturong này. Tôi dựa theo Gia-định-thành thông-chí và bia đá của Huỳnh-Công-Lý (người giám-đốc việc đào kinh này năm 1819) dựng tại Thang-trông Phú-kiết, thì đoạn này như sau : « ... hễ gặp chỗ hẹp thì vét rộng ra, gặp chỗ cạn thì vét sâu xuống, gặp chỗ công-queo thì vét cho ngay (1), từ chợ Thang-trông đến Húc-động (2) dài 14 dặm (.....) 9679 dân phu chia làm ba tốp, thay phiên nhau mà vét kinh này... »



= Ở tr. 108, viết : « ... cây cỏ rậm-rạp có nhiều súc-sách (.) 冊 của Cao-mạn, ... » — Dịch-giả có giải-thích hai chữ Súc-sách : « Súc là chỗ nước tụ, sách là bên tre hay cây lại đứng ở dưới sông làm như đĩa nuôi cá », và còn bảo : « Nhưng phải dùng chữ sách 冊 — có Mộc bên tả — này mới nhằm, mà lại biên sai là chữ sách 冊 này ».

Giải nghĩa như thế e không hợp với chỗ này. Đây là hai chữ 瀆 冊 Sốc-sách, tức là trại-sốc của người Cao-miền (như danh-từ Sốc-sãi ở Bến-tre, Sốc-trăng tức Ba-xuyên).

(1) Tức là « hoặc khai tân-kinh dĩ liên-lạc chi », mà chính tác-giả Đ.N. N.T.C. : L.F.N.V. tự-ý thu gọn thành khó hiểu cho người đọc.

(2) Húc-động : Giồng Húc (?). — Nhớ như trong Dir đờ thuyết-lược (tôi không nhớ rõ, vì quyển sách này của tôi đã bị mất trong bến cổ 1945), Cụ Trương-Vinh-Kỷ có chép tên « Giồng Húc Ốt » thuộc vùng này, nhưng mãi đến nay tôi vẫn tìm chưa ra địa-danh và địa-diểm này, đoán chừng là khoảng rạch Bà Lý.

Đại-nam quốc-âm tự-vị viết chữ Sốc 瀾 và chữ Sách 册 để chỉ làng, xóm của đồng-bào Thượng. Gia-định-thành thông-chí, Đại-nam nhất-thống-chí của Cao-Xuân-Dục và ngay đến Đại-nam nhất-thống-chí : Lục-Tinh Nam-Việt mà chúng ta đương nói đây, đều viết không phân-biệt hoặc Sách 册 hoặc Sách 册 — cốt đọc ra âm « sách » — để chỉ Trại-sách, Sốc-sách (1).



Ta cùng nhau bước sang tập Hạ.

= Ở tr. 12, về Tiền-giang, viết : « ... trải 34 dặm đến sông Đại-tuần qua lạch Ba-lai Mỹ-tho chảy ra đại-tiểu hải-khâu ».

Đại, Tiểu hải-khâu thì ta đã biết là Cửa Đại và Cửa Tiểu rồi. Đây xin bàn về chữ Lạch.

Theo bản chữ Hán thì đây là chữ *Lịch* (không có bộ Thủy bên tả), nghĩa là Trải qua ; không phải *Lạch* hay *Rạch* 澗 (có bộ Thủy). Bản sao chép đúng. Hiềm vì tác-giả cho chữ *Lịch* theo liền sau chữ *Kinh* 逕 là *Thắng* (kinh lịch Ba-lai Mỹ-tho) khiến dịch-giả ngỡ nó là chữ *Lạch*.

Vậy, tưởng nên dịch : « Tiền-giang... đến sông Đại-tuần, rồi chảy ngang sông Ba-lai và sông Mỹ-tho, đoạn thẳng ra Cửa Đại và Cửa Tiểu ».



= Cũng về Tiền-giang, viết tiếp : « ... một chi... làm Hàm-long đại-giang... chảy ra cửa biển Bàn-côn và cửa biển Ngao-châu ».

(1) Gia-định-thành thông-chí còn viết, về Hà-tiên : « Cao-man nhị-thập-lục Sốc » (người Cao-miền có 26 sốc).

Cửa Ngao-châu hay cửa Bãi Ngao (1) thì cũng được cả, nhưng cửa Bàn-côn thì phải phiên âm là Bãng-cung ; đến như con sông to, con sông có tiếng, là sông Hàm-luong thì còn có thể miễn-cưỡng đọc ra Hàm-long, nhưng nhất-định không thể dịch ra là Hàm-rồng như ở trang 13 liền đó.

Riêng đề Hàm-rồng cho Thanh-hóa, xừ đế-vương phát-tích bao lần (2).



= Ở tr. 16, viết : « Ngòi Mỹ-lung... Đà rộng 9 trượng, sáu 11 thước. Cách phía đông 3 dặm, bờ bên bắc bên Trúc kính (Bến Tre) và bờ bên nam đến chợ Mỹ-lung ».

Theo nguyên-văn : « ... Đông tam lý bắc-ngạn kính 徑 Trúc-tân-thị, nam-ngạn kính 逕 Mỹ-lồng-thị ».

1) Trước hết, phải chặt rời chữ *Kinh* 徑 (tả Sách hữu Kinh) là *Thắng*, là *Đến*, — đồng nghĩa với chữ *Kinh* 逕 (Kinh và Sước) vừa gặp trong « kính-lịch » trên kia và trước « Mỹ-lồng-thị » trên đây, — rồi nối liền hai chữ « Trúc-tân » là *Bến-tre* ; không thể cho đi chung ba chữ « kính-trúc-tân » để dịch ra « bến Trúc-kính ».

2) Ngòi và Đà đều nên để là *Rạch*.

3) Sau nữa, *Mỹ-lung* 美籠 thì phải đọc là *Mỹ-lồng*. (Đề đề nhớ, xin đừng quên : ở *Bến-tre* có « bánh tráng Mỹ-lồng, bánh phồng Sơn-đốc »).

Và, tưởng nên dịch : « Rạch Mỹ-lồng... Rạch ruộng..., vào (từ sông Hàm-luong) phía đông ba dặm thì ở bờ bên

(1) Bãi Ngao (Ngao-châu) là bãi biển Báo-thạnh (Ba-tri, Bến-tre), quê hương của Cụ Phan-Thanh-Giản, nêu Cụ Nguyễn-Đình-Chiều « học » Cụ Phan với câu :

Dầu-dầu mây trắng cõi Ngao-châu !

Mong không một ai hiểu theo tác-giả một quyển sách nọ đã giải « Ngao-châu » như sau : « Chỗ có cá Kinh và cá Ngao, chỉ chỗ loạn-lạc ».

(2) Núi Hàm-rồng gần cầu Hàm-rồng, một danh-thắng ở Thanh-hóa ».

bắc là đến chợ Bến-tre, rồi thẳng tới chợ Mỹ-lồng ở về bờ phía nam (1).



= Kế rạch Mỹ-lồng, cũng ở tr. 16, có : *Ngòi Ba-la... Đà rộng 2 trượng 6 thước, sáu 8 thước. Trước cửa đã có nổi bãi Loa 螺洲* » (Loa-châu).

Chữ Châu ở đây không phải là Bãi, mà là Cù-lao ; Loa là Con ốc ; và Ba-la-mật là Cây Mít : đó là Cù-lao Ốc, nổi giữa sông Hàm-luông, ngoài vàm rạch Cái-mít, vùng của Long-vân-hầu Trương-Tấn-Bửu, và gần Hương-diêm của... tôi.



Ta bỏ tả-ngạn Hàm-luông tức Cù-lao BẢO (2) mà sang Cù-lao MINH (3) của tỉnh Bến-tre, nay gọi Kiến-hòa (4).

Ta gặp ngay, ở tr. 17 : « *Ngòi An-vĩnh... đến đã Lan-sái... chợ Ba-việt... đến Lê-đầu tiêu-giang... đã Thanh-thủy thông ra cửa Ban-côn* ».

Tôi chưa chắc Đà Lan-sái có phải là Rạch Giồng Sậy hay Giàng-sậy, Đà Thanh-thủy là Rạch và Vàm Nước-trong hay không. Nhưng tôi « chắc như bấp » :

1) Ngòi An-vĩnh là Rạch Cái-mơn, xứ trái cây có tiếng ;

2) Chợ Ba-việt là Chợ Ba-vát, chỗ Tân-chánh-vương và tưng-thần bị Tây-son nã-tróc ;

(1) Hai chợ này cách nhau 6 cây-số và nay đều ở về hữu-ngạn rạch Mỹ-lồng, tức là rạch Bến-tre, chảy từ sông Hàm-luông đến Hương-diêm và Sơn-dốc.

(2) Các tổng trên cù-lao này đều có chữ « Bảo » đứng đầu, như Bao-an, Bao-hựu, Bao-phước...

(3) Các tổng trên cù-lao này đều có chữ « Minh » đứng đầu, như Minh-đạo, Minh-lý, Minh-trị...

(4) Tôi sẽ có bài « Bến-tre và Kiến-hòa ».

3) Còn Lê-đầu 犁頭 thì Đầu là Đầu và Lê là Lưỡi cày, nên Lê-đầu tiêu-giang là Rạch Mổ-cày, què-hương của ông Bùi-Quang-Tung (một trong những người phụ-trách việc nhuận-chính hai tập *Lục-Tĩnh Nam-Việt* này nhưng ông thân-nhiên để « cái con rạch Mổ-cày » ở cạnh nhà ông vẫn bị gọi là « Lê-đầu tiêu-giang » lạ-huơ lạ-hoắc, mà ông không chua thêm vài lời cho rõ).



= Ở tr. 52, viết : « *Lễ-công-giang... phía trước có bãi cát nhỏ cũng gọi là bãi Lễ-công (1), cách phía tây đường cửa sông Nguyên-đông 90 dặm* ».

Dịch-giả theo sát bốn chữ : « Nguyên đông khẩu đạo 原東口道. Song-le ta không thể chặt « nguyên đông » và « khẩu đạo » để ra « đường cửa sông Nguyên-đông » được. Phải cắt rời một chữ Nguyên là Trước, Gốc, Vốn ; và ba chữ ghép Đông-khẩu-đạo là đạo Đông-khẩu, tức nay là lý-sở Sa-đéc.

Trước kia, tại đây có đồn-bảo, gọi Đông-khẩu-đạo (2) ; khi tác-giả soạn sách này thì đồn-bảo ấy đã bãi-bỏ, nên « đệm » cho một chữ « nguyên ».

Vậy đúng ra là : « Cách phía tây Đông-khẩu-đạo ngày trước 90 dặm », hoặc là : « Cách phía tây (nhiệm-sở) Đông-khẩu-đạo ngày trước 90 dặm.

Còn hai chữ Lễ-công (Ông Lễ) là chỉ Thống-suất CHUÔNG-cơ LỄ-thành-hầu Nguyễn-Hữu-Cảnh, nên « Lễ-công » thì người trong Nam gọi là « Ông Chưởng » (3).

(1) Nguyên-văn : Lễ-công-châu. — Và ở trang 63, tập Hạ, có đoạn nói riêng về Bãi Lễ-công (Lễ-công-châu).

(2) *Nhất-thống dư-địa-chí* : « đạo nhiệm-sở tại giang chi tả-biên ».

(3) Người miền Nam húy tên ông nên « Cảnh » đọc ra « Kiêng » ; Người miền Bắc viết và đọc tên ông là « Kính ».

Chữ Châu 洲 ở đây là Cù-lao, không phải là Bãi hay Bãi cát, như Tự-nhiên-châu của Chữ-Đông-Tử ở Hưng-yên hay An-tiêm-châu của « Ông Dừa, Bà Dừa » (Tây-quá phụ-mẫu) thuộc Thanh-hóa.

Vậy, tưởng nên dịch: « Sông Ông Chưởng (Lễ-công-giang)... phía trước có cù-lao nhỏ cũng lấy tên sông mà gọi, tức Cù-lao Ông Chưởng, cách phía tây Đông-khẩu-đạo 90 dặm » (1).



Đã biết Lễ-công-châu là Cù-lao Ông Chưởng, là chỗ Ông Chưởng đã dừng quân (đình binh) rồi mất tại đó; và người ta quản lĩnh-cửu (đình cửu) của ông tại cù-lao Phố (Biên-hòa) rồi an-táng tại đây thay vì đưa về Thuận-hóa, nên tại Cù-lao Phố còn có mộ ông và cũng có đền thờ ông.

Vậy câu ở đoạn chót trang 35, tập Thượng, về tỉnh Biên-Hòa: « Đền thờ Lễ-công... Dân ở châu Đình-binh cũng lập đền thờ, mà tên châu cũng đặt là châu Lễ-công », thì tưởng nên dịch lại: « Đền Ông Chưởng (Lễ-công-tử)... Dân ở cù-lao chỗ ông dừng binh cũng lập đền thờ, mà tên cù-lao cũng đặt là Cù-lao Ông Chưởng ». Có thể chưa thêm ba chữ Lễ-công-châu trong dấu ngoặc, nếu muốn.



== Ở tr. 55, về Hậu-giang, viết: « ... Chắt-cái và Đào-cảng-đạo »,

Đọc khá đúng nhưng không phải hai chỗ, mà là « Chắt cà-đạo cảng-đạo », nghĩa là Ngã tẽ vào rạch Chắt-cà-đạo, hay là Vàm rạch Chắt-cà-đạo.



(1) Sông Ông Chưởng cũng có người gọi là Vàm Ông Chưởng hay là Lòng Ông Chưởng.

== Vào phần chót tập Hạ, riêng về Rạch-giá tức Kiên-giang thì dấu đã đính-chánh những chữ *Lạch-giá* ra *Rạch-giá*, *Kiên-hà* ra *Kiên-giang*, cũng nên đính-chánh luôn những chữ *Giá-đà* ra *Rạch-giá*.

Cũng vào phần chót tập Hạ, các *Tấn* ở phía tây Nam-kỳ như Kiên-giang-tấn, Hoàng-giang-tấn, Hiệp-phố-tấn... mà dịch ra *Cửa tấn Kiên-giang*, *Cửa tấn Hoàng-giang*, *Cửa tấn Hiệp-phố* (1)... thì tưởng có thể thay vào bằng chữ rất thông-dụng là *Vàm* hoặc bằng danh-từ rất quen dùng của người địa-phương là *Cửa*, như *Cửa Rạch-giá*, *Cửa Đốc-Huỳnh* (hay *Cửa sông Ông-Đốc*), *Cửa Bãi-Háp*...

Về các *Vàm* trên đây, sách chỉ hải bề rộng và bề sâu, không có chỉ về *Tấn* (dồn-bảo), và hơn ba mươi *Cửa* ở vùng này thì *Nam-kỳ địa-dư-chí* của Duy-minh-thị (2) đều chép rõ ra là « tấn-khẩu » hoặc « tấn-cảng », còn *Nhứt-thống dư-địa-chí* của Lê-Quang-Định thì viết « hải-môn », đồng có nghĩa là *Cửa sông chảy ra biển*, *Cửa biển*, *Vàm*.



Xin có đôi lời kết.

Tôi thành-thật trình rằng Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục cho xuất-bản *Đại-Nam Nhất-Thống-Chất: Lục-Tỉnh Nam-Việt* này (3) là làm một việc rất thích-thời,

(1) Cửa Bãi Háp đã được tác-giả cho cái tên « rất nên thơ » là Hiệp-phố-tấn. — Hai chữ Bãi Háp thì người chép (hoặc chính tác-giả cũng nên) viết ra , và dịch-giả phiên âm là Phú-cáp-tấn. — Gần Cửa Bãi Háp có Cửa Đầm Cùng (L.T.N.V. chép là Cùng-đầm-tấu), nên lui tới vùng này thì người ta hay nói chung là « Đi Bãi Háp — Đầm Cùng ». (Có sách chép là Đòng-Cùng.)

(2) Xin đọc thêm «Đôi chuyện vui-vui: Ủy chà, Đờ-Chiều!»

(3) Xin phân-biệt *Đại-Nam Nhất-Thống-Chất* với *Đại-Nam Nhất-Thống-Chất* và *Lục-Tỉnh* với *Lục-Tỉnh* như sau:

a) *Đại-Nam Nhất-Thống-Chất* của Học-bộ Thượng-thơ Cao-Xuân-Dục soạn vào thời Duy-Iân, gồm 17 quyển riêng cho 12 tỉnh và 1 đạo ở Trung-Việt (không nói tới Nam-Việt).

b) *Lục-Tỉnh Nam-Việt* (tên mới) rút trong bộ *Đại-Nam Nhất-Thống-Chất*, không thấy đề tên tác-giả, và sách chỉ nói đến khoảng đầu niên-hiệu Tự-Đức. Theo ông Dương-Quảng-Hàm (*Việt-nam văn-học sử-yếu*) và ông Thái-Văn-Kiểm

ứng-dáp đúng khát-vọng của những kẻ hiếu-học, tỏ ra nhiều cố-gắng, cần được cổ-võ hoan-ngình.

Tôi chỉ than-phiền tác-giả, người đã soạn ra *Lục-Tĩnh Nam-Việt* trong bộ *Đại-Nam Nhất-Thống-Chí*. Tôi bỗng nhớ lời Cụ Kỳ-Xuyên Nguyễn-Thông : phê-bình bộ sách của một soạn-giả Trung-hoa trong có phần viết về địa-dư Việt-Nam, Cụ dùng bốn chữ « hồ-lô nhi tiếu » (1).

Thế là tác-giả cứ chép theo sách của Lê-Quang-Định và Trịnh-Hoài-Đức, rồi thêm chút-ít điều nào xảy ra sau thời họ Lê, họ Trịnh. Làm như thế, tác-giả còn được người đời cảm ân mến đức. Trái lại tác-giả đã khiến cho người hiếu-học phải mất hứng, không còn cảm thấy thích-thú học hỏi môn Địa-lý Việt-nam, đã khiến cho học-sanh cũng như người tự-học phải nhiều lăm-lạc khó sửa-chữa.

Vậy, tác-giả phải gánh phần trách-nhiệm khá nặng-nề đối với nền Văn-học của Nước-Nhà yêu-quý của người Việt chúng ta.

LÊ-THỌ-XUÂN

thì «Đến đời vua Tự-Đức có truyền cho Quốc-sử-quán soạn bộ *Đại-Nam Nhất-Thống-Chí*, bắt đầu soạn từ năm 1865 cho đến năm 1882 mới xong».

c) Riêng về *Lục-tĩnh Nam-kỳ* thì có quyển *Nam-kỳ lục-tĩnh địa-dư-chí* của Gia-định-thành Phụng-du-ly cư-sĩ DUY-MINH-|H| soạn xong trong năm nhâm-thân (1872).— Trước kia, tôi có bản chữ in ; nay thấy tại Hội Khảo-cứu Đông-dương có bản viết tay, chép sai rất nhiều, như là có nhiều chữ thiếu-sot, bỏ trống, có lẽ vì bản chánh hư rách hay bị mối mọt ăn ; người ta dựa theo tập *Lục-Tĩnh Nam-Việt* trên đây mà điền vào đó những chữ khác, rồi phải cái nạn «Tác đánh Tệ , Ngô đánh Quá » nên có lăm chỗ chữ Nghĩa biến thành chữ Mỹ , chữ Thuận hóa ra chữ Hối hay Tu ...

(1) Tôi nhớ như là Cụ viết trong *Kỳ-Xuyên văn-tập* (tôi đọc sách này của một bạn thân cách nay lối ba mươi năm) Tôi nhớ như Cụ viết « hồ-lô nhi tiếu », thấy là-lạ vui-vui, tôi tìm hiểu nghĩa và được giải-thích là giống-giống như ta nói « ôm bụng cười dãi ». Và tôi nhớ như bộ sách nói này là *Thiên-hạ quân quốc lợi-bại-thơ* của Cố Viêm-Vô, một văn-hào sống vào khoảng cuối triều Minh đầu triều Thanh. Quý độc-*giả* có biết rõ hơn, xin vui lòng chỉ-báo lại và xin nhận tại đây lời thành-thật cảm ơn trước của tôi.

SỐT ĐÔ THỊ

Truyện dài của Phạm Long Điền

HÁI BÔNG BỤP

Một buổi sáng hôm ấy, tôi khăn gói lên đường, rời bỏ đồng ruộng tươi mát với gió lộng sông dài để đi vào thành phố. Cũng như bao người dân miền Nam thích sống cuộc đời tràm lặng, nhàn nhã, tôi bị xô đẩy vào hội sống ngột ngạt với tiếng xe chạy, tiếng người đi, tiếng nhà máy. Theo cái đà ấy, càng ngày tôi cảm thấy mình bị lạc lõng giữa hòn đảo thành phố với màu áo diêm đúa phủ ngoài nhưng bên trong thì là một khối rỗng tuếch, khô khan, cần cỗi.

Ngày hai buổi, tôi phải lê chân đi làm, phải chạy nhẩy đua đòi như trăm ngàn người khác. Chợ đen chợ đỏ, áp phe, buôn lậu, làm đi, lấy trai, áp phe chánh trị, bán rẻ linh hồn cho quỷ sứ, đó là những nét đặc thù trong cuộc chạy đua đi tìm cái giàu sang, sung sướng của vật chất. Hình như người thành phố muốn quên tất cả những gì níu kéo họ trở lại mảnh đất quê hương.

Giữa lúc người thành phố phung phí tiền bạc, phung phí cuộc đời vào những giấc mộng lớn, giấc mộng con thì đồng bào họ, cha mẹ họ, anh em họ, cô bác họ từ những thôn ấp xa xôi đang hứng chịu biết bao cảnh tang tóc cứ thi nhau đổ xuống lòng đất. Đất bị cày nát thành từng mảnh vụn, nát ngổu trong niềm đau chua chát. Ruộng vườn héo hắt trong sự kinh hãi của những buổi bình minh đen với tiếng trọng pháo, tiếng xe tăng tàu bò, máy bay, bom nổ. Người dân quê mỗi khi nhìn về đô thị với niềm tuyệt vọng của những kẻ hết tin vào những người ăn sung mặc sướng mà quên đi nghĩa đồng bào, tình máu mủ.

Nhưng trong cái thành phố ngột ngạt, người ta ghi nhận nhiều loại người. Có loại tốt, có loại xấu. Có loại chực sẵn đưa dân tộc này vào con đường nô lệ. Nô lệ tiền bạc. Nô lệ bơ sữa. Nô lệ gạo. Nô lệ xe. Nhưng nô lệ nặng nhứt chắc chắn là nô lệ chánh trị. Những ai thường nói lớn tiếng yêu nước thương dân lại là những kẻ dễ bán rẻ lương tâm trong cái thành phố mất gốc này !

Càng nghĩ, tôi càng đau xót. Đau xót cho thân phận của mình, của dân tộc mình trong hoàn cảnh đen tối hôm nay của đất nước. Nghĩ, buồn, đau, giận, tiếc và cuối cùng dần bước tìm một hướng đi cho cuộc sống.

Trên con đường đi tìm, tôi bắt gặp một người bạn đồng hành đã từ lâu gọi gấm tằm sự mình qua báo chí, qua sách vở. Người bạn ấy vốn quen biết nhiều với bạn đọc ở khắp bốn phương trời. Tôi làm sao quên được một đêm ngoài trời mưa rả rít, tịch xa dội lại tiếng sấm nổ, tôi nằm yên đề lắng nghe lòng mình thồn thức với người bạn « tâm đầu » ấy niềm đau xót quê hương.

Nhưng người bạn ấy là ai?

Xin thưa ngay đó là nhà văn LONG ĐIỀN (tức Phạm Long Điền) với tập truyện dài SỐT ĐỎ THỊ. Cây bút ấy, có lần trên tạp chí này, đã làm cho người đọc cảm thấy buồn man mác lòng thương nhớ quê hương với truyện ngắn « CÂY CAU LAI ». Và cây bút ấy cũng đã làm nhiều bạn đọc xót xa với truyện ngắn Mưa Đêm Nay.

Tác giả cho đăng Sốt Đỏ Thị vào nguyệt san này gọi là có chút duyên lành trên con đường tìm lại những nét đẹp quê hương, như là quê hương ấy đang đau và đang lên cơn sốt.

Thủ đô miền Nam

mùa khởi sắc quê hương cuối đông 1967

AN CU

THAY LỜI TỰA

Em N. mến,

Anh mở đầu cuốn truyện tâm tình này bằng một lá thư viết gởi cho em sau gần năm năm chúng mình không gặp nhau. Anh đặt lá thư này ở đầu trang sách để mong em đọc lá thư với tất cả tình cảm tươi mát ngày xưa em đã dành cho anh và anh nguyện giữ mãi trong lòng.

Ngày ấy xa xôi lắm rồi và có lẽ nó đã phai nhòa trong ký ức của những người thân thuộc bên anh và bên em. Nhứt là những người thân trong gia đình em với cao vọng gả em cho một chàng sinh viên trường thuốc, sắp ra trường, bao nhiêu giàu sang phú quý đang chờ đón bên bờ hạnh phúc yêu đương.

Đêm nay ngồi bên ngọn đèn dầu leo lét, giữa một thôn xóm heo lánh ở vùng ngoại ô Sài Gòn, thiếu nước thiếu điện và thiếu tất cả tiện nghi, anh kê giấy lên chiếc thùng cây để viết thư cho em mà trí não anh không thể nào quên được buổi sáng hôm ấy. Một buổi sáng tràn trề hy vọng cho tuổi trẻ đang độ yêu đương.

Chắc em con nhớ ngày anh đến thăm em, bà ngoại và mẹ em mời mọc anh vào nhà nói chuyện với em. Phải thú thật hồi ấy mặc dầu đã vào đại học nhưng anh chưa biết yêu. Gặp em trong một buổi hội thảo văn nghệ, trên đường về, lúc chia tay, lòng anh cảm thấy xao xuyến lạ. Đêm hôm ấy, anh tự thấy rạo rức một cái gì nóng bỏng trong con người anh. Thề thì anh đã yêu em và em sau cái buổi sơ ngộ ấy cũng đã ném được mùi vị của những ngày mới biết yêu.

Cuộc tình duyên của đôi ta êm đềm chìm đắm trong niềm hy vọng của tuổi trẻ. Anh mơ, em mơ, chúng ta cùng nhau mơ một giấc mơ tươi đẹp của những ngày sắp đến với hai quả tim, với hai mái đầu, với ánh mắt, với tất cả cái gì chung quanh chúng ta đều thuộc riêng quyền sở hữu của thế giới chúng ta.

Cuộc tình duyên sắp đi đến chung cục : hai họ đã thỏa thuận cho chúng ta làm lễ cưới nhau. Chúng ta đã hứa hẹn ngày vui sẽ tổ chức linh đình sau khi hai đứa ra trường, anh làm giáo sư, em được sư. Chỉ còn hai tuần mọi việc sẽ xong xuôi thì buổi sáng hôm ấy...

Anh làm sao quên được buổi sáng hôm ấy, một buổi sáng cũng lạnh lạnh như buổi sáng hôm nay vào những ngày sắp Tết.

Trong một câu chuyện vui, mẹ em hỏi anh sau này ngoài cái nghề gõ đầu trẻ, anh còn muốn xoay xở nghề gì cho mau giàu có phát đạt.

Mẹ em nhìn anh, nói tiếp :

— Nghề giáo trong sạch thật nhưng lại nghèo. Xã hội này là xã hội của tiền tài, danh vọng, chức tước.

Anh mỉm cười, không trả lời câu nhận xét thực tế của mẹ em.

Bà ngoại ngồi gần mẹ em, chêm vô :

— Đời này quý trọng nhau chỉ vì tiền. Tụi bây ra đời làm sao có nhiều tiền, cho tao vui. Bao nhiêu đó đủ rồi.

Trước những lời lẽ của mẹ em, của bà ngoại chuộng óc thực tế, anh trả lời gọn lỏn :

— Ngoài nghề giáo ra, sau này con sẽ chọn nghề làm báo viết văn đề bình vực người nghèo, đề nói lên tiếng nói trung thực của một dân tộc bị kiềm hãm suốt tám mươi năm.

Câu nói ấy phát xuất từ tấm lòng chân thành của một thanh niên nghĩ nhiều cho quê hương đất nước, câu nói ấy lại là câu nói đưa đến sự tan rã giữa chúng ta.

Anh đi đường anh, tôi đường tôi,

Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.

Gia đình em chê anh làm báo !

Trời ơi ! ở xã hội này, người ta ghét cay ghét đắng cái nghề cầm bút, vận chuyện ngữ ngôn và phát biểu tư tưởng.

Làm báo sẽ nghèo và sẽ mang họa vào thân. Đây là bài học chua chát anh thấu lượm khi sắp bước chân vào cái nghề bạc bẽo nhất trên đất nước này.

Mấy tháng sau, anh ra trường và đi dạy học. Nhưng vì chán nản không khí ao tù của cuộc đời công chức đầy phiền toái anh bỏ nghề mà sống hằn với cây viết và bộ óc.

Cuộc đời của anh trôi nổi bênh bồng theo tháng năm, theo những bước thăng trầm của nghề nghiệp dính liền với lịch sử dân tộc lắm nỗi đắng cay và uất hận. Mặc dầu biết cái nghề cầm bút vấp phải phong ba bão táp, anh vẫn cam tâm sống trong túng thiếu miễn là nói lên được lòng ray rứt của một thanh niên sớm ý thức vai trò của mình trong cuộc sống dân tộc.

Đất nước đắm chìm trong khói lửa, dân tộc oằn oại trong thống khổ nhục nhã. Nếu người chiến sĩ hăm hở cầm súng giết giặc cứu nước rất quan trọng thì người thanh niên không kém giá trị nếu biết đem lòng mình hòa lẫn với bước tiến của lịch sử.

Những câu nhận xét trên đều trở nên vô nghĩa đối với em ngày nay chêm chệ trên chiếc xe hơi Huê kỳ lộng lẫy với chức phận là bà bác sĩ.

Đêm nay viết thơ cho em bên ngọn đèn đầu, anh lại thấy những hình ảnh xa xôi vụt trong sáng lại trong trí não anh. Cha mẹ anh vốn làm ruộng, sinh ra anh trong sự túng huyệt đủ mọi bề. Nhà nghèo, anh phải chăn bò, cắt cỏ hái rau, đỡ đần gia đình.

Có những buổi chiều êm ả ở nhà quê, thằng bé con ngát nghều trên lưng bò, tay cầm cành trúc quất vào mình con thú mà hồn say mê theo câu ca tiếng hát. Nhưng cha mẹ anh dù nghèo, dù túng thiếu đến đâu, cũng rán thắt lưng buộc bụng nuôi đứa con trai ăn học, cầu mong sớm làm thầy thông thầy ký để cuộc đời bớt khổ, bớt tủi nhục cuộc sống tá điền. Thế thì thằng bé chăn bò bỏ đi cành tre, mà cầm lấy cây viết gắp ngòi viết lá tre đề nguyệt nguyệt bằng mực tím những hàng chữ của bò.

Cậu học trò nghèo sớm chứng kiến cái cảnh cha mẹ hi 'hụt làm nuôi con trong gió sớm mưa chiều. Nó cố học đề rồi nó vừa cầm cây viết, vừa cầm cây thước đề làm cái nghề cao quý, thanh bạch, trong sạch nhất trong cái xã hội đầy tội lỗi này : nghề gõ đầu trẻ.

Khi mới bước chân vào nghề của thầy Không, anh gặp em và chúng ta yêu nhau. Có lẽ đời sống hồn nhiên của sạch viên làm cho chúng ta xa rời thực tế vốn phải chăm lo cái sống trước đã. Anh cứ ngỡ mỗi khi mình yêu nhau thì trăm cay ngàn đắng, lăm nõi khổ nhọc nghèo túng sẽ khóa lấp tất cả. Nhưng không ! Trăm ngàn lần không. Cuộc sống hằng ngày ở đô thị dạy con người lo ăn lo mặc, lo phủ lên mình một lớp áo diêm dúa, màu mè đề rồi dần dần sa vào hố thâm của đam mê mà quên đi tiếng gọi của lý tưởng, của núi sông dân tộc.

Chúng ta xa nhau, đó cũng là lẽ đương nhiên của kiếp nhân sinh. Nhiều đêm, trong vùng ngoại ô chỉ có tiếng súng và hỏa châu tóe lửa vàng vọt làm bạn tâm giao, anh nhớ đến hình ảnh mến thương của em. Lòng anh không khỏi nuối tiếc một mảnh tình sớm vỡ tan theo nếp sống đô thị.

Thất bại trong mỗi tình đầu, anh mong mỗi tìm nguồn an ủi của người thanh niên thời đại với cái nghề cầm thước bán phôi bên những tấm hồn non dại. Theo thời gian, nghề giáo không giải đáp được lòng ray rứt băn khoăn của thằng bé vốn xuất thân từ giai cấp nghèo nàn.

Mặc dầu biết những ngày sắp đến chứng kiến cảnh nghèo túng, thiếu lên thiếu xuống anh đành bỏ cây thước mà bước thêm một bước nữa đề cầm cây viết. Cây viết ấy sẽ viết lên trang giấy trắng những gì em đoán biết được.

Câu chuyện đầu tiên anh muốn đem cả tâm huyết ra viết, đó là câu chuyện em đã kể cho anh nghe lúc chúng mình mới yêu nhau vào một đêm trăng mùa hạ. Câu chuyện không có gì đặc sắc nhưng câu chuyện được dính liền một phần nội tâm của em, của anh, của chúng ta, của lớp trẻ hôm nay đau

lòng chứng kiến cảnh băng hoại của nếp sống dân tộc trong cơn sốt đô thị.

Anh mong em đọc tập truyện này với tình cảm sâu đậm của những ngày vỡ lòng yêu.

Người anh xa xôi của em

LONG ĐIỀN

1967

KỶ TỚI BẮT ĐẦU ĐĂNG

KIM CANG

59, đường PHẠM HỮU-CHÍ (Chợ-lớn)

(Bên hông Y-Viện Chợ Rẫy)

CHUYÊN LÀM BẰNG MÁY :

Các nắp chai đủ cỡ, bằng nhôm hay bằng thiếc cho các nhà thuốc Tây và nhà thuốc Bắc.

白話文文範

Bạch-thoại Văn
Văn-Phạm

崔 滿 然

* Bài của THÔI TIỂU NHIÊN

Sau lời trình bày về mục « Văn-Phạm Bạch-Thoại » trong số 12 và số 13, chúng tôi đã bắt đầu cho 8 câu thí dụ viết với ngữ-vựng về Bạch-thoại cùng Văn-ngôn, dù là chỉ có mấy câu đó, vào bước đầu-tiên các bạn từng học qua chữ Hán thấy cũng không lấy gì làm khó hiểu, chỉ cần chú ý theo những nghĩa riêng biệt của mặt chữ bạch-thoại mà lần-lượt bạn sẽ đối-chiếu với những câu văn viết bằng Bạch-thoại mà bạn được thấy trong sách vở, lâu ngày cũng quen thuộc.

Với ý-chí đã vạch sẵn, chúng tôi vẫn cố gắng rút trong văn bạch-thoại những ngữ-vựng thường dùng và cho mấy câu thí-dụ như số trước hầu các bạn sưu-tập trong một vài số nữa thì dù chưa được thông thạo gì mấy, cũng chắc có một nền tảng sơ khởi về văn Bạch-thoại.

Dưới đây là 14 câu thí dụ cùng với mấy câu văn rút trong cổ văn mà cho dịch tương đương với Bạch-thoại.

Bản đối-chiếu về nghĩa chữ trong Văn-ngôn và Bạch-thoại.

VĂN-NGÔN BẠCH-THOẠI NGUYÊN-NGHĨA

- | | | |
|------------------------|--------------------------|---------------------------|
| 1) Diệc (亦): Cũng | Dã (也): Cũng | Dã: Vạy; tiếng cuối cùng. |
| 2) Phi (非): Không phải | Bất thị (不是): Không phải | Bất: Chẳng. Thị: Là. |
| 3) Dục (欲): Muốn | Yếu (要): Muốn | Yếu: Trọng đại |

- | | | |
|--------------------------|--|--|
| 4) Nhật (日): Ngày | Thiên (天): Ngày | Thiên: Trời. |
| 5) Như thử (如此): Như thế | Giá dạng (這樣): Như thế | Giá: dùng trong văn Bạch-thoại. Dạng: Hình dáng. |
| 6) Hà (何): Nào, gì | Thậm ma (甚麼): cũng viết (什麼), Na (那): Nào, gì. | Thậm ma, Na: Hai chữ này là văn Bạch-thoại. |
| 7) Như hà (如何): Thế nào | Chằm dạng (怎樣): Thế nào | Chằm dạng: Dùng trong văn Bạch-thoại. |
| 8) Hà dĩ (何以): Tại sao | Vị thậm ma (為什麼): Tại sao | Vị thậm ma: Tiếng dùng trong văn Bạch-thoại. |
| 9) Vi (為): Làm | Tạo (做): Làm | Tạo: Bời chữ « Tác » (作) mà ra nôm thành Bạch-thoại. |
| 10) Vi (為): Là | Thị (是): Là | Thị: Phải |
| 11) Vi (為): Bị | Cấp (給): Bị | Cấp: Cho |
| 12) Vi (為): Thành ra | Thành (成): Thành ra | Thành: Hoàn thành |
| 13) Vị (為): Vì | Thế (替): Vì | Thế: Thay cho |
| 14) Vi (為): Cõi như là | Đáng tác (當作): Cõi như là | Đáng: Xưng đáng. Tác: Làm. |

BẢN ĐỐI-CHIẾU TOÀN HÁN VĂN

Văn-ngôn

Bạch-thoại

- | | |
|-------------------------|---------------------------------------|
| 1) 昔時越南(亦)用漢文 | 1) 從前的時候越南(也)使用漢文 |
| 2) (非)戰之罪 | 2) (不是)戰爭的過失 |
| 3) (欲)何之? | 3) (要)到那裏去? |
| 4) 明(日)復明(日) | 4) 明(天)又明(天) |
| 5) (如此)江山大有可為 | 5) (這樣的)國家前途很有希望 |
| 6) A — (何)事
B — (何)人 | 6) A — (什麼)事 (那)件事
B — (什麼)人 (那)個人 |
| 7) (如何)方可 | 7) (怎樣)才行 |

8) 學業既成(何以)不為國效勞

9) (為) 臣盡忠

10) 天下(為) 公

11) (為) 民共棄

12) 分(為) 南北

13) (為) 國爭光

14) 四海(為) 家

Dịch âm Văn-ngôn : 1 — Tích thời Việt-nam DIỆC dụng Hán văn. 2 — PHI chiến chi tội. 3 — DỤC hà chi ? 4 — Minh NHỰT phục minh NHỰT. 5 — NHƯ THỬ giang-sơn đại-hữu khả vi. 6 — (A) HÀ sự. (B) HÀ nhơn. 7 — NHƯ HÀ phương khả. 8 — Học-nghiệp ký thành HÀ NHĨ bất vị quốc hiệu lao. 9 — VI thần tận trung. 10 — Thiên hạ VI công. 11 — VI dân cộng khí. 12 — Phân VI nam bắc. 13 — VI quốc tranh quang. 14 — Tứ hải VI gia.

Dịch âm Bạch-thoại : 1 — Tùng tiền đích thời hậu Việt-nam DĨ sử dụng Hán văn. 2 — BẮT THỊ chiến tranh đích quá thất. 3 — YẾU đảo na lý khứ. 4 — Minh THIÊN hựu minh THIÊN. 5 — GIÁ DẠNG đích quốc gia tiền đồ hãn hữu hy vọng. 6 — (A) THẬM MA sự. NA kiện sự. (B) THẬM MA nhơn. NA cá nhơn. 7 — CHẬM DẠNG tài hành. 8 — Học-nghiệp dĩ kinh thành tựu VI THẬM MA bất thể quốc gia xuất lực. 9 — TẠO thần tử đích yếu tận tâm thể quốc gia xuất lực. 10 — Thế giới THỊ công hữu đích. 11 — CẤP nhân dân nhứt trí phao khí. 12 — Phân THÀNH nam bắc. 13 — THỂ quốc gia tranh hồi diềm quanh vinh. 14 — Đảo xứ ĐÁNG TÁC gia đình.

Dịch nghĩa : 1 — Thời xưa Việt nam cũng dùng chữ Hán. 2 — Không phải lỗi của chiến tranh. 3 — Muốn đi đâu ? 4 — Ngày mai lại ngày mai. 5 — Giang-sơn như thế tiền đồ rất có hy vọng. 6 — (A) Chuyện gì. (B) Người nào. 7 — Thế nào mới xong. 8 — Học-nghiệp đã thành tại sao không ra giúp nước. 9 — Kẻ làm tôi phải hết sức trung thành với nước. 10 — Thế giới là của công. 11 — Bị nhân dân nhứt trí dứt bỏ. 12 — Chia thành nam bắc. 13 — Vì nước mà tranh lấy vẻ vang. 14 — Bốn biển coi như là nhà.

8) 學業已經成就(為什麼) 不替國家出力

9) (做) 臣子的要盡心替國家出力

10) 世界(是) 公有的

11) (給) 人民一致拋棄

12) 分(成) 南北

13) (替) 國家爭回點光榮

14) 到處(當作) 家庭

Xin dùng SẢN PHẨM do VIỆT-TÂN HOÁ-QUẦM CÔNG-TY SẢN XUẤT

Hiệu BẠCH-HOÀ

BỘT GIẶT (DETERGENT)

THUỐC GỘI ĐẦU

BỘT RỬA SẠCH

XÀ BÔNG ÉPONGE THƠM

HÀNG VẢI CẠC LOẠI QUỐC BẢO ĐÀM

KHÔNG GẦU KHÔNG NGUA

CHÈN DĨA SẠCH BÔNG

DỤNG CỤ NHÀ BẾP NHÀ TÂM SANG NHƯ MỚI

BẠCH HÒA

TỔNG PHÁT HÀNH SANH-XƯƠNG 98, LÊ-QUANG-LIỆM CHOLON Đ. T. : 37096

XƯƠNG. 415, LUC-TỈNH. CHOLON

HÃY ĐÓN ĐỌC

SỔ XUÂN Đông-Nai Văn-Tập

NGUYỆT SAN

SỐ 15